

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

-----

## BÁO CÁO TỔNG HỢP

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VĂN HOÁ  
VÀ THỂ THAO THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN  
BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO  
VÀ DU LỊCH

CƠ QUAN LẬP DỰ ÁN  
VIỆN VĂN HOÁ, NGHỆ THUẬT,  
THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

HÀ NỘI, 2025

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>6</b>
<b>1. Sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch</b> .....	<b>6</b>
<b>2. Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch</b> .....	<b>7</b>
2.1 Văn kiện, Nghị quyết của Đảng.....	8
2.2. Văn bản luật, Nghị quyết của Quốc hội.....	10
2.3. Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ.....	12
2.4. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ .....	15
2.5. Thông tư, Quyết định, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành.....	16
2.6. Các công ước quốc tế .....	17
<b>3. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh quy hoạch</b> .....	<b>17</b>
3.1. Phạm vi điều chỉnh quy hoạch.....	17
3.2. Thời kỳ điều chỉnh quy hoạch .....	18
3.3. Các đối tượng điều chỉnh quy hoạch .....	18
<b>4. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch</b> .....	<b>18</b>
<b>5. Phương pháp nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch</b> .....	<b>18</b>
5.1. Phương pháp thu thập tài liệu.....	18
5.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp.....	19
5.3. Phương pháp thống kê.....	19
5.4 Phương pháp dự báo.....	19
5.5. Phương pháp tham vấn các bên có liên quan .....	19
5.6. Phương pháp thông tin địa lý, bản đồ (GIS).....	20
5.7. Phương pháp tích hợp quy hoạch .....	20
<b>6. Trình tự lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030</b> .....	<b>21</b>
<b>PHẦN I. BỐI CẢNH VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH</b> .....	<b>23</b>
<b>1. Tác động của bối cảnh quốc tế</b> .....	<b>23</b>
1.1. Những đặc điểm nổi bật của bối cảnh quốc tế mới và tác động đến lĩnh vực văn hóa, thể thao .....	23
1.2. Yêu cầu mới đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong bối cảnh hội nhập quốc tế .....	24

1.3. Định hướng điều chỉnh quy hoạch mạng lưới theo hướng xác lập các đầu mối hội nhập quốc tế .....	25
<b>2. Bối cảnh trong nước .....</b>	<b>26</b>
2.1. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với quá trình đô thị hóa nhanh.....	26
2.2. Gia tăng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao của người dân .....	26
2.3. Thách thức về chênh lệch vùng miền và hạn chế nguồn lực đầu tư .....	27
2.4. Tác động của cuộc cách mạng cải cách tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính .....	27
<b>2.5. Tác động của các chủ trương, chính sách quan trọng được ban hành gần đây.....</b>	<b>37</b>
2.6. Định hướng điều chỉnh quy hoạch theo hướng bao trùm và có trọng tâm, trọng điểm.....	43
<b>3. Yêu cầu đặt ra đối với việc điều chỉnh quy hoạch .....</b>	<b>43</b>
3.1. Phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy và không gian hành chính mới.....	44
3.2. Đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững.....	44
3.3. Phát huy vai trò của văn hóa và thể thao như nguồn lực nội sinh .....	44
3.4. Bảo đảm yêu cầu hội nhập quốc tế gắn với giữ gìn bản sắc dân tộc .....	45
3.4 Bảo đảm đồng bộ với các chiến lược, chương trình và nghị quyết lớn của Đảng và Nhà nước .....	45
<b>PHẦN II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÀ HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO.....</b>	<b>47</b>
<b>1. Mạng lưới cơ sở văn hoá .....</b>	<b>47</b>
1.1. Mạng lưới cơ sở bảo tàng .....	47
1.2. Mạng lưới cơ sở thư viện.....	50
1.3. Mạng lưới cơ sở điện ảnh .....	52
1.4. Mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn .....	55
1.5. Mạng lưới cơ sở triển lãm văn hóa, nghệ thuật .....	57
1.6. Mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa ở trong nước .....	60
1.7. Mạng lưới cơ sở Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài .....	62
1.8. Mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật.....	65
1.9. Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam .....	67
1.10. Cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa.....	70
<b>2. Mạng lưới cơ sở thể thao.....</b>	<b>72</b>
2.1. Mạng lưới cơ sở trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao.....	72

2.2. Mạng lưới cơ sở trung tâm hoạt động thể thao.....	75
2.3. Mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao.....	78
2.4. Mạng lưới cơ sở dịch vụ thể thao và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên.....	81
2.5. Mạng lưới trụ sở cơ quan văn hóa, thể thao.....	83
<b>3. Đánh giá chung hiện trạng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.....</b>	<b>86</b>
3.1. Về phân bố không gian (chênh lệch vùng, miền; đô thị – nông thôn).....	86
3.2. Về hiệu quả khai thác, mức độ kết nối và xã hội hóa.....	87
3.3. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu và nguyên nhân.....	88
<b>4. Những vấn đề đặt ra và yêu cầu phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.....</b>	<b>89</b>
4.1. Những vấn đề đặt ra.....	89
4.2. Yêu cầu phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trong giai đoạn cuối kỳ quy hoạch.....	91
<b>PHẦN III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH.....</b>	<b>94</b>
<b>1. Quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao.....</b>	<b>94</b>
1.1. Quan điểm.....	94
1.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030.....	94
1.3. Tầm nhìn đến năm 2045.....	96
<b>2. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao.....</b>	<b>96</b>
2.1. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa.....	96
2.2. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở thể dục, thể thao.....	105
2.3. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở trụ sở cơ quan văn hóa, thể thao.....	108
<b>3. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư.....</b>	<b>109</b>
<b>PHẦN IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....</b>	<b>111</b>
<b>1. Nhóm giải pháp chung.....</b>	<b>111</b>
1.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách.....	111
1.2. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư.....	111
1.3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.....	112
1.4. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển.....	112
1.5. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền.....	113
1.6. Giải pháp về hợp tác quốc tế.....	113

1.7. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ.....	114
1.8. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động .....	115
<b>2. Nhóm giải pháp cụ thể phát triển mạng lưới cơ sở văn hoá.....</b>	<b>115</b>
2.1. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở bảo tàng.....	115
2.2. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở thư viện .....	118
2.3. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở điện ảnh.....	120
2.4. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn.....	123
2.5. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở triển lãm văn hóa nghệ thuật.....	125
2.6. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa ở trong nước.....	127
<b>2.7. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.....</b>	<b>129</b>
2.8. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành văn hóa nghệ thuật .....	131
2.9. Giải pháp phát triển mạng lưới Di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt.....	133
2.10. Giải pháp phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam .....	136
2.11. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa .....	138
<b>3. Nhóm giải pháp cụ thể phát triển mạng lưới cơ sở thể thao .....</b>	<b>140</b>
3.1. Trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao.....	140
3.2. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục thể thao .....	142
3.3. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên .....	145
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>148</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2021-2030 với tầm nhìn đến năm 2045, việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao quốc gia là một yêu cầu chiến lược nhằm thích ứng với những biến đổi sâu rộng của hệ thống quản lý nhà nước, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và tăng trưởng cao của đất nước.

Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao không chỉ là công cụ định hướng đầu tư xây dựng trong từng giai đoạn phát triển, mà còn là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển văn hóa, xã hội gắn với phát triển kinh tế bền vững theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Trong những năm gần đây, mạng lưới các cơ sở văn hóa và thể thao trên cả nước đã có nhiều thay đổi đáng kể cả về quy mô, loại hình và phương thức tổ chức hoạt động, thể hiện qua việc hình thành các trung tâm văn hóa – thể thao đa chức năng, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý và khai thác thiết chế, đồng thời từng bước điều chỉnh phân bố không gian nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, nông thôn mới và hội nhập quốc tế. Những biến chuyển này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải cập nhật, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao theo hướng đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với bối cảnh phát triển mới của đất nước.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đổi mới mô hình chính quyền địa phương, từ năm 2025, Việt Nam triển khai tái cơ cấu toàn diện hệ thống hành chính nhà nước, trong đó trọng tâm là chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương từ ba cấp (tỉnh – huyện – xã) sang hai cấp (tỉnh – xã), chấm dứt hoạt động của cấp huyện, đồng thời sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã và cấp tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Quá trình này làm thay đổi căn bản không gian quản lý, quy mô đơn vị hành chính và phạm vi trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp. Đây không chỉ là sự điều chỉnh về mặt tổ chức hành chính, mà là bước chuyển quan trọng về tư duy quản lý nhà nước, nhằm khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo trong điều hành, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực công.

Trong bối cảnh đó, hệ thống cơ sở văn hóa và thể thao – với vai trò là thiết chế phục vụ trực tiếp đời sống tinh thần và thể chất của nhân dân – cần được rà

soát, điều chỉnh quy hoạch theo hướng phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp. Việc điều chỉnh quy hoạch cần tính toán lại quy mô, vị trí, tính liên kết vùng và khả năng cung ứng dịch vụ của các cơ sở văn hóa – thể thao, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác và phục vụ trong điều kiện tổ chức bộ máy mới, tránh tình trạng bất cập, manh mún hoặc không theo kịp chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành và địa phương trong giai đoạn phát triển tiếp theo..

Mặt khác, trong bối cảnh chính sách kinh tế vĩ mô đặt ra mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn tới, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 226/NQ-CP ngày 5/8/2025, trong đó xác định mục tiêu quốc gia là tốc độ tăng trưởng GDP năm 2025 đạt khoảng 8,3-8,5% và phấn đấu tăng trưởng hai con số trong các năm tiếp theo, đồng thời yêu cầu việc tổ chức lại bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp phải gắn chặt với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở đó, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 cần được điều chỉnh để:

- Đảm bảo tính tương thích với mô hình tổ chức bộ máy và quản lý địa phương mới (hai cấp), tối ưu hóa hiệu quả phục vụ đời sống văn hóa, rèn luyện thể chất của nhân dân ở từng đơn vị hành chính mới;

- Định hướng đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa – thể thao gắn với quy hoạch đô thị, vùng, liên vùng và các trung tâm kinh tế mới hình thành sau sáp nhập;

- Huy động nguồn lực xã hội hóa trong điều kiện cạnh tranh khu vực và hội nhập quốc tế, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, thúc đẩy phát triển du lịch, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Việc điều chỉnh này không chỉ mang tính kỹ thuật quy hoạch mà còn là phản ánh yêu cầu quản lý và phát triển toàn diện của một quốc gia hiện đại, bảo đảm sự kết nối giữa quản trị hành chính, phát triển văn hóa – thể thao và mục tiêu tăng trưởng cao trong trung và dài hạn.

## **2. Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch**

Việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được đặt trên các căn cứ pháp lý, thực tiễn và

chiến lược sau đây:

Thứ nhất, căn cứ vào chủ trương, đường lối của Đảng về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đặc biệt là các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Các chủ trương này đã làm thay đổi căn bản không gian quản lý hành chính, phương thức quản trị và cơ chế phân cấp trong tổ chức, vận hành các thiết chế văn hóa và thể thao.

Thứ hai, căn cứ vào Luật Quy hoạch năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó quy định quy hoạch phải được rà soát, điều chỉnh khi có sự thay đổi lớn về điều kiện phát triển, tổ chức không gian lãnh thổ, mô hình quản lý hoặc mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội. Việc sáp nhập đơn vị hành chính, giảm cấp trung gian và tái cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước là những thay đổi mang tính hệ thống, tác động trực tiếp đến các nội dung cốt lõi của quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao.

Thứ ba, căn cứ vào Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh đã và đang được điều chỉnh đồng bộ theo mô hình không gian phát triển mới. Điều này đòi hỏi quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao phải được cập nhật để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong tổ chức thực hiện.

Thứ tư, căn cứ vào yêu cầu thực tiễn phát triển, cho thấy một số nội dung của Quy hoạch hiện hành đã bộc lộ hạn chế như: phân bố thiết chế chưa phù hợp với quy mô dân số và không gian hành chính mới; chùng chéo chức năng giữa các cấp quản lý; hiệu quả sử dụng đất đai, cơ sở vật chất và nguồn lực đầu tư chưa cao; chưa gắn kết chặt chẽ giữa phát triển văn hóa, thể thao với mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và bền vững.

### ***2.1 Văn kiện, Nghị quyết của Đảng***

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”;

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020;

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; Thông báo số 53-TB/TW ngày 30/3/2019 của Ban chấp hành Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2021);

- Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021; Quan điểm chỉ đạo của Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 1 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

## ***2.2. Văn bản luật, Nghị quyết của Quốc hội***

- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật di sản văn hóa ngày 18/6/2009; Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15, ngày 23 tháng 11 năm 2024

- Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

- Luật Thể dục Thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao ngày 14/6/2018;

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Luật Đất đai ngày 18/02/2024;

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14/6/2018;

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

- Luật Thư viện ngày 21/11/2019;

- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

- Luật Điện ảnh ngày 15/6/2022;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022;

- Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

- Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15, được Quốc hội thông qua vào ngày 11 tháng 12 năm 2025

- Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội thông qua Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào căn cứ lập quy hoạch.

Các văn bản khác liên quan.

### ***2.3. Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ***

- Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2022 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 15/10/2022 của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Di sản văn hóa;

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật;

- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh;

- Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam;

- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;

- Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng;
- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ quy định về hoạt động triển lãm;
- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;
- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 17/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/4/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ.
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/ 8 /2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025, Chính phủ ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành luật quy hoạch (sửa đổi)
- Các văn bản khác liên quan.

#### ***2.4. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ***

- Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

- Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;

- Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 1189/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2024, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thể dục, Thể thao (TDTT) đến năm 2030, tầm nhìn 2045

- Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045

- Quyết định số 1669/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng

Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.

- Các văn bản khác liên quan.

### **2.5. Thông tư, Quyết định, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành**

- Quyết định số 3117/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc và Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (giai đoạn 2023 - 2025);

- Quyết định số 3709/QĐ-BVHTTDL, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành kế hoạch triển khai các giải pháp của ngành văn hóa, thể thao và du lịch xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hoàn thiện nhân cách con người việt nam toàn diện, giai đoạn 2026 – 2030;

- Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;

- Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

- Quyết định số 3818/QĐ-BVHTTDL ngày 27/10/2025 về việc giao cơ quan lập Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 3828/QĐ-BVHTTDL ngày 30/10/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo tổ chức lập 02 Điều chỉnh Quy hoạch ngành quốc gia về văn hóa, thể thao và du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Quyết định số 4211/QĐ-BVHTTDL ngày 4/11/2025 về việc phê duyệt nội dung chủ yếu của nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các văn bản khác liên quan.

## ***2.6. Các công ước quốc tế***

Các văn bản Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia với tư cách thành viên (có liên quan đến ngành văn hóa), gồm:

- Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966;
- Công ước về các biện pháp ngăn cấm xuất nhập khẩu và chuyển giao trái phép quyền sở hữu tài sản văn hóa năm 1970;
- Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa và tự nhiên của thế giới năm 1972;
- Công ước UNIDROIT về việc hoàn trả quốc tế những tài sản văn hóa bị đánh cắp hay xuất khẩu trái phép năm 1995;
- Công ước quốc tế về du lịch văn hóa năm 1999;
- Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003.
- Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa năm 2005;
- Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật;
- Công ước quốc tế bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng (Công ước Rome);
- Công ước bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống việc sao chép không được phép bản ghi âm của họ (Công ước Geneva);
- Công ước liên quan đến việc phân phối các tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh (Công ước Brussels);
- Thỏa thuận về những khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Thỏa thuận TRIPs);
- Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả (Hiệp ước WCT);
- Hiệp ước của WIPO về biểu diễn và bản ghi âm (Hiệp ước WPPT).

## **3. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh quy hoạch**

### ***3.1. Phạm vi điều chỉnh quy hoạch***

Phạm vi quy hoạch là khu vực phân bố cơ sở văn hóa và thể thao có vị trí, quy mô, vai trò quan trọng trong việc kết nối vùng, tạo thành trung tâm động lực phát triển văn hóa, thể thao của vùng và liên vùng (bao gồm các cơ sở do các bộ, ngành quản lý trực tiếp) trên diện tích đất liền, các hải đảo, quần đảo, các vùng

biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam và các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài.

### ***3.2. Thời kỳ điều chỉnh quy hoạch***

- Giai đoạn nghiên cứu đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch: 2021-2025
- Giai đoạn điều chỉnh quy hoạch: 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### ***3.3. Các đối tượng điều chỉnh quy hoạch***

Mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cấp quốc gia được cụ thể hóa từ quy hoạch tổng thể quốc gia theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

Mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia bao gồm các cơ sở: Bảo tàng; thư viện; điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; triển lãm văn hóa, nghệ thuật; trung tâm văn hóa trong nước; trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài; cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật; Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam; cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa.

Mạng lưới cơ sở thể dục thể thao quốc gia bao gồm các cơ sở: Trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao; trung tâm hoạt động thể thao; cơ sở dịch vụ thể thao và cơ sở chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên; cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục thể thao.

Di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt; trụ sở cơ quan về văn hóa, thể dục, thể thao.

## **4. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch**

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, kế thừa, ổn định trong hệ thống quy hoạch quốc gia;
- Các quy hoạch được phép lập điều chỉnh đồng thời;
- Việc thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, được thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

## **5. Phương pháp nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch**

### ***5.1. Phương pháp thu thập tài liệu***

Tiến hành thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ cho việc lập quy hoạch từ các

nguồn khác nhau:

- Các Bộ ngành, cơ quan ở Trung ương;
- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp liên quan.

### **5.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp**

- Phân tích tổng hợp các điều kiện, yếu tố tác động đến thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Phân tích đánh giá kết quả thực hiện nội dung quy hoạch của các bộ ngành, địa phương có liên quan trong giai đoạn 2021-2025;
- Điều chỉnh nội dung quy hoạch: quan điểm, mục tiêu, phương hướng, giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045; các định hướng trong thời gian tới của Đảng, Nhà nước đối với ngành, rút ra các kết luận nền tảng cho quy hoạch.
- Nghiên cứu các giải pháp và cách tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch

### **5.3. Phương pháp thống kê**

Tiến hành thu thập, xử lý, tóm tắt số liệu thống kê (sơ cấp, thứ cấp) liên quan tới nội dung quy hoạch. Các thông tin thu thập phải từ các nguồn thông tin chính thống, từ các cơ quan có chức năng cung cấp thông tin, hoặc từ các nguồn thông tin đáng tin cậy.

### **5.4 Phương pháp dự báo**

Được áp dụng để nghiên cứu một cách toàn diện các yếu tố khách quan và chủ quan; các yếu tố trong nước và quốc tế; các yếu tố trong và ngoài ngành văn hóa, thể dục thể thao; những thuận lợi và khó khăn thách thức... có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao. Trên cơ sở đó, đưa ra phương án điều chỉnh quy hoạch một cách bền vững; nghiên cứu đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

Dự báo: Sử dụng hệ thống công thức, mô hình dự báo, điều chỉnh các hệ số liên quan để xác định những mục tiêu phát triển ngành, chuyên ngành phù hợp với các định hướng lớn của Đảng, Nhà nước về kinh tế - xã hội; đồng thời làm căn cứ cho việc phân bổ nguồn lực thực hiện, giải pháp thực hiện, ...

### **5.5. Phương pháp tham vấn các bên có liên quan**

- Phương pháp chuyên gia: Đây là phương pháp đóng vai trò quan trọng trong quá trình điều chỉnh quy hoạch. Văn hóa, Thể thao là lĩnh vực tổng hợp có liên quan đến nhiều lĩnh vực, do vậy muốn nhận diện đầy đủ những cơ hội, thách thức cũng như những định hướng phát triển cần có sự tham gia của các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Để áp dụng phương pháp này, số lượng chuyên gia tham vấn phải đủ lớn và phải là các chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực cần tham vấn ý kiến.

- Phương pháp hội nghị, hội thảo, tọa đàm: Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm theo từng giai đoạn nghiên cứu; quy mô và phương thức tổ chức sẽ được xác định trên cơ sở yêu cầu của công việc. Các hội nghị hội thảo sẽ được tổ chức xuyên suốt quá trình lập quy hoạch từ giai đoạn khảo sát cho đến các giai đoạn lập và trình thẩm định phê duyệt. Ngoài ra, còn tổ chức các hội thảo nội bộ (dạng workshop) hoặc các diễn đàn trao đổi trên mạng để có thể thu thập được những thông tin, đánh giá từ các góc nhìn khác nhau.

### ***5.6. Phương pháp thông tin địa lý, bản đồ (GIS)***

Đây là phương pháp cần thiết trong quá trình nghiên cứu biến động liên quan đến tổ chức không gian. Bản đồ được sử dụng chủ yếu theo hướng chuyên ngành để phân tích sự phân bố của các đối tượng trong không gian; đánh giá khả năng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cấp quốc gia với phân bố tài nguyên, quỹ đất của lãnh thổ. Trong quá trình điều chỉnh quy hoạch, hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System - GIS) sẽ được sử dụng để hỗ trợ biên tập, xử lý, phân tích, chồng xếp các lớp thông tin bản đồ để xây dựng hệ thống bản đồ hiện trạng và bản đồ định hướng quy hoạch. Các sơ đồ, bản đồ phải được xây dựng bằng phần mềm máy tính, có tỷ lệ và các lớp thông tin phù hợp với yêu cầu của từng nội dung quy hoạch. Các bản đồ xây dựng phải đảm bảo độ chính xác và phản ánh đầy đủ và trung thực các yếu tố hiện trạng, định hướng phát triển.

### ***5.7. Phương pháp tích hợp quy hoạch***

Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 là quy hoạch ngành quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan, do đó cần sử dụng phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cấp quốc gia nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững, cụ

thể như sau:

- Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao phải phù hợp, bám sát Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia cùng thời kỳ, Chiến lược phát triển ngành (văn hoá và thể thao); Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch vùng.

- Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao phải thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác.

- Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao là quy hoạch ngành quốc gia, có vai trò định hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cấp vùng, cấp tỉnh. Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cũng sử dụng thông tin, dữ liệu đầu vào từ các quy hoạch vùng, tỉnh, thành phố nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và tính thực tiễn.

## **6. Trình tự lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030**

Căn cứ nội dung Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành luật quy hoạch (sửa đổi), trình tự trình tự lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 như sau:

- Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch quyết định nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; chỉ đạo cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh quy hoạch theo quy định hiện hành của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung quy hoạch cần điều chỉnh và dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch;

- Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch lập điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi xin ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong

thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến;

- Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch tiếp thu, giải trình và hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia theo ý kiến góp ý của các cơ quan;

- Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch rà soát nội dung điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia bảo đảm phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được Quốc hội quyết định; báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch trước khi trình thẩm định và trình phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

# PHẦN I. BỐI CẢNH VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

## 1. Tác động của bối cảnh quốc tế

Thế giới hiện nay đang trải qua những biến động sâu sắc, nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo, với sự đan xen giữa cạnh tranh chiến lược, chuyển dịch quyền lực, toàn cầu hóa thể hệ mới và cách mạng khoa học công nghệ. Bối cảnh quốc tế không chỉ tác động đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị và an ninh truyền thống, mà ngày càng ảnh hưởng trực tiếp và sâu rộng đến lĩnh vực văn hóa và thể thao. Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, văn hóa và thể thao trở thành một bộ phận quan trọng trong tổng thể sức mạnh quốc gia, tác động trực tiếp đến vị thế, hình ảnh và năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia trên trường quốc tế.

Đối với Việt Nam, bối cảnh quốc tế mới đặt ra yêu cầu cấp thiết phải điều chỉnh tư duy và cách tiếp cận trong công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao, bảo đảm không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn phục vụ hiệu quả cho mục tiêu hội nhập quốc tế, nâng cao sức mạnh mềm quốc gia và quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

### *1.1. Những đặc điểm nổi bật của bối cảnh quốc tế mới và tác động đến lĩnh vực văn hóa, thể thao*

Toàn cầu hóa trong giai đoạn hiện nay đang chuyển mạnh từ chiều rộng sang chiều sâu, gắn chặt với cạnh tranh về giá trị, hình ảnh và ảnh hưởng văn hóa giữa các quốc gia. Văn hóa và thể thao ngày càng được sử dụng như những công cụ ngoại giao quan trọng, góp phần xây dựng và lan tỏa sức mạnh mềm quốc gia. Cạnh tranh quốc tế không chỉ thể hiện qua các chỉ số kinh tế hay tiềm lực quân sự, mà còn thông qua khả năng định hình giá trị, lan tỏa bản sắc văn hóa và tạo ảnh hưởng trong cộng đồng quốc tế. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đang đứng trước yêu cầu phải nâng cao vị thế văn hóa quốc gia, từng bước cải thiện thứ hạng và uy tín quốc tế, phù hợp với vai trò và tầm vóc của đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

Song song với đó, sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo trên thế giới đang tạo ra một mô hình tăng trưởng mới, trong đó các ngành như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thiết kế, thời trang, âm nhạc, thể thao giải trí và du lịch văn hóa trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của nhiều nền kinh tế. Xu hướng này đòi hỏi Việt Nam phải chuyển dịch từ phương thức

quản lý văn hóa truyền thống sang cách tiếp cận kiến tạo phát triển, hình thành các hệ sinh thái công nghiệp văn hóa gắn với thị trường, công nghệ và sáng tạo, qua đó đóng góp ngày càng rõ nét vào tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số đang làm thay đổi căn bản phương thức sáng tạo, sản xuất, phổ biến và tiếp nhận các giá trị văn hóa, thể thao. Sự bùng nổ của các nền tảng số xuyên biên giới, cùng với việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo và thực tế tăng cường, đã xóa nhòa ranh giới không gian truyền thống, tạo ra các dòng chảy văn hóa toàn cầu với tốc độ và quy mô chưa từng có. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu vừa phải chủ động hội nhập, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vừa phải bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong môi trường số, đồng thời phát triển các thiết chế văn hóa số hiện đại, bảo đảm Việt Nam không bị tụt hậu trong cạnh tranh văn hóa toàn cầu.

### ***1.2. Yêu cầu mới đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong bối cảnh hội nhập quốc tế***

Bối cảnh hội nhập sâu rộng và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của Việt Nam. Các công trình văn hóa, thể thao không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của nhân dân trong nước, mà còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ và quản lý theo chuẩn khu vực và quốc tế, đủ điều kiện để đón tiếp các đoàn nghệ thuật quốc tế, tổ chức các sự kiện, giải đấu và hoạt động giao lưu quy mô lớn.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, song hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của Việt Nam, đặc biệt tại các đô thị lớn và trung tâm kinh tế, vẫn còn hạn chế về quy mô, tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đăng cai các sự kiện văn hóa, thể thao lớn của khu vực và thế giới, cũng như làm giảm hiệu quả khai thác, sử dụng hạ tầng đã đầu tư.

Bên cạnh yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn phải có năng lực tổ chức, vận hành các sự kiện tầm cỡ quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Việc tổ chức thành công các sự kiện thể thao và văn hóa lớn trong thời gian qua cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của hạ tầng huấn luyện, thi đấu và biểu diễn

đạt chuẩn, được đầu tư bài bản và quản lý chuyên nghiệp.

Ngoài ra, việc Việt Nam ngày càng tham gia sâu vào các mạng lưới sáng tạo toàn cầu, đặc biệt thông qua việc một số đô thị được công nhận là thành viên của các mạng lưới sáng tạo quốc tế, đặt ra yêu cầu phải hình thành các không gian sáng tạo, trung tâm thiết kế, trung tâm nghệ thuật và đổi mới sáng tạo tương xứng với các cam kết và tiêu chuẩn quốc tế. Đây không chỉ là yêu cầu về hình thức, mà còn là điều kiện để các đô thị Việt Nam thực sự tham gia và đóng góp vào dòng chảy sáng tạo toàn cầu.

### ***1.3. Định hướng điều chỉnh quy hoạch mạng lưới theo hướng xác lập các đầu mối hội nhập quốc tế***

Để thích ứng hiệu quả với bối cảnh quốc tế mới, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần được điều chỉnh theo hướng mở, linh hoạt và hội nhập sâu rộng. Trọng tâm của định hướng này là xác lập và phát triển các trung tâm văn hóa, thể thao mang tính đối ngoại, có vai trò là đầu mối hội nhập quốc tế, tập trung tại các đô thị cửa ngõ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và du lịch của cả nước.

Quy hoạch cần ưu tiên tập trung nguồn lực để hình thành các công trình văn hóa, thể thao mang tính biểu tượng quốc gia, có quy mô và chất lượng tương xứng với tầm vóc đất nước, đủ khả năng tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật và thể thao quốc tế. Các công trình này không chỉ thực hiện chức năng chuyên môn, mà còn đóng vai trò là điểm nhân kiến trúc, không gian giao lưu văn hóa và biểu tượng của hình ảnh quốc gia trong quá trình hội nhập.

Bên cạnh mạng lưới trong nước, quy hoạch cần mở rộng tầm nhìn ra ngoài biên giới quốc gia, xác định lộ trình hình thành và nâng cấp các cơ sở văn hóa Việt Nam ở nước ngoài tại các địa bàn chiến lược. Đây là những đầu mối quan trọng trong công tác quảng bá văn hóa, tăng cường giao lưu nhân dân và thúc đẩy hợp tác quốc tế, góp phần lan tỏa hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

Đồng thời, quy hoạch cần chủ động bố trí quỹ đất và hạ tầng phù hợp để thu hút và tổ chức các sự kiện quốc tế lớn trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và giải trí. Việc đăng cai các sự kiện này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế trực tiếp thông qua du lịch và dịch vụ, mà còn tạo hiệu ứng truyền thông mạnh mẽ, nâng cao vị thế và uy tín quốc gia

Tóm lại, trong bối cảnh quốc tế biến động nhanh và cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao không đơn

thuần là vấn đề xây dựng công trình, mà là quá trình kiến tạo các nền tảng hạ tầng tổng hợp, bao gồm cả hạ tầng vật chất và hạ tầng thể chế. Đây là điều kiện cần thiết để văn hóa và thể thao Việt Nam chủ động hội nhập, nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định bản sắc dân tộc và từng bước nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

## **2. Bối cảnh trong nước**

Trong nước, sau những tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, Việt Nam đã bước vào giai đoạn phục hồi và phát triển mới với nhiều đặc điểm kinh tế – xã hội nổi bật. Những chuyển biến này không chỉ tác động đến mô hình tăng trưởng và không gian phát triển, mà còn làm thay đổi sâu sắc nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao của người dân, từ đó đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trong giai đoạn tới.

### ***2.1. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với quá trình đô thị hóa nhanh***

Nền kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng, trong đó GDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 4.323 USD, phản ánh sự cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất của người dân. Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ sang mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Bối cảnh này đòi hỏi các thiết chế văn hóa, thể thao không còn chỉ là nơi sinh hoạt cộng đồng đơn thuần, mà phải từng bước trở thành không gian sáng tạo, không gian trải nghiệm văn hóa và thể thao, có khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại và hỗ trợ phát triển kinh tế sáng tạo.

Song song với quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, hình thành các vùng động lực và các cực tăng trưởng quan trọng của cả nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cần Thơ. Sự tập trung dân cư tại các đô thị lớn tạo ra áp lực ngày càng lớn đối với hệ thống hạ tầng xã hội, trong đó có hạ tầng văn hóa và thể thao. Điều này đòi hỏi việc quy hoạch các thiết chế văn hóa, thể thao tại khu vực đô thị phải theo hướng tích hợp, đa năng, sử dụng đất tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời vẫn bảo đảm cung cấp đầy đủ các tiện ích hiện đại cho người dân đô thị.

### ***2.2. Gia tăng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao của người dân***

Cùng với sự cải thiện về thu nhập và mức sống, nhu cầu hưởng thụ văn hóa và rèn luyện thể thao của người dân ngày càng gia tăng cả về số lượng và chất

lượng. Tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tại nhiều địa phương đã đạt mức khá cao, trong đó Quảng Ngãi đạt 39,39 phần trăm và Thành phố Hồ Chí Minh đạt 35,6 phần trăm, cho thấy nhận thức của người dân về vai trò của thể thao đối với sức khỏe và chất lượng sống ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh nhu cầu về các thiết chế cơ bản như nhà văn hóa, sân bãi thể thao, người dân ngày càng hướng tới các dịch vụ văn hóa, thể thao có chất lượng cao, các môn thể thao giải trí và hiện đại như golf, pickleball, thể thao mạo hiểm, cũng như các sự kiện văn hóa nghệ thuật quy mô lớn, có yếu tố quốc tế. Xu hướng này đặt ra yêu cầu quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao phải có tính linh hoạt cao, đáp ứng được sự thay đổi nhanh chóng của nhu cầu xã hội và tạo điều kiện cho đa dạng hóa các hình thức đầu tư, quản lý và khai thác.

### ***2.3. Thách thức về chênh lệch vùng miền và hạn chế nguồn lực đầu tư***

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực, hệ thống cơ sở văn hóa, thể thao trên phạm vi cả nước vẫn tồn tại nhiều bất cập về phân bố không gian và chất lượng công trình. Sự chênh lệch về mức độ tiếp cận và thụ hưởng văn hóa, thể thao giữa các khu vực đô thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi còn khá rõ nét. Trong khi các đô thị lớn có điều kiện đầu tư các nhà hát, sân vận động, bảo tàng quy mô và tương đối hiện đại, thì tại nhiều địa phương như Sơn La và Quảng Trị, cơ sở hạ tầng văn hóa, thể thao còn thiếu và chưa đạt chuẩn, kinh phí đầu tư còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của người dân.

Đối với các khu vực miền núi, biên giới và hải đảo như Lai Châu, Điện Biên và các xã đảo, việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư phát triển cơ sở văn hóa, thể thao gặp nhiều khó khăn do dân cư phân tán, thu nhập thấp và khả năng khai thác thương mại hạn chế. Trong bối cảnh đó, ngân sách nhà nước vẫn là nguồn lực đầu tư chủ yếu, tuy nhiên còn hạn chế, dẫn đến tình trạng tại một số địa phương tồn tại đồng thời cả sự dư thừa các thiết chế nhỏ lẻ, manh mún và sự thiếu hụt các công trình có quy mô, chất lượng phù hợp, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư.

### ***2.4. Tác động của cuộc cách mạng cải cách tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính***

*a. Sự thay đổi cấu trúc tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương và tổ chức sắp xếp mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả*

Trong những năm gần đây, quá trình tái cấu trúc tổ chức bộ máy nhà nước theo tinh thần các Nghị quyết của Đảng và Quốc hội về “tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” đang được triển khai đồng bộ và quyết liệt trên phạm vi cả nước. Đây là một trong những cải cách thể chế sâu rộng nhất kể từ sau đổi mới, tác động trực tiếp đến mô hình tổ chức chính quyền địa phương, hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập và phương thức cung ứng dịch vụ công trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Trong bối cảnh đó, ngành văn hóa, thể thao – với đặc thù vừa mang tính quản lý nhà nước, vừa thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công – đang đứng trước yêu cầu phải tái cấu trúc mạnh mẽ cả về tổ chức bộ máy, mô hình quản lý, cơ chế vận hành và quy hoạch mạng lưới cơ sở vật chất kỹ thuật. Việc điều chỉnh quy hoạch hệ thống cơ sở văn hóa, thể thao vì vậy không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật – không gian, mà là một nội dung quan trọng trong quá trình đổi mới thể chế, nâng cao năng lực quản trị công và phát triển bền vững ngành.

Chủ trương tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), cùng với việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng giảm đầu mối trung gian, đã làm thay đổi căn bản cấu trúc quản lý nhà nước ở địa phương. Trong bối cảnh đó, phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực văn hóa, thể thao buộc phải được rà soát, điều chỉnh lại cho phù hợp với mô hình quản trị mới.

Một xu hướng nổi bật là chuyển dịch thẩm quyền quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp huyện (trước đây) xuống cấp xã hoặc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập đa ngành trực thuộc cấp xã, cấp tỉnh quản lý. Thực tiễn triển khai tại một số địa phương cho thấy sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhiều thiết chế văn hóa – thể thao cấp huyện được chuyển giao về cho UBND cấp xã, phường trực tiếp quản lý; đồng thời tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp theo hướng thành lập trung tâm dịch vụ tổng hợp cấp xã để thực hiện cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công đa lĩnh vực, trong đó có văn hóa, thể thao.

Các xã, phường mới sau sáp nhập đã thành lập Trung tâm cung ứng dịch vụ công cấp xã, tích hợp chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm văn hóa – thể thao cấp huyện và cấp xã trước đây, góp phần giảm đầu mối tổ chức, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực quản lý, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực tại cấp cơ sở.

Cùng với sự thay đổi về phân cấp quản lý, mô hình tổ chức và vận hành các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đang chuyển dịch rõ

nét từ mô hình “đơn ngành, đơn chức năng” sang mô hình “đa ngành, đa chức năng”, tích hợp và liên thông.

Một đặc điểm nổi bật của giai đoạn hiện nay là xu hướng sáp nhập các đơn vị có chức năng tương đồng hoặc có mối liên hệ chặt chẽ về chuyên môn, nhằm tinh gọn bộ máy, tiết kiệm chi thường xuyên và nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có định hướng và hướng dẫn các địa phương, khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp, cần nghiên cứu giao cấp xã trực tiếp quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, đồng thời đảm bảo mỗi xã có tối thiểu 01 đơn vị sự nghiệp công lập để cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân.

Thực tiễn cho thấy, tại một số tỉnh như Cà Mau, mô hình Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp xã đã được triển khai, giúp thống nhất quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao, thông tin – truyền thông trên địa bàn, giảm sự phân tán về tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng chung cơ sở vật chất.

Ở cấp tỉnh, nhiều địa phương đang tiến hành sáp nhập hoặc tổ chức lại các thiết chế văn hóa quy mô lớn, như các đơn vị nghệ thuật biểu diễn, bảo tàng, thư viện, trung tâm triển lãm... theo hướng hình thành các thiết chế văn hóa tổng hợp hoặc tổ hợp văn hóa đa chức năng.

Ví dụ, tại Lào Cai, Bảo tàng tỉnh và Thư viện tỉnh được bố trí trong cùng một không gian thiết chế văn hóa tổng hợp, sáp nhập về mặt tổ chức, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất và phục vụ người dân, du khách. Tại Hà Tĩnh, việc xây dựng mới Bảo tàng tỉnh theo hướng hiện đại hóa không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu bảo tồn, phát huy di sản mà còn phù hợp với xu thế tổ chức lại hệ thống thiết chế văn hóa trong bối cảnh mới. Một số tỉnh sáp nhập Trung tâm huấn luyện thể thao với Trung tâm thi đấu thể thao.

Những thay đổi này cho thấy, hệ thống cơ sở văn hóa, thể thao không còn được nhìn nhận như các công trình đơn lẻ, phục vụ một nhóm chức năng hẹp, mà đang từng bước trở thành không gian đa năng, tích hợp, gắn với giáo dục, du lịch, sáng tạo và chuyển đổi số.

Trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính và tái cơ cấu bộ máy nhà nước, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao đặt ra nhiều yêu cầu cấp thiết, có tính chiến lược và dài hạn.

Trước hết, cần tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trên phạm vi cả nước, đặc biệt tại các địa phương có biến động lớn về địa giới hành chính. Thực tế cho thấy, quá trình sáp nhập đã dẫn đến tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” thiết chế: thừa các trụ sở nhỏ, phân tán, công năng hạn chế; trong khi lại thiếu các thiết chế đủ quy mô, đạt chuẩn để phục vụ cộng đồng dân cư có quy mô lớn hơn. Tại Quảng Trị, việc sáp nhập đơn vị hành chính làm xuất hiện nhiều trụ sở văn hóa nhỏ lẻ không còn phù hợp, trong khi nhu cầu về các trung tâm văn hóa – thể thao quy mô lớn, đa chức năng ngày càng gia tăng. Tương tự, tại TP. Hồ Chí Minh, hệ thống thiết chế được hình thành từ nhiều giai đoạn và địa phương khác nhau đang tồn tại tình trạng phân tán, chông chéo, gây khó khăn cho công tác quản lý và khai thác hiệu quả nguồn lực.

Thứ hai, quy hoạch mới cần khắc phục triệt để tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Nguồn lực đầu tư công cho lĩnh vực văn hóa, thể thao vốn còn hạn chế, do đó cần ưu tiên phát triển các công trình có quy mô phù hợp, có khả năng phục vụ đa mục tiêu và tạo động lực lan tỏa vùng, như các khu liên hợp thể thao quốc gia, các bảo tàng, nhà hát, trung tâm triển lãm lớn. Việc tập trung đầu tư cho các công trình mang tính biểu tượng, có khả năng kết nối vùng và thu hút du lịch, như khu liên hợp thể thao quốc gia quy mô, sẽ mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội cao hơn so với việc phân tán nguồn lực cho nhiều công trình nhỏ lẻ, hiệu quả sử dụng thấp.

Thứ ba, yêu cầu nâng cao tính liên thông, liên ngành trong quy hoạch ngày càng trở nên cấp thiết. Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với quy hoạch du lịch, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành khác. Thực tiễn tại Hải Phòng, Quảng Ninh cho thấy, việc phát triển các thiết chế văn hóa gắn với du lịch biển đảo, di sản thiên nhiên và di sản văn hóa thế giới đã góp phần nâng cao giá trị khai thác tài nguyên, đồng thời tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù, bền vững. Trong kỷ nguyên số, các thiết chế mới cũng cần được thiết kế theo hướng “mở”, linh hoạt, đa năng, tích hợp mạnh mẽ yếu tố chuyển đổi số như thư viện số, bảo tàng ảo, không gian trải nghiệm sáng tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân và du khách.

Tóm lại, quá trình tái cấu trúc bộ máy nhà nước không đơn thuần là việc tinh giản đầu mối tổ chức hay giảm biên chế, mà còn mở ra cơ hội quan trọng để tái định hình toàn diện hệ sinh thái các cơ sở văn hóa, thể thao theo hướng hiện đại, tích hợp, hiệu quả và bền vững hơn. Điều này đòi hỏi công tác quy hoạch

mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao phải có tầm nhìn dài hạn, tư duy hệ thống và khả năng thích ứng cao với những biến động về tổ chức hành chính, mô hình quản trị và nhu cầu xã hội trong giai đoạn phát triển mới.

*b. Tác động của việc sáp nhập đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp*

Việc triển khai chủ trương sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã gắn với chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã) đang tạo ra những thay đổi mang tính cấu trúc đối với không gian quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và phân bố dân cư. Những thay đổi này tác động trực tiếp, sâu rộng, đa chiều đến hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao hiện hữu, cả về vị trí không gian, quy mô phục vụ lẫn mô hình tổ chức quản lý và hiệu quả khai thác, sử dụng.

Trong bối cảnh đó, nếu không kịp thời điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao theo tư duy mới, nguy cơ lãng phí nguồn lực, suy giảm hiệu quả phục vụ cộng đồng và gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ văn hóa, thể thao là hiện hữu.

*- Thay đổi không gian quản lý, quy mô dân số và phạm vi phục vụ*

Trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã tiến hành sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Quá trình sáp nhập đơn vị hành chính đã dẫn đến tình trạng thay đổi ranh giới phân vùng kinh tế- xã hội trước đây.

Ví dụ, tỉnh Vĩnh Phúc được sáp nhập với tỉnh Phú Thọ và tỉnh Hòa Bình để hình thành tỉnh Phú Thọ mới; tỉnh Bắc Giang được sáp nhập với tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh Bắc Ninh mới. Trước đây, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc đều thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng, nay được sáp nhập với các tỉnh thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ như Phú Thọ, Hòa Bình và Bắc Giang, dẫn đến sự thay đổi đáng kể về cấu trúc không gian và phân vùng lãnh thổ.

Tương tự, tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, việc sáp nhập tỉnh Kon Tum với tỉnh Quảng Ngãi; tỉnh Bình Định với tỉnh Gia Lai; tỉnh Phú Yên với tỉnh Đắk Lắk; tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đắk Nông với tỉnh Lâm Đồng đã làm thay đổi ranh giới phân vùng giữa Tây Nguyên với khu vực Duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ. Những điều chỉnh này đặt ra yêu cầu phải rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch hệ thống cơ sở văn hóa – thể thao tại các địa phương từng được xác định là trung tâm động lực vùng, nhằm bảo đảm phù hợp với bối cảnh không gian phát

triển mới.

Việc sáp nhập đơn vị hành chính dẫn đến việc mở rộng đáng kể địa giới hành chính, gia tăng quy mô dân số và điều chỉnh trung tâm hành chính – chính trị của các đơn vị mới, qua đó làm thay đổi căn bản “bản kính phục vụ” và logic phân bố không gian của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

Trước hết, nhiều thiết chế văn hóa, thể thao được xây dựng trong giai đoạn trước đây theo ranh giới hành chính cũ, với giả định về quy mô dân số và phạm vi phục vụ hạn chế. Sau sáp nhập, các công trình này rơi vào tình trạng lệch tâm không gian, không còn nằm ở vị trí thuận lợi so với trung tâm hành chính mới hoặc khu vực tập trung dân cư đông đúc. Điều này làm giảm khả năng tiếp cận của người dân, đồng thời gây khó khăn cho công tác quản lý, vận hành và tổ chức hoạt động. Thực tiễn rà soát của chính quyền TP. Hồ Chí Minh cho thấy, có tới 35/38 đơn vị sự nghiệp có cơ sở vật chất nằm rải rác, phân tán hoặc phục vụ chéo địa bàn hành chính khác nhau, dẫn đến hiệu quả sử dụng thấp và khó khăn trong quản lý tập trung.

Bên cạnh đó, sự gia tăng quy mô dân số một cách đột biến tại các đơn vị hành chính mới sau sáp nhập đã làm xuất hiện tình trạng quá tải cục bộ đối với nhiều thiết chế văn hóa, thể thao hiện hữu. Các công trình vốn được thiết kế để phục vụ cho một cộng đồng dân cư nhỏ, nay phải đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa – thể thao của quy mô dân số lớn hơn nhiều lần, vượt quá công suất thiết kế cả về không gian, trang thiết bị và năng lực tổ chức hoạt động.

*- Tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” trong hệ thống cơ sở hiện có:*

Quá trình sáp nhập đơn vị hành chính đã làm bộc lộ rõ nét những bất cập mang tính cơ cấu của mạng lưới cơ sở vật chất văn hóa, thể thao hiện nay, nổi bật là tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” diễn ra đồng thời ở nhiều địa phương.

Ở một mặt, xuất hiện dư thừa cục bộ các trụ sở, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, trạm truyền thanh... quy mô nhỏ, xuống cấp, được hình thành từ các đơn vị hành chính cũ. Các cơ sở này không còn phù hợp về vị trí, công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật, nhưng vẫn tiêu tốn nguồn lực cho duy tu, bảo dưỡng. Ví dụ ở thành phố Hải Phòng, ngoài sự dôi dư về cơ sở vật chất, việc tồn tại song song các hệ thống phần mềm quản lý không tương thích giữa các đơn vị sau sáp nhập cũng gây lãng phí nguồn lực đầu tư và cản trở quá trình liên thông, kết nối dữ liệu trong hoạt động văn hóa, thể thao và truyền thông cơ sở.

Ở mặt khác, có sự thiếu hụt nghiêm trọng các thiết chế đạt chuẩn, có quy mô đủ lớn, trang thiết bị đồng bộ và khả năng phục vụ đa chức năng cho cộng đồng dân cư mới mở rộng. Tại Quảng Trị, thực tiễn sau sáp nhập cho thấy tình trạng “thừa các cơ sở nhỏ lẻ, manh mún nhưng thiếu các thiết chế có quy mô đủ lớn”, trong khi hệ thống trang thiết bị của nhiều công trình không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao ngày càng gia tăng khi quy mô dân số tăng lên. Tương tự, tại Khánh Hòa, trong bối cảnh định hướng sáp nhập với Ninh Thuận, việc tích hợp mạng lưới cơ sở vật chất thể thao gặp nhiều khó khăn, làm chậm tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn và dài hạn.

*- Yêu cầu tổ chức lại mạng lưới theo hướng đa chức năng, liên vùng*

Những biến động mạnh mẽ về không gian hành chính và dân cư đặt ra yêu cầu phải tổ chức lại mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng đổi mới căn bản mô hình tổ chức, chuyển từ tư duy “đơn chức năng, biệt lập theo địa giới hành chính” sang tư duy “đa chức năng, liên kết không gian và phục vụ theo nhu cầu thực tế”.

Theo định hướng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các địa phương cần chuyển giao các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện về cho cấp xã quản lý hoặc sáp nhập vào các Trung tâm cung ứng dịch vụ công đa ngành, nhằm tinh gọn đầu mối, tăng hiệu quả vận hành. Thực tiễn triển khai tại Đồng Nai cho thấy việc chuyển giao các thiết chế cấp huyện cũ về cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã quản lý đã góp phần giảm phân tán nguồn lực. Với các tỉnh như Nghệ An, mô hình Trung tâm cung ứng dịch vụ công cấp xã tích hợp các lĩnh vực văn hóa – thể thao – truyền thông đang từng bước hình thành, phù hợp với yêu cầu quản lý đa ngành trong bối cảnh mới.

Bên cạnh đó, việc tổ chức lại không gian phục vụ theo hướng liên xã, liên vùng trở thành xu thế tất yếu. Thay vì mỗi đơn vị hành chính mới phải có đầy đủ tất cả các loại hình thiết chế theo cách tiếp cận cơ học, cần hình thành các thiết chế văn hóa, thể thao có quy mô phù hợp, phục vụ chung cho một cụm dân cư rộng lớn, đảm bảo khả năng tiếp cận thuận lợi thông qua hạ tầng giao thông và kết nối không gian.

*- Thay đổi định hướng điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao*

Trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính các cấp, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần tập trung vào một số giải pháp trọng

tâm, mang tính đột phá, đó là yêu cầu:

- Tổ chức rà soát, tái cấu trúc toàn diện quỹ đất và hiện trạng cơ sở vật chất. Trên cơ sở đó, kiên quyết thanh lý, sắp xếp lại hoặc chuyển đổi công năng đối với các cơ sở nhỏ lẻ, xuống cấp, không còn phù hợp về vị trí và nhu cầu sử dụng; đồng thời khai thác hiệu quả quỹ đất sau sắp xếp để phục vụ các mục tiêu phát triển khác.

- Ưu tiên phát triển mô hình thiết chế văn hóa – thể thao liên vùng, liên địa bàn, với quy mô lớn, hiện đại, vị trí thuận lợi về giao thông và có khả năng phục vụ đa chức năng. Cách tiếp cận này giúp khắc phục tư duy quy hoạch cứng nhắc theo địa giới hành chính, đồng thời nâng cao hiệu quả đầu tư và khả năng khai thác, sử dụng lâu dài.

- Hạn chế tối đa đầu tư dàn trải, manh mún, đặc biệt là việc xây dựng mới các công trình quy mô nhỏ, hiệu quả thấp. Nguồn lực đầu tư cần được tập trung cho việc nâng cấp các công trình trọng điểm có sức lan tỏa hoặc xây dựng các tổ hợp văn hóa – thể thao đa năng tại các trung tâm động lực mới, gắn với phát triển đô thị, du lịch và kinh tế địa phương.

Có thể thấy, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính không phải là sự cộng dồn cơ học về số lượng công trình, mà là một cuộc tái cấu trúc căn bản về không gian, mô hình tổ chức và phương thức vận hành. Trọng tâm của quá trình này là chuyển từ quản lý theo địa giới hành chính sang quản lý theo nhu cầu phục vụ thực tế và không gian phát triển, qua đó nâng cao hiệu quả đầu tư công, bảo đảm quyền tiếp cận văn hóa, thể thao của người dân và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

*c. Yêu cầu tăng trưởng GRDP hai con số và tác động đến quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao*

Mục tiêu tăng trưởng GRDP ở mức hai con số trong giai đoạn 2026 – 2030 thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Đảng và Nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và mạnh, hướng tới nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh quốc gia. Đây không chỉ là yêu cầu về gia tăng quy mô nền kinh tế, mà còn đặt ra nhiệm vụ tái cấu trúc mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững, trong đó các yếu tố về đổi mới sáng tạo, chất lượng môi trường sống và phát triển con người ngày càng đóng vai trò quyết định.

Trong bối cảnh đó, văn hóa và thể thao không còn được nhìn nhận đơn thuần là lĩnh vực phúc lợi xã hội hay tiêu dùng ngân sách, mà cần được tái định vị như một nguồn lực phát triển quan trọng, có khả năng tạo giá trị gia tăng, đóng góp trực tiếp và gián tiếp vào tăng trưởng GRDP. Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới căn bản tư duy trong công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao, bảo đảm phù hợp với yêu cầu tăng trưởng cao, sử dụng hiệu quả nguồn lực và gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội.

*- Áp lực tái cấu trúc việc sử dụng nguồn lực đất đai và vốn đầu tư*

Yêu cầu tăng trưởng GRDP hai con số tạo ra áp lực rất lớn trong việc tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực phát triển, đặc biệt là đất đai và vốn đầu tư công. Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu đất cho phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật ngày càng gia tăng, quỹ đất dành cho các công trình văn hóa, thể thao, nhất là tại các đô thị lớn và vùng kinh tế trọng điểm, trở nên khan hiếm và có giá trị kinh tế cao.

Thực tiễn này đòi hỏi công tác quy hoạch phải thay đổi căn bản cách tiếp cận trong bố trí và sử dụng đất cho văn hóa, thể thao. Việc dành quỹ đất lớn cho các công trình đơn năng, tần suất sử dụng thấp, hiệu quả khai thác hạn chế không còn phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Thay vào đó, quy hoạch cần hướng tới sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên các công trình và tổ hợp có hệ số sử dụng đất cao, tích hợp nhiều chức năng, vừa phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, vừa gắn với thương mại, dịch vụ, du lịch và không gian sáng tạo.

Cùng với đó, áp lực về vốn đầu tư ngày càng gia tăng trong bối cảnh ngân sách nhà nước phải tập trung cho các lĩnh vực hạ tầng then chốt khác như giao thông, năng lượng, chuyển đổi số và an sinh xã hội. Do đó, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao không thể tiếp tục dựa trên giả định Nhà nước đầu tư toàn bộ, mà cần được xây dựng trên cơ sở huy động đa dạng các nguồn lực xã hội. Vai trò của đầu tư công trong lĩnh vực này cần được xác định rõ là vốn dẫn dắt, vốn môi, tạo điều kiện thu hút đầu tư ngoài ngân sách và bảo đảm các mục tiêu công cộng, thay vì bao cấp dàn trải như trước đây.

*- Chuyển dịch vai trò của văn hóa, thể thao trong mô hình tăng trưởng kinh tế*

Yêu cầu tăng trưởng cao đặt ra đòi hỏi phải chuyển dịch căn bản vai trò của văn hóa và thể thao trong nền kinh tế, từ lĩnh vực chủ yếu tiêu dùng ngân sách sang lĩnh vực có khả năng tạo giá trị gia tăng và đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng

GRDP. Văn hóa và thể thao cần được xác định là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế hiện đại, gắn với phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo và kinh tế thể thao.

Theo đó, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao phải tạo lập được hệ thống hạ tầng phù hợp để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, các hoạt động giải trí, biểu diễn, tổ chức sự kiện, thi đấu thể thao chuyên nghiệp, du lịch thể thao và các dịch vụ liên quan. Các thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ thực hiện chức năng phục vụ nhiệm vụ chính trị – xã hội, mà cần trở thành không gian sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa, thể thao có giá trị kinh tế cao.

Đồng thời, việc gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa, thể thao và du lịch cần được xem là một định hướng xuyên suốt trong quy hoạch. Các công trình văn hóa, thể thao quy mô lớn, hiện đại cần được quy hoạch và khai thác như các điểm đến du lịch, có khả năng thu hút khách trong nước và quốc tế, kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng mức chi tiêu. Thực tiễn tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao quy mô lớn trong thời gian qua cho thấy hạ tầng văn hóa, thể thao đồng bộ, hiện đại có tác động lan tỏa mạnh mẽ đến các ngành dịch vụ, thương mại và du lịch, qua đó đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế địa phương và quốc gia.

*- Định hướng điều chỉnh quy hoạch từ thiết chế phục vụ sang hạ tầng phát triển*

Để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng GRDP hai con số, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần được điều chỉnh theo hướng chuyển đổi căn bản về chất, từ tư duy xây dựng các thiết chế phục vụ đơn thuần sang tư duy phát triển hạ tầng kinh tế – xã hội.

Trước hết, các công trình văn hóa, thể thao trong giai đoạn tới cần được quy hoạch và thiết kế trên cơ sở tính toán đầy đủ khả năng vận hành theo cơ chế thị trường, từng bước nâng cao mức độ tự chủ tài chính, giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Ngay từ khâu quy hoạch, cần xác định rõ mô hình quản lý, khai thác và vận hành, bảo đảm công trình có khả năng tạo nguồn thu hợp pháp thông qua các hoạt động dịch vụ, cho thuê không gian, tổ chức sự kiện và các hình thức khai thác phù hợp khác.

Bên cạnh đó, quy hoạch cần chú trọng đến việc khai thác đa giá trị của mỗi công trình, bảo đảm một thiết chế văn hóa, thể thao có thể phục vụ nhiều mục tiêu khác nhau trong các khung thời gian khác nhau, qua đó nâng cao hiệu suất sử dụng và hiệu quả đầu tư. Việc đẩy mạnh các hình thức hợp tác giữa khu vực công

và khu vực tư nhân, xã hội hóa đầu tư và vận hành cần được coi là giải pháp trọng tâm để huy động nguồn lực, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, cần khẳng định hạ tầng văn hóa, thể thao hiện đại không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế, mà còn là yếu tố then chốt nâng cao chất lượng môi trường sống, môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh của địa phương. Một hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, chất lượng cao sẽ góp phần thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia và nhà đầu tư, đồng thời nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, thể thao của người dân, cải thiện các chỉ số phát triển con người và bảo đảm tăng trưởng nhanh đi đôi với phát triển bền vững.

### ***2.5. Tác động của các chủ trương, chính sách quan trọng được ban hành gần đây***

Việc ban hành các nghị quyết quan trọng của Đảng và Chính phủ trong thời gian gần đây đã tạo ra một khung khổ tư tưởng, thể chế và chính sách mới, mang tính đồng bộ và xuyên suốt trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn tới. Trong đó, tiêu biểu là các Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 1 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; Quyết định 1189/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2024, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thể dục, Thể thao (TDTT) đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Quyết định số 1669/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị

khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW...

Những chủ trương, chính sách này không chỉ xác lập các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội mang tính đột phá, mà còn định hình lại vai trò của văn hóa, con người, khoa học công nghệ và đổi mới thể chế trong chiến lược phát triển quốc gia. Trong bối cảnh đó, công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao không thể tiếp cận theo tư duy kế thừa đơn thuần, mà phải được điều chỉnh căn bản để bảo đảm sự tương thích với tầm nhìn chiến lược mới.

*a. Tác động từ định hướng phát triển kinh tế – xã hội và đổi mới thể chế*

Định hướng phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2026 – 2030 đặt ra mục tiêu phân đầu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt từ 10 phần trăm một năm trở lên và GDP bình quân đầu người đạt từ 5.400 đến 5.500 USD. Trong bối cảnh đó, lĩnh vực văn hóa và thể thao không còn có thể đứng ngoài quá trình tăng trưởng chung của nền kinh tế, mà phải tham gia trực tiếp và hiệu quả hơn vào việc tạo ra giá trị gia tăng. Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao được yêu cầu chuyển mình để trở thành hạ tầng quan trọng cho phát triển công nghiệp văn hóa, với mục tiêu phân đầu đóng góp 7 phần trăm GDP vào năm 2030, đồng thời tạo nền tảng cho phát triển kinh tế thể thao, từng bước hình thành các ngành dịch vụ, giải trí và sáng tạo có sức cạnh tranh.

Song song với mục tiêu tăng trưởng cao, chủ trương tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã tác động trực tiếp đến tư duy tổ chức không gian và mạng lưới thiết chế. Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao buộc phải từ bỏ cách tiếp cận cứng nhắc gắn với từng cấp hành chính, chuyển sang tư duy tích hợp, đa chức năng và liên vùng, nhằm sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực đất đai, cơ sở vật chất và nhân lực.

*b. Tác động từ nghị quyết và chính sách xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam*

Nghị quyết về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam trong giai đoạn mới đã khẳng định rõ quan điểm coi văn hóa là nguồn lực nội sinh quan trọng, có vai trò quyết định đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Việc xác định đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho tương lai đặt ra yêu cầu quy hoạch phải ưu tiên bố trí quỹ đất và nguồn lực tương xứng để xây dựng các công trình văn hóa có quy mô, chất lượng và giá trị biểu tượng cao như Bảo tàng quốc gia và

Nhà hát quốc gia, qua đó góp phần định hình diện mạo quốc gia và bồi đắp phẩm giá con người Việt Nam.

Bên cạnh đó, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao không chỉ nhằm mục tiêu xây dựng các công trình vật chất, mà còn phải hướng tới việc kiến tạo môi trường văn hóa lành mạnh, tiến bộ, có khả năng lan tỏa các giá trị quốc gia, giá trị gia đình và các chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Điều này đòi hỏi các thiết chế văn hóa phải được tổ chức, vận hành như những không gian giáo dục, tương tác và sáng tạo, gắn chặt với đời sống xã hội và cộng đồng.

#### *c. Tác động từ chiến lược phát triển nguồn nhân lực*

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia xác định rõ yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Trong lĩnh vực văn hóa và thể thao, điều này đặt ra yêu cầu phải hiện đại hóa hệ thống các cơ sở đào tạo, bao gồm các trường đại học, cao đẳng văn hóa nghệ thuật và thể dục thể thao, nhằm đào tạo đội ngũ tài năng, nghệ sĩ, huấn luyện viên và chuyên gia đầu ngành có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Đồng thời, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần tính toán đầy đủ đến việc tạo lập các không gian sáng tạo, điều kiện làm việc và môi trường sinh hoạt phù hợp để thu hút, đãi ngộ và trọng dụng đội ngũ văn nghệ sĩ, vận động viên và nhân lực tài năng. Đây là yếu tố then chốt để bảo đảm sự phát triển bền vững của lĩnh vực văn hóa, thể thao cả về chiều sâu và chiều rộng.

#### *d. Tác động từ chiến lược khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chương trình chuyển đổi số quốc gia đã và đang làm thay đổi sâu sắc phương thức sản xuất, quản lý và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa, thể thao. Bối cảnh này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng và phát triển đồng thời hạ tầng văn hóa số song song với hạ tầng vật lý truyền thống. Các mô hình như bảo tàng số, thư viện số và nhà hát trực tuyến trở thành một bộ phận không thể thiếu trong mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao hiện đại, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận của người dân và nâng cao hiệu quả phục vụ.

Bên cạnh đó, quy hoạch cần hướng tới việc hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hóa và thể thao, được kết nối đồng bộ từ trung ương đến địa

phương. Hệ thống dữ liệu này không chỉ phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạch định chính sách, mà còn tạo nền tảng cho quản trị thông minh, minh bạch và dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

*e Định hướng điều chỉnh quy hoạch theo hướng thể chế hóa và cụ thể hóa*

Trước tác động tổng hợp của các nghị quyết quan trọng nêu trên, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần tập trung vào việc thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, định hướng chính trị thành các chỉ tiêu quy hoạch cụ thể, bao gồm quy mô, diện tích, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về chức năng sử dụng của các thiết chế. Quy hoạch cần cụ thể hóa các định hướng chiến lược bằng việc xác định rõ các không gian phát triển công nghiệp văn hóa, các khu liên hợp thể thao trọng điểm và danh mục các dự án ưu tiên đầu tư có tính chất dẫn dắt, như các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia và các công trình văn hóa mang tính biểu tượng.

Trên cơ sở đó, quy hoạch cần tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với con người và kinh tế, bảo đảm các thiết chế văn hóa, thể thao vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là không gian sáng tạo của con người, vừa là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn phát triển mới.

Nhìn chung, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trong bối cảnh tác động của các nghị quyết quan trọng không chỉ đơn thuần là cập nhật, điều chỉnh các chỉ tiêu kỹ thuật hay danh mục công trình, mà là một bước chuyển đổi căn bản về tư duy và phương thức tiếp cận. Quy hoạch lần này cần được xem như quá trình tái định hình toàn diện hệ thống hạ tầng văn hóa, thể thao, bảo đảm sự đồng bộ và tương thích với tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn mới, qua đó phát huy tối đa vai trò của văn hóa và thể thao trong phát triển nhanh và bền vững.

*g. Tác động của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá*

Việc Quốc hội và Chính phủ chủ trương triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035 được xác định là bước ngoặt quan trọng trong tư duy và phương thức đầu tư cho lĩnh vực văn hóa. Chương trình không chỉ tạo lập nguồn lực tài chính đủ lớn, ổn định và dài hạn, mà còn định hình lại cách tiếp cận đối với việc xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở văn hóa, thể thao trên phạm vi cả nước. Trong bối cảnh đó, phương án điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cần được rà soát, cập nhật

và tái cấu trúc một cách căn cơ nhằm bảo đảm khả năng hấp thụ và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ Chương trình.

*- Tạo nguồn lực lớn và ổn định để giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng văn hóa*

Trong thời gian dài, đầu tư cho văn hóa thường rơi vào tình trạng thiếu nguồn lực, phân tán và dàn trải, chưa tạo được các công trình có quy mô và sức lan tỏa lớn, đặc biệt tại các địa bàn khó khăn. Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035 tạo điều kiện hình thành nguồn lực tài chính tập trung, ổn định và có tính dài hạn, cho phép giải quyết căn bản các điểm nghẽn về hạ tầng văn hóa.

Việc đầu tư, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa được xác định là nội dung trọng tâm. Nguồn vốn từ Chương trình cho phép tập trung hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa từ trung ương đến cơ sở, ưu tiên các công trình văn hóa cấp quốc gia, cấp vùng và các thiết chế tại vùng khó khăn, biên giới, hải đảo. Trọng tâm đầu tư là các công trình mang tính biểu tượng như nhà hát, bảo tàng quy mô lớn, trung tâm văn hóa nghệ thuật, đồng thời cải thiện điều kiện cơ sở vật chất tại cấp tỉnh, huyện và cơ sở. Thực tiễn cho thấy, các tỉnh như Lạng Sơn, Lai Châu đã đề xuất sử dụng nguồn vốn của Chương trình để xây dựng Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh và Trung tâm văn hóa nghệ thuật nhằm khắc phục tình trạng thiếu hụt thiết chế kéo dài nhiều năm.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng được tăng cường thông qua việc bố trí nguồn lực đủ mạnh để tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt và các di sản thế giới được UNESCO ghi danh. Định hướng đầu tư không chỉ tập trung vào bảo tồn giá trị vật thể mà còn chú trọng phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch, giáo dục truyền thống và kinh tế văn hóa, từng bước biến di sản thành nguồn lực đóng góp trực tiếp cho phát triển kinh tế – xã hội.

Việc nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được đặt ra như một mục tiêu xuyên suốt. Thông qua đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng văn hóa, Chương trình hướng tới thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng đồng bằng và miền núi, bảo đảm người dân ở mọi vùng miền đều được tiếp cận công bằng với các dịch vụ văn hóa cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và củng cố nền tảng văn hóa xã hội.

*- Yêu cầu đổi mới việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và*

## *thể thao*

Để sử dụng hiệu quả nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, có trọng tâm và tránh dàn trải.

Quy hoạch cần được rà soát tổng thể nhằm bảo đảm tính thống nhất, tránh trùng lặp về nhiệm vụ, đối tượng đầu tư và phạm vi hỗ trợ với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác như Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các dự án trong quy hoạch cần được tích hợp, lồng ghép hợp lý để phát huy hiệu quả tổng hợp của nguồn lực đầu tư, hạn chế lãng phí quỹ đất và ngân sách nhà nước.

Việc xác định rõ các hạng mục ưu tiên đầu tư là yêu cầu then chốt. Thay vì phân bổ nguồn lực dàn trải, quy hoạch cần hình thành danh mục các dự án có tính chất đầu tàu, tạo động lực lan tỏa cho phát triển văn hóa và thể thao ở từng vùng, từng địa phương. Thực tế cho thấy, các địa phương như Khánh Hòa, Cần Thơ đã chủ động xác định các công trình trọng điểm như Bảo tàng Trường Sa, Bảo tàng văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long nhằm sẵn sàng tiếp nhận và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ Chương trình.

Quy hoạch mạng lưới cũng cần tăng cường sự gắn kết giữa phát triển cơ sở văn hóa, thể thao với mục tiêu phát triển con người. Các thiết chế văn hóa không chỉ được xem là công trình hạ tầng vật chất mà cần được quy hoạch trở thành không gian sinh hoạt cộng đồng, không gian sáng tạo, học tập suốt đời và giao lưu xã hội. Việc tổ chức không gian cần gắn chặt với giáo dục, du lịch, bảo tồn bản sắc văn hóa và phát triển cộng đồng bền vững, qua đó phát huy đầy đủ vai trò của văn hóa trong xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Có thể khẳng định, tác động của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa đặt ra yêu cầu điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao theo hướng chủ động, bài bản và dài hạn. Quy hoạch cần chuyển từ tư duy đầu tư cầm chừng, phụ thuộc vào khả năng ngân sách từng năm sang tư duy đầu tư phát triển, chuẩn bị sẵn sàng quỹ đất, danh mục dự án và hồ sơ kỹ thuật để hấp thụ hiệu quả nguồn lực của Chương trình. Đây là điều kiện quan trọng nhằm tạo cú hích cho phát triển hạ tầng văn hóa và thể thao giai đoạn 2025 – 2035, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, phát triển con người Việt Nam và thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

## **2.6. Định hướng điều chỉnh quy hoạch theo hướng bao trùm và có trọng tâm, trọng điểm**

Từ những đặc điểm của bối cảnh trong nước nêu trên, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần giải quyết hài hòa bài toán giữa bảo đảm tính bao trùm, công bằng trong tiếp cận và thụ hưởng văn hóa, thể thao của người dân với yêu cầu tập trung nguồn lực cho các khu vực có vai trò động lực. Nhà nước cần tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư và bảo đảm mức hưởng thụ văn hóa, thể thao cơ bản cho người dân tại các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực công nhân tại các khu công nghiệp, qua đó góp phần nâng cao đời sống tinh thần và thực hiện mục tiêu phát triển bao trùm.

Đồng thời, tại các vùng động lực và các đô thị lớn, cần tập trung nguồn lực, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư công và đầu tư tư nhân để xây dựng các công trình văn hóa, thể thao có quy mô lớn, đạt chuẩn khu vực và quốc tế như các khu liên hợp thể thao quốc gia, trung tâm triển lãm quốc gia và bảo tàng quốc gia. Các công trình này vừa phục vụ nhu cầu trong nước, vừa góp phần nâng cao vị thế quốc gia, thúc đẩy hội nhập quốc tế và tạo động lực phát triển cho công nghiệp văn hóa và kinh tế thể thao.

Nhìn chung, bối cảnh trong nước với những chuyển biến mạnh mẽ về mô hình tăng trưởng, quá trình đô thị hóa, sự gia tăng nhu cầu xã hội và những thách thức về chênh lệch vùng miền đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới tư duy quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao. Quy hoạch trong giai đoạn tới cần vừa kiến tạo động lực phát triển kinh tế thông qua phát triển công nghiệp văn hóa và kinh tế thể thao, vừa bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân và từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa, thể thao giữa các vùng, miền trên phạm vi cả nước.

## **3. Yêu cầu đặt ra đối với việc điều chỉnh quy hoạch**

Từ phân tích bối cảnh trong nước, bối cảnh quốc tế và các tác động thực tiễn đã được làm rõ, việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao trong giai đoạn hiện nay không chỉ dừng lại ở việc cập nhật, điều chỉnh các chỉ tiêu số lượng và quy mô công trình, mà cần được thực hiện trên cơ sở tiếp cận tổng thể, dài hạn và chiến lược, đáp ứng đồng thời yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập. Theo đó, việc điều chỉnh quy hoạch cần tuân thủ năm yêu cầu cốt lõi sau đây.

### ***3.1. Phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy và không gian hành chính mới***

Quy hoạch điều chỉnh cần khắc phục triệt để tư duy tổ chức mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao theo địa giới hành chính cứng, hướng tới cách tiếp cận không gian phát triển linh hoạt, liên thông và hiệu quả.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đặt ra yêu cầu xử lý đồng bộ tình trạng dôi dư thiết chế sau sáp nhập, đồng thời bảo đảm bán kính phục vụ phù hợp với không gian hành chính mới được mở rộng. Quy hoạch cần chuyển đổi mô hình từ các trung tâm đơn chức năng sang các trung tâm đa năng, tích hợp chức năng văn hóa, thể thao và truyền thông, phù hợp với mô hình trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, như thực tiễn đang được thí điểm tại Nghệ An, Đồng Nai và Tây Ninh.

Mạng lưới cơ sở vật chất cũng cần được quy hoạch phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, qua đó giảm đầu mối quản lý, tiết kiệm chi phí vận hành thường xuyên nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả phục vụ nhân dân và duy trì chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

### ***3.2. Đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững***

Trong bối cảnh đất nước đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10 phần trăm mỗi năm trở lên trong giai đoạn 2026 – 2030, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cần được điều chỉnh theo hướng chuyển hóa các thiết chế từ vai trò phúc lợi xã hội đơn thuần sang vai trò tài sản kinh tế, có khả năng tạo giá trị gia tăng và đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng.

Quy hoạch cần kiên quyết loại bỏ tư duy đầu tư dàn trải, manh mún. Nguồn vốn đầu tư công tập trung ưu tiên cho các công trình trọng điểm quốc gia, có vai trò dẫn dắt và tạo sức lan tỏa, như các khu liên hợp thể thao quốc gia và các bảo tàng cấp quốc gia.

Việc sử dụng và khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai cần được coi là yêu cầu bắt buộc, đặc biệt tại các đô thị lớn và vùng động lực phát triển. Quy hoạch cần ưu tiên các dự án có hệ số sử dụng đất cao, tổ chức không gian đa chức năng, tích hợp dịch vụ thương mại, văn hóa và thể thao nhằm gia tăng giá trị sử dụng đất, tránh lãng phí quỹ đất có vị trí thuận lợi.

### ***3.3. Phát huy vai trò của văn hóa và thể thao như nguồn lực nội sinh***

Quy hoạch điều chỉnh cần bảo đảm các cơ sở vật chất văn hóa và thể thao không chỉ tồn tại như các công trình kiến trúc thuần túy, mà thực sự trở thành không gian nuôi dưỡng con người, phát triển sức sáng tạo xã hội và củng cố sức mạnh mềm quốc gia.

Mạng lưới thiết chế cần được phân bố hợp lý để mọi người dân đều có điều kiện tiếp cận, hưởng thụ và tham gia sáng tạo văn hóa, rèn luyện thể chất, qua đó góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người và cải thiện tâm vóc, thể lực của người Việt Nam.

Quy hoạch cũng cần dành quỹ đất và không gian phù hợp cho phát triển công nghiệp văn hóa, hình thành các trung tâm sáng tạo, các phim trường hiện đại tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với các tổ hợp nghệ thuật biểu diễn quy mô lớn, nhằm tạo nền tảng để công nghiệp văn hóa phấn đấu đóng góp 7 phần trăm GDP vào năm 2030.

#### ***3.4. Bảo đảm yêu cầu hội nhập quốc tế gắn với giữ gìn bản sắc dân tộc***

Hệ thống cơ sở văn hóa và thể thao cần được quy hoạch theo hướng hiện đại, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời bảo đảm gìn giữ và lan tỏa bản sắc văn hóa dân tộc.

Các công trình thể thao trọng điểm như Khu liên hợp thể thao quốc gia cần được đầu tư, nâng cấp đạt chuẩn Olympic, sẵn sàng đăng cai các sự kiện thể thao tầm châu lục như ASIAD. Hệ thống bảo tàng, nhà hát và trung tâm triển lãm cần đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật cao, đủ điều kiện tổ chức và tiếp nhận các sự kiện nghệ thuật, văn hóa đẳng cấp quốc tế.

Song song với đó, quy hoạch cần mở rộng và củng cố mạng lưới các Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài, trước mắt tại Lào, Pháp và các địa bàn chiến lược mới, nhằm chủ động quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam. Ở trong nước, cần ưu tiên đầu tư thiết chế văn hóa tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số để bảo tồn di sản văn hóa và gìn giữ bản sắc truyền thống.

#### ***3.4 Bảo đảm đồng bộ với các chiến lược, chương trình và nghị quyết lớn của Đảng và Nhà nước***

Quy hoạch điều chỉnh phải đóng vai trò là công cụ cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương và cam kết chính trị của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực phát triển văn hóa và con người.

Nội dung quy hoạch cần bảo đảm tuân thủ đầy đủ Luật Quy hoạch, đồng thời đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt, bảo đảm tính thống nhất và liên thông trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

Danh mục dự án trong quy hoạch cần được tích hợp chặt chẽ với Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035, bảo đảm tính khả thi về nguồn vốn và tiến độ triển khai, đồng thời tránh trùng lặp với các chương trình mục tiêu quốc gia khác như Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tóm lại,việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao trong giai đoạn hiện nay đặt ra yêu cầu phải có tư duy đột phá, chuyển từ cách tiếp cận quy hoạch theo từng công trình đơn lẻ sang quy hoạch theo hệ sinh thái phát triển, bảo đảm tính liên kết, hiệu quả và bền vững. Đây là cơ sở quan trọng để hệ thống thiết chế văn hóa và thể thao thực sự trở thành động lực phát triển con người, kinh tế và xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước đến năm 2045.

## **PHẦN II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÀ HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO**

### **1. Mạng lưới cơ sở văn hoá**

#### ***1.1. Mạng lưới cơ sở bảo tàng***

*a. Hoàn thiện và mở rộng mạng lưới bảo tàng với hạt nhân là các bảo tàng quốc gia*

Trong thời gian qua, việc triển khai Quy hoạch mạng lưới bảo tàng đã góp phần mở rộng quy mô hệ thống bảo tàng trên phạm vi cả nước. Đến nay, cả nước có 198 bảo tàng, trong đó 127 bảo tàng công lập và 71 bảo tàng ngoài công lập, phân bố tại hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Sự phát triển của hệ thống bảo tàng ngoài công lập đã góp phần xã hội hóa hoạt động bảo tàng, bổ sung nguồn lực và đa dạng hóa loại hình bảo tàng. Hệ thống bảo tàng quốc gia tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong việc bảo tồn, trưng bày và phát huy giá trị di sản lịch sử, văn hóa và khoa học của đất nước; đồng thời là trung tâm tổ chức các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày chuyên đề và giáo dục truyền thống.

Tuy nhiên, việc tổ chức mạng lưới theo mô hình “hạt nhân – vệ tinh” như định hướng của Quy hoạch chưa được triển khai rõ nét. Quan hệ phối hợp, liên kết, chia sẻ nguồn lực và dữ liệu giữa các bảo tàng quốc gia với bảo tàng chuyên ngành và bảo tàng cấp tỉnh còn lỏng lẻo, thiếu cơ chế điều phối thống nhất, dẫn đến mạng lưới bảo tàng phát triển theo hướng phân tán, chưa hình thành được hệ thống đồng bộ, có tính liên thông cao trên phạm vi toàn quốc.

*b. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng quy mô, tiêu chuẩn chuyên ngành*

Việc đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho các bảo tàng tiếp tục được quan tâm, đặc biệt đối với một số bảo tàng quốc gia và bảo tàng lớn tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Một số công trình đã được cải tạo, mở rộng không gian trưng bày, nâng cấp kho bảo quản và hạ tầng kỹ thuật, từng bước tiệm cận các tiêu chuẩn chuyên ngành theo quy định.

Tuy nhiên, nhìn chung, mục tiêu chuẩn hóa hệ thống bảo tàng theo các cấp độ chuyên ngành như Quy hoạch đề ra chưa đạt được. Nhiều bảo tàng địa phương được xây dựng từ lâu, quy mô nhỏ, không gian trưng bày hạn chế, trang thiết bị bảo quản hiện vật lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; một số bảo tàng chưa có trụ sở riêng, phải sử dụng chung cơ sở làm việc với các đơn vị khác. Tiến độ

đầu tư, nâng cấp đối với các bảo tàng được định hướng đạt tiêu chuẩn từ cấp II trở lên còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

*c. Xây dựng mới các bảo tàng quốc gia và bảo tàng chuyên ngành*

Việc xây dựng mới các bảo tàng quốc gia theo Quy hoạch đã đạt được một số kết quả cụ thể, trong đó nổi bật là dự án Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam tại vị trí mới đã hoàn thành xây dựng cơ bản và đưa vào hoạt động. Công trình có quy mô lớn, kiến trúc hiện đại, bước đầu đáp ứng yêu cầu trưng bày, giáo dục truyền thống và phục vụ khách tham quan, tạo điểm nhấn quan trọng trong hệ thống bảo tàng quốc gia.

Tuy nhiên, các dự án xây dựng mới bảo tàng quốc gia khác triển khai chậm so với mục tiêu Quy hoạch. Dự án Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam đến nay vẫn đang trong giai đoạn triển khai xây dựng, trong khi nhu cầu bảo quản mẫu vật, nghiên cứu khoa học và giáo dục cộng đồng về thiên nhiên ngày càng cấp thiết. Đối với các bảo tàng chuyên ngành được định hướng xây dựng mới, việc triển khai còn rất hạn chế, chủ yếu dừng ở mức nghiên cứu, đề xuất, chưa hình thành được các dự án cụ thể.

*d. Nâng cấp, hoàn thiện các bảo tàng quốc gia và bảo tàng chuyên ngành trọng điểm*

Các bảo tàng quốc gia và bảo tàng chuyên ngành trọng điểm tiếp tục duy trì hoạt động, thực hiện nhiệm vụ chính trị, văn hóa và giáo dục. Một số hoạt động cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cục bộ đã được triển khai nhằm duy trì điều kiện hoạt động.

Tuy nhiên, các dự án đầu tư mang tính tổng thể, dài hạn còn chậm được triển khai. Đặc biệt, dự án xây dựng Bảo tàng Lịch sử Quốc gia trước đây được bố trí tại vị trí quận Tây Hồ do kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư, chưa được khởi công xây dựng nên đã được điều chỉnh theo hướng đầu tư nâng cấp tại vị trí hiện tại. Việc đổi mới nội dung, hình thức trưng bày, hiện đại hóa trang thiết bị và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các bảo tàng hiện hữu chưa được triển khai đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng bảo tàng trở thành trung tâm thông tin, giáo dục và điểm đến hấp dẫn theo định hướng Quy hoạch.

*e. Nâng cấp một số bảo tàng chuyên ngành và bảo tàng cấp tỉnh trở thành bảo tàng cấp quốc gia*

Một số địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch và đề xuất dự án đầu tư

nâng cấp các bảo tàng có giá trị tiêu biểu, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động và vị thế của bảo tàng trong hệ thống chung. Một số bảo tàng tại thành phố Huế và Thành phố Hồ Chí Minh được ưu tiên đầu tư, từng bước tiệm cận tiêu chí bảo tàng cấp quốc gia.

Tuy nhiên, quá trình nâng cấp các bảo tàng này còn gặp nhiều khó khăn, nhất là về nguồn lực đầu tư, thủ tục hành chính và quỹ đất. Việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về quy mô, cơ sở vật chất, nhân lực và điều kiện tổ chức hoạt động theo quy định đối với bảo tàng cấp quốc gia còn chậm, chưa đạt mục tiêu Quy hoạch đề ra.

#### *f. Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động bảo tàng*

Hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo tàng bước đầu được triển khai tại một số đơn vị, tập trung vào số hóa hiện vật, xây dựng trung bày trực tuyến, bảo tàng ảo và ứng dụng công nghệ trong thuyết minh. Những hoạt động này góp phần mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ số trong hệ thống bảo tàng còn mang tính phân tán, thiếu tính hệ thống; chưa có nền tảng dữ liệu chung và tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất để kết nối, chia sẻ thông tin trên phạm vi toàn quốc. Nội dung trưng bày, hoạt động chuyên môn và trải nghiệm của khách tham quan tại nhiều bảo tàng chưa theo kịp mức độ đầu tư về cơ sở vật chất, làm hạn chế hiệu quả phát huy giá trị của hệ thống bảo tàng.

Nhìn chung, việc triển khai Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đối với mạng lưới bảo tàng đã đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần mở rộng quy mô hệ thống bảo tàng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của bảo tàng và thúc đẩy xã hội hóa hoạt động bảo tàng. Việc hoàn thành và đưa vào hoạt động Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam là điểm sáng nổi bật trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, phần lớn các mục tiêu quan trọng của Quy hoạch chưa đạt hoặc mới đạt ở mức độ hạn chế; tiến độ xây dựng mới các bảo tàng quốc gia và chuyên ngành còn chậm; việc đầu tư, nâng cấp và chuẩn hóa hệ thống bảo tàng địa phương gặp nhiều khó khăn về nguồn lực, cơ chế và tổ chức thực hiện. Sự chênh lệch về điều kiện cơ sở vật chất, chất lượng hoạt động và khả năng thu hút công chúng giữa các bảo tàng trung ương và

địa phương còn lớn, đặt ra yêu cầu cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh định hướng phát triển mạng lưới bảo tàng và hoàn thiện các giải pháp trong giai đoạn tiếp theo. a) Về hoàn thiện và mở rộng mạng lưới bảo tàng; ứng dụng khoa học, công nghệ và tăng cường kết nối hệ thống

## ***1.2. Mạng lưới cơ sở thư viện***

*a. Phát triển mạng lưới thư viện gồm Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện chuyên ngành đầu ngành, thư viện thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và thư viện công cộng cấp tỉnh có vai trò trung tâm*

Thực hiện Quyết định số 991/QĐ-TTg, mạng lưới thư viện trên phạm vi cả nước tiếp tục được duy trì và phát triển tương đối đầy đủ từ Trung ương đến cơ sở. Đến nay, cả nước có 01 Thư viện Quốc gia Việt Nam, 63 thư viện công cộng cấp tỉnh, cùng hàng trăm thư viện cấp huyện và hàng nghìn thư viện cấp xã, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ nhu cầu đọc, học tập và tiếp cận thông tin của người dân. Hệ thống thư viện thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Bộ Quốc phòng đã thực hiện cơ cấu lại mạng lưới còn 432 thư viện trong toàn quân và đang xây dựng hệ thống thư viện số dùng chung, lấy Thư viện Quân đội làm hạt nhân, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác tài nguyên thông tin. Bộ Công an đang triển khai Dự án Thư viện tích hợp với Bảo tàng Công an nhân dân tại Hà Nội, hướng tới hình thành thiết chế văn hóa – thông tin hiện đại, phục vụ công tác giáo dục truyền thống và nghiên cứu chuyên ngành.

Tuy nhiên, việc tổ chức mạng lưới thư viện theo mô hình liên kết “trung tâm – vệ tinh” chưa rõ nét; mức độ kết nối, liên thông giữa các thư viện công cộng cấp tỉnh giữ vai trò trung tâm vùng với các thư viện cấp huyện, cấp xã còn hạn chế. Sau quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, mạng lưới thư viện tại một số địa phương (như Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng) có dấu hiệu phân tán về không gian và mô hình quản lý, ảnh hưởng đến tính thống nhất và hiệu quả vận hành của hệ thống.

*b. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu đọc và tra cứu thông tin của người dân*

Trong thời gian qua, một số địa phương đã quan tâm đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp thư viện theo hướng hiện đại, tích hợp không gian đọc truyền thống với không gian số, đa chức năng. Thành phố Cần Thơ đang đầu tư xây dựng mới

Thư viện thành phố với quy mô hiện đại, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2026. Tỉnh Ninh Bình triển khai xây dựng Tổ hợp Bảo tàng – Thư viện tỉnh tập trung. Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai dự án xây dựng Thư viện Thiếu nhi trong khuôn viên Thư viện Khoa học Tổng hợp, góp phần phát triển văn hóa đọc cho thế hệ trẻ.

Tuy nhiên, nhiều thư viện công cộng cấp tỉnh được xây dựng từ giai đoạn 1999–2002 đến nay đã xuống cấp, không gian sử dụng nhỏ hẹp, trang thiết bị lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu phát triển theo quy hoạch mới. Một số thư viện tại các địa phương như Lạng Sơn, Thái Nguyên chưa đạt tiêu chuẩn chuyên ngành, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ và khả năng tổ chức các hoạt động thư viện hiện đại.

*c. Tăng cường năng lực hoạt động thư viện, ứng dụng khoa học công nghệ và đẩy mạnh chuyển đổi số*

Chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện là nội dung đạt được nhiều kết quả tích cực nhất trong quá trình thực hiện Quyết định số 991/QĐ-TTg. Tổng tài nguyên thông tin dạng số trong hệ thống thư viện công cộng đến nay đạt gần 9,8 triệu đơn vị, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thông tin của người dân. Một số địa phương triển khai hiệu quả công tác số hóa và xây dựng thư viện số. Thư viện Khoa học Tổng hợp Hải Phòng đã số hóa khoảng 2,8 triệu trang tài liệu quý hiếm; tỉnh Hưng Yên triển khai thư viện số, số hóa hàng nghìn trang tài liệu địa bạ, thần tích; tỉnh Nghệ An xây dựng cổng thông tin và phần mềm quản lý thư viện điện tử, từng bước hiện đại hóa hoạt động thư viện.

Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giữa các địa phương còn thiếu tính đồng bộ; phần mềm quản lý và tiêu chuẩn dữ liệu chưa thống nhất, gây khó khăn cho việc kết nối, liên thông và chia sẻ tài nguyên thông tin. Tại một số địa phương như Hải Phòng, sau khi sáp nhập hành chính, việc sử dụng song song các phần mềm quản lý thư viện không tương thích đã phát sinh vướng mắc trong trao đổi và khai thác dữ liệu.

*d. Đầu tư nâng cấp thư viện công cộng cấp tỉnh có vai trò trung tâm vùng*

Các thư viện công cộng tại các đô thị lớn và trung tâm vùng như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ đang từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động và khả năng phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên, tiến độ triển khai một số dự án thư viện trọng điểm còn chậm. Dự án Thư viện Khoa học Tổng hợp Đà Nẵng và dự án Thư viện Hoàng cung Huế (thành phố Huế) hiện vẫn trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư hoặc mới triển khai các bước đầu, chưa đáp ứng yêu cầu về vai trò trung tâm vùng theo định hướng Quy hoạch.

*e. Phát triển văn hóa đọc và luân chuyển tài nguyên thông tin xuống cơ sở*

Hệ thống phục vụ lưu động và luân chuyển sách, báo về cơ sở tiếp tục được duy trì. Năm 2023, hệ thống thư viện công cộng đã phục vụ trên 76 triệu lượt người, góp phần duy trì và phát triển phong trào đọc sách trong cộng đồng.

Tuy nhiên, nguồn lực tài nguyên thông tin còn thấp so với quy mô dân số; bình quân mới đạt khoảng 0,45 bản sách/người. Đáng chú ý, trên 30% thư viện cấp huyện và hầu hết thư viện cấp xã không được cấp kinh phí thường xuyên để bổ sung sách, báo, dẫn đến nguy cơ thư viện hoạt động cầm chừng, thậm chí trở thành “kho sách chết”. Việc sáp nhập thư viện cấp huyện vào Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã tại một số địa phương làm giảm vai trò chuyên môn của thư viện, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ cộng đồng và mục tiêu phát triển văn hóa đọc bền vững.

Nhìn chung, việc triển khai Quyết định số 991/QĐ-TTg đối với mạng lưới thư viện đã đạt được những kết quả quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyển đổi số và xã hội hóa hoạt động thư viện, với sự phát triển của thư viện tư nhân, tủ sách cộng đồng, tủ sách dòng họ, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận tri thức của người dân. Tuy nhiên, hạ tầng của hệ thống thư viện tại nhiều địa phương còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển theo định hướng Quy hoạch. Thách thức lớn nhất hiện nay là nguy cơ đứt gãy hệ thống thư viện cơ sở trong quá trình sắp xếp tổ chức, nhất là việc sáp nhập thư viện cấp huyện về cấp xã khi chưa có cơ chế bảo đảm nguồn lực tài chính, bổ sung tài nguyên thông tin và bố trí nhân lực chuyên trách. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phục vụ cộng đồng và mục tiêu phát triển văn hóa đọc trong giai đoạn tới, đòi hỏi cần có giải pháp điều chỉnh phù hợp trong quá trình rà soát, điều chỉnh Quy hoạch.

**1.3. Mạng lưới cơ sở điện ảnh**

*a. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học công nghệ cho các cơ sở phổ biến phim và cơ sở sản xuất phim*

Trong giai đoạn vừa qua, mạng lưới cơ sở phổ biến phim phát triển mạnh

mẽ, chủ yếu thông qua xã hội hóa. Tính đến năm 2024, cả nước có khoảng 210 cụm rạp chiếu phim, tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn, với sự tham gia chi phối của các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như CGV, Lotte, Galaxy, BHD. Các cơ sở này được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chiếu phim hiện đại, tiệm cận trình độ khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng phổ biến phim và đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân.

Tuy nhiên, đối với lĩnh vực sản xuất phim, đặc biệt là hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất phim do Nhà nước quản lý, tình trạng lạc hậu, thiếu đồng bộ vẫn còn phổ biến. Việt Nam hiện chưa hình thành được các phim trường chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng đầy đủ các khâu từ tiền kỳ, quay phim đến hậu kỳ theo công nghệ tiên tiến. Hệ quả là nhiều dự án phim điện ảnh quy mô lớn phải thực hiện một phần hoặc toàn bộ khâu hậu kỳ ở nước ngoài, làm gia tăng chi phí sản xuất và phát sinh tình trạng chảy máu ngoại tệ, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của ngành điện ảnh trong nước.

*b. Hoàn thiện đầu tư, mở rộng, nâng cấp Trường quay Cổ Loa và các trung tâm kỹ thuật điện ảnh*

Thực hiện các chủ trương sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, theo Quyết định số 1270/QĐ-TTg, Trường quay Cổ Loa và Trung tâm Kỹ thuật Điện ảnh đã được sáp nhập vào Trung tâm Điện ảnh Thể thao và Du lịch Việt Nam để thành lập Trung tâm Điện ảnh Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam, nhằm tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư và quản lý.

Tuy nhiên, trên thực tế, cơ sở vật chất tại Trường quay Cổ Loa đến nay vẫn chưa được đầu tư nâng cấp tương xứng với vai trò là “trường quay quốc gia” theo định hướng Quy hoạch. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ quay phim, hậu kỳ và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất còn hạn chế. Việc triển khai các dự án phát triển công nghiệp văn hóa gắn với khu vực Trường quay Cổ Loa tại Hà Nội hiện vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu, đề xuất, chưa tạo được bước đột phá rõ nét.

*c. Xây dựng mới, nâng cấp các trung tâm chiếu phim quốc gia và rạp chiếu phim tại địa phương*

Trung tâm Chiếu phim Quốc gia tại Hà Nội tiếp tục hoạt động hiệu quả, từng bước thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức các sự kiện điện ảnh lớn của quốc gia và quốc tế. Tuy nhiên, Trung tâm hiện

đang chịu áp lực quá tải về quy mô, trong khi nhiệm vụ nâng cấp lên cấp đặc biệt với sức chứa trên 3.000 chỗ ngồi theo Quy hoạch chưa được triển khai.

Tại các địa phương, sự phát triển của mạng lưới rạp chiếu phim có sự phân hóa rất rõ rệt. Khu vực tư nhân phát triển mạnh tại các đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, trong khi hệ thống rạp chiếu phim công lập tại nhiều địa phương không đủ khả năng cạnh tranh, dẫn đến tình trạng giải thể hoặc xuống cấp nghiêm trọng. Một số địa phương trung tâm vùng như Cần Thơ hiện không còn rạp chiếu phim công lập; tại Lào Cai, rạp Yên Ninh xuống cấp kéo dài; tại Ninh Bình, các rạp chiếu phim cũ như Rạp Tháng Tám, Rạp Kim Đồng vẫn được sử dụng nhưng cơ sở vật chất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ hiện đại.

#### *d. Duy trì mạng lưới chiếu phim lưu động phục vụ vùng sâu, vùng xa*

Hoạt động chiếu phim lưu động tiếp tục được duy trì và phát huy vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an sinh văn hóa, phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền tại các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Năm 2023, cả nước duy trì khoảng 190 đội chiếu phim lưu động, tổ chức hơn 31.000 buổi chiếu, phục vụ gần 5,7 triệu lượt người xem. Ngân sách nhà nước tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm hoạt động của hệ thống này, với tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 98,9 tỷ đồng trong năm 2023.

#### *e. Xây dựng các trường quay tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh*

Theo định hướng Quy hoạch, việc nghiên cứu, xây dựng các trường quay tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm hình thành các trung tâm sản xuất phim hiện đại tại các vùng kinh tế – văn hóa trọng điểm. Tuy nhiên, tiến độ triển khai các nhiệm vụ này còn rất chậm. Thành phố Hồ Chí Minh gặp nhiều khó khăn về quỹ đất dành cho văn hóa, thủ tục pháp lý và nguồn vốn đầu tư; đến nay chưa có dự án trường quay quy mô lớn nào được khởi công theo đúng định hướng Quy hoạch.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở điện ảnh Việt Nam hiện nay phát triển theo mô hình mất cân đối, thể hiện rõ sự “lệch pha” giữa các khâu của chuỗi giá trị điện ảnh. Cụ thể, lĩnh vực phổ biến phim phát triển nhanh, hiện đại, song phụ thuộc gần như hoàn toàn vào khu vực tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi hệ thống rạp chiếu phim công lập tại địa phương suy giảm mạnh, thậm chí không còn hiện diện tại nhiều tỉnh, thành phố. Ngược lại, lĩnh vực sản xuất phim – đặc biệt là hạ tầng phim trường, kỹ thuật và hậu kỳ – là khâu yếu

nhất, chưa hình thành được các cơ sở hiện đại đạt chuẩn khu vực và quốc tế, làm hạn chế năng lực sản xuất phim trong nước, nhất là đối với các phim Nhà nước đặt hàng. Hoạt động chiếu phim lưu động tiếp tục được duy trì tương đối tốt nhờ nguồn ngân sách nhà nước, góp phần bảo đảm mục tiêu phục vụ cộng đồng và nhiệm vụ chính trị; tuy nhiên hiệu quả kinh tế còn thấp, phụ thuộc lớn vào hỗ trợ công. Có thể thấy, mục tiêu về phát triển mạng lưới cơ sở điện ảnh theo hướng hiện đại, đồng bộ, gắn với phát triển công nghiệp điện ảnh đang đối mặt với nhiều thách thức lớn, trong đó nổi bật là sự thiếu hụt hạ tầng sản xuất phim hiện đại và sự suy giảm vai trò của hệ thống rạp chiếu phim công lập tại các địa phương.

#### ***1.4. Mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn***

*a. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các đơn vị nghệ thuật biểu diễn*

Trong giai đoạn vừa qua, việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho một số đơn vị nghệ thuật biểu diễn đã đạt được những kết quả bước đầu, tập trung chủ yếu tại các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang và một số địa phương có điều kiện kinh tế – ngân sách tương đối thuận lợi.

Bộ Công an đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Nhà hát Hồ Gươm (năm 2023) với hệ thống trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sân khấu hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế, trở thành một thiết chế văn hóa – nghệ thuật tiêu biểu, có khả năng tổ chức các chương trình nghệ thuật chất lượng cao và các sự kiện đối ngoại văn hóa. Đồng thời, Bộ Công an đang triển khai đầu tư xây dựng trụ sở mới cho Nhà hát Ca múa nhạc và Nhà hát Kịch Công an nhân dân, dự kiến hoàn thành vào năm 2026. Bộ Quốc phòng đã bố trí nguồn lực đầu tư trên 300 tỷ đồng để hiện đại hóa trang thiết bị cho 03 nhà hát và 10 đoàn văn công, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động biểu diễn, phục vụ nhiệm vụ chính trị, quốc phòng và công tác đối ngoại.

Tại địa phương, một số tỉnh, thành phố đã chủ động đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình nghệ thuật biểu diễn, như: thành phố Hải Phòng xây dựng Trung tâm Hội nghị và Biểu diễn thành phố với quy mô khoảng 1.500 chỗ ngồi; tỉnh Ninh Bình xây mới Nhà hát Phạm Thị Trân; tỉnh Cà Mau cải tạo Trung tâm triển lãm thành Nhà hát Cao Văn Lầu, từng bước đáp ứng nhu cầu tổ chức các chương trình nghệ thuật quy mô cấp tỉnh và khu vực.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nêu trên, phần lớn các nhà hát, rạp biểu diễn tại nhiều địa phương khác hiện đã xuống cấp, trang thiết bị lạc hậu, không

đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để tổ chức các chương trình nghệ thuật lớn, chương trình giao lưu quốc tế hoặc các sự kiện văn hóa có quy mô vùng và quốc gia.

*b. Hình thành các trung tâm nghệ thuật biểu diễn tại các đô thị lớn và trung tâm vùng*

Tại Hà Nội, hiện có khoảng 06 nhà hát đang hoạt động, song phần lớn có quy mô nhỏ, sức chứa hạn chế, phân tán về không gian, chưa hình thành được một trung tâm nghệ thuật biểu diễn có quy mô lớn, đồng bộ. Thành phố đang nghiên cứu, lập kế hoạch xây dựng 01 nhà hát cấp thành phố trong giai đoạn 2026–2030, hướng tới quy mô đặc biệt với sức chứa trên 2.000 chỗ ngồi.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù là trung tâm kinh tế, văn hóa lớn nhất cả nước, song hệ thống hạ tầng nghệ thuật biểu diễn chưa tương xứng với vai trò và tiềm năng phát triển. Thành phố hiện thiếu các công trình biểu diễn quy mô lớn đạt chuẩn quốc tế. Dự án Nhà hát Giao hưởng, Nhạc và Vũ kịch Thành phố tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm đã được xác định từ lâu nhưng đến nay vẫn gặp nhiều vướng mắc về thủ tục đầu tư và nguồn vốn, dẫn đến chậm triển khai.

Tại thành phố Huế, địa phương đang tiến hành rà soát, nghiên cứu phương án nâng cấp Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh tỉnh theo hướng trở thành không gian tổ chức biểu diễn nghệ thuật hiện đại, gắn với phát huy giá trị di sản và phát triển du lịch.

Tại thành phố Cần Thơ – trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, hiện chỉ có Nhà hát Tây Đô với quy mô khoảng 800 chỗ ngồi, cơ sở vật chất đã lạc hậu, thiếu bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ, chưa đủ điều kiện tổ chức các sự kiện nghệ thuật có quy mô vùng hoặc quốc gia.

*c. Nghiên cứu, xây dựng mới và nâng cấp các nhà hát quốc gia*

Quyết định số 991/QĐ-TTg đặt ra mục tiêu nghiên cứu, xây dựng mới và nâng cấp các nhà hát quốc gia chuyên ngành như Nhà hát Nhạc, Vũ kịch Việt Nam; Nhà hát Cải lương Việt Nam; Nhà hát Kịch Việt Nam; Nhà hát Chèo, Tuồng... Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tế, đã xuất hiện sự điều chỉnh lớn về mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, hợp nhất các đơn vị nghệ thuật.

Cụ thể, Nhà hát Cải lương Việt Nam, Nhà hát Chèo Việt Nam và Nhà hát Tuồng Việt Nam đã được hợp nhất thành Nhà hát Sân khấu truyền thống Quốc gia Việt Nam; Nhà hát Ca, Múa, Nhạc dân gian Việt Bắc được sáp nhập vào Nhà hát

Ca, Múa, Nhạc Việt Nam, hình thành Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Quốc gia Việt Nam.

Việc thay đổi mô hình tổ chức này dẫn đến yêu cầu phải điều chỉnh lại phương án đầu tư hạ tầng nghệ thuật biểu diễn theo hướng xây dựng các thiết chế dùng chung, đa năng, thay vì đầu tư riêng lẻ cho từng nhà hát như định hướng ban đầu của Quy hoạch.

#### *d. Xây dựng các tổ hợp trung tâm nghệ thuật biểu diễn cấp đặc biệt*

Theo định hướng Quyết định số 991/QĐ-TTg, việc xây dựng các tổ hợp trung tâm nghệ thuật biểu diễn đạt cấp đặc biệt, quy mô trên 3.000 chỗ ngồi tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa then chốt trong việc hình thành các trung tâm nghệ thuật mang tầm quốc gia và quốc tế. Tuy nhiên, đến nay, chưa có dự án nào đạt quy mô này được khởi công hoặc hoàn thành. Phần lớn các dự án mới dừng ở bước đề xuất ý tưởng, nghiên cứu tiền khả thi hoặc chuẩn bị đầu tư, chưa được triển khai trên thực tế.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn hiện nay đang có sự phân hóa rõ nét giữa các khu vực, các chủ thể đầu tư và loại hình quản lý. Một số điểm sáng nổi bật là sự xuất hiện của các thiết chế nghệ thuật biểu diễn hiện đại được đầu tư từ nguồn lực của lực lượng vũ trang, tiêu biểu là Nhà hát Hồ Gươm, cùng với một số địa phương năng động như Hải Phòng, Ninh Bình đã chủ động đầu tư xây dựng các công trình biểu diễn mới. Tuy nhiên, các đô thị trung tâm văn hóa lớn của cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh và trung tâm vùng như Cần Thơ lại đang thiếu nghiêm trọng các nhà hát quy mô lớn, đạt chuẩn quốc tế. Mục tiêu xây dựng các tổ hợp trung tâm nghệ thuật biểu diễn cấp đặc biệt với sức chứa trên 3.000 chỗ ngồi theo Quyết định số 991/QĐ-TTg đến nay chưa được hiện thực hóa, chủ yếu do khó khăn về quỹ đất, nguồn vốn đầu tư và cơ chế triển khai. Bên cạnh đó, xu hướng sáp nhập, tinh gọn các đơn vị nghệ thuật biểu diễn cấp Trung ương đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch không gian biểu diễn theo hướng tích hợp, đa năng, phù hợp với mô hình tổ chức mới.

Có thể nhận định, so với mục tiêu đề ra tại Quyết định số 991/QĐ-TTg, lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đạt kết quả tích cực trong công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, nhưng tiến độ phát triển hạ tầng nghệ thuật biểu diễn quy mô lớn tại các trung tâm văn hóa trọng điểm còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp văn hóa và hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới.

### ***1.5. Mạng lưới cơ sở triển lãm văn hóa, nghệ thuật***

*a. Nghiên cứu, xây dựng mới và nâng cấp mạng lưới gồm 05 cơ sở triển lãm quốc gia tại Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh*

Việc triển khai nhiệm vụ xây dựng và nâng cấp các cơ sở triển lãm quốc gia trong thời gian qua có sự khác biệt rõ rệt giữa các địa bàn, phản ánh sự không đồng đều về nguồn lực, cơ chế và mức độ ưu tiên đầu tư.

Tại Hà Nội, tiến độ triển khai đạt kết quả tích cực và rõ nét nhất, chủ yếu nhờ áp dụng mô hình hợp tác công – tư (PPP). Dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia tại Đông Anh được xúc tiến mạnh mẽ, được định hướng trở thành công trình có quy mô lớn, hiện đại, nằm trong nhóm các trung tâm triển lãm hàng đầu thế giới. Dự án này sau khi hoàn thành năm 2025 được kỳ vọng tạo ra thiết chế triển lãm mang tầm quốc gia và quốc tế, đóng vai trò động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, thương mại triển lãm và dịch vụ của Thủ đô.

Tại thành phố Huế, địa phương đã hoàn thành công tác bố trí quỹ đất và đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng Trung tâm Triển lãm văn hóa, nghệ thuật quốc gia. Tuy nhiên, dự án hiện vẫn đang ở giai đoạn tiền khả thi, chưa được khởi công, do đó chưa tạo ra tác động thực tiễn đối với mạng lưới cơ sở triển lãm trong giai đoạn đánh giá.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến độ triển khai nhiệm vụ này còn rất chậm so với yêu cầu của Quyết định số 991/QĐ-TTg. Mặc dù là trung tâm kinh tế, văn hóa lớn nhất cả nước, Thành phố hiện chỉ có 01 nhà triển lãm công lập, quy mô nhỏ, cơ sở vật chất hạn chế, chưa tương xứng với vị thế đô thị đặc biệt và vai trò trung tâm của thị trường nghệ thuật phía Nam. Trong giai đoạn 2021–2024, chưa có dự án nhà triển lãm quốc gia nào tại Thành phố Hồ Chí Minh được khởi công xây dựng.

*b. Nâng cấp, cải tạo các công trình triển lãm văn hóa, nghệ thuật hiện có tại Hà Nội*

Các công trình triển lãm văn hóa, nghệ thuật hiện hữu tại Hà Nội như Trung tâm Triển lãm Văn hóa, Nghệ thuật Việt Nam, không gian triển lãm tại khu vực 29 Hàng Bài và một số địa điểm khác vẫn đang được khai thác sử dụng. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của các công trình này đã xuống cấp, quy mô nhỏ, công nghệ trưng bày lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để tổ chức các triển lãm nghệ thuật đương đại, triển lãm chuyên ngành quốc tế hoặc các sự kiện có quy mô lớn. Việc chậm được đầu tư nâng cấp đã làm hạn chế đáng kể khả năng thu hút các bộ sưu

tập giá trị cao và các hoạt động hợp tác triển lãm quốc tế.

*c. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, phát triển hình thức triển lãm trực tuyến*

Trong bối cảnh chuyển đổi số và tác động của đại dịch Covid-19, hình thức triển lãm trực tuyến và trưng bày ảo đã có bước phát triển rõ rệt. Nhiều triển lãm ảnh, mỹ thuật, tư liệu đã được tổ chức trên không gian mạng; một số địa phương như Hưng Yên, Hải Phòng triển khai số hóa hiện vật, tổ chức tham quan, trưng bày ảo, bước đầu mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng.

Tuy nhiên, các hoạt động triển lãm số hiện nay chủ yếu mang tính tự phát, phân tán theo từng đơn vị, địa phương; chưa có một nền tảng triển lãm số quốc gia thống nhất để tích hợp, quản lý và khai thác lâu dài, dẫn đến hiệu quả lan tỏa còn hạn chế.

*d. Hoạt động chuyên môn tổ chức triển lãm*

Hoạt động triển lãm trên phạm vi cả nước diễn ra khá sôi nổi, đặc biệt trong lĩnh vực triển lãm phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền. Năm 2023, cả nước tổ chức 1.294 cuộc triển lãm, trong đó các triển lãm không vì mục đích thương mại chiếm tỷ trọng lớn (580 cuộc).

Tuy nhiên, thị trường triển lãm mang tính thương mại, đặc biệt trong các lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, thiết kế, còn phát triển chậm. Phần lớn các cơ sở triển lãm chưa hình thành được cơ chế khai thác hiệu quả để tạo nguồn thu ổn định, phục vụ tái đầu tư và nâng cao chất lượng hoạt động.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở triển lãm văn hóa, nghệ thuật hiện nay đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng về không gian triển lãm chuyên nghiệp, cả về số lượng lẫn chất lượng. Thứ nhất, về quy mô mạng lưới, với dân số khoảng 100 triệu người, cả nước hiện chỉ có khoảng 38 nhà triển lãm, con số này là rất thấp so với nhu cầu thực tiễn và so với các quốc gia có trình độ phát triển công nghiệp văn hóa tương đương. Nhiều địa phương, kể cả các đô thị lớn như Hải Phòng, chưa có nhà triển lãm chuyên biệt mà phải sử dụng không gian đa năng của trung tâm văn hóa, bảo tàng hoặc quảng trường để tổ chức sự kiện, làm giảm tính chuyên nghiệp của hoạt động triển lãm. Thứ hai, về chất lượng cơ sở vật chất, phần lớn các nhà triển lãm công lập hiện có đều lạc hậu về công nghệ trưng bày, hệ thống ánh sáng, điều hòa, bảo quản hiện vật, chưa đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Điều này hạn chế khả năng tiếp nhận và trưng bày các bộ sưu tập nghệ thuật có giá trị cao, cũng như khả năng hợp tác triển lãm với các đối tác nước

ngoài. Thứ ba, điểm nghẽn lớn nhất nằm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc trung tâm nghệ thuật và thị trường mỹ thuật sôi động nhất cả nước chỉ có 01 nhà triển lãm công lập là một nghịch lý lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của công nghiệp văn hóa và hoạt động sáng tạo nghệ thuật tại khu vực phía Nam.

Tóm lại, so với mục tiêu đặt ra tại Quyết định số 991/QĐ-TTg, việc phát triển mạng lưới cơ sở triển lãm văn hóa, nghệ thuật đang chậm tiến độ, đặc biệt là các dự án đầu tư công cấp quốc gia tại Huế và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh đó, dự án xã hội hóa Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia tại Đông Anh (Hà Nội) là điểm sáng nổi bật, song chưa đủ để bù đắp sự thiếu hụt mang tính hệ thống của toàn mạng lưới triển lãm quốc gia.

### ***1.6. Mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa ở trong nước***

*a. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm bảo đảm 100% đơn vị hành chính các cấp có đủ thiết chế văn hóa đạt chuẩn*

Trong giai đoạn triển khai Quyết định số 991/QĐ-TTg, mạng lưới trung tâm văn hóa từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được mở rộng, từng bước đáp ứng yêu cầu bao phủ thiết chế văn hóa trên phạm vi cả nước.

Về số lượng và mức độ bao phủ, nhiều địa phương đã đạt tỷ lệ tương đối cao trong việc xây dựng trung tâm văn hóa, nhà văn hóa tại cấp xã và thôn, tổ dân phố. Thành phố Hải Phòng có trên 90% xã, phường có trung tâm văn hóa đạt chuẩn và trên 80% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa. Các tỉnh An Giang, Đồng Nai cơ bản hoàn thiện mạng lưới thiết chế văn hóa từ cấp tỉnh đến cơ sở. Tại tỉnh Lạng Sơn, dự kiến đến hết năm 2024, khoảng 64% số xã có nhà văn hóa và gần như toàn bộ thôn, bản có nhà văn hóa.

Tuy nhiên, về chất lượng và mức độ đạt chuẩn theo quy định chuyên ngành, đây tiếp tục là điểm nghẽn lớn nhất trong quá trình triển khai Quy hoạch. Tình trạng “có thiết chế nhưng không đạt chuẩn” còn phổ biến tại nhiều địa phương. Nhiều trung tâm văn hóa – thể thao cấp xã không bảo đảm yêu cầu về diện tích đất, quy mô hội trường, khu chức năng và trang thiết bị theo tiêu chuẩn mới. Điển hình, tại tỉnh Lào Cai, 100% trung tâm văn hóa – thể thao cấp xã, phường chưa đáp ứng đủ diện tích và quy mô theo quy định; tại tỉnh Cà Mau, chỉ khoảng 28,1% trung tâm văn hóa cấp xã đạt chuẩn; tại Thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 68% thiết chế văn hóa cơ sở báo cáo tình trạng trang thiết bị hư hỏng, xuống cấp, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động.

*b. Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý và vận hành trung tâm văn hóa theo hướng đa năng, tổng hợp*

Cùng với việc thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thí điểm mô hình chính quyền địa phương hai cấp, mạng lưới trung tâm văn hóa đang trải qua quá trình chuyển đổi mô hình quản lý và vận hành theo hướng tích hợp, đa năng.

Nhiều địa phương đã triển khai việc sáp nhập, tinh gọn các trung tâm văn hóa cấp huyện và điều chỉnh mô hình quản lý về cấp xã. Một số tỉnh như Hưng Yên, Đồng Nai đã chuyển giao trung tâm văn hóa cấp huyện (trước đây) cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hoặc tổ chức lại thành các cơ sở vệ tinh nhằm tinh giản bộ máy, giảm đầu mối. Một số địa phương khác như Nghệ An đã thành lập “Trung tâm cung ứng dịch vụ công cấp xã”; các tỉnh Tây Ninh, Cà Mau triển khai mô hình “Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông”, tích hợp chức năng văn hóa, thể thao, truyền thanh và học tập cộng đồng trong cùng một thiết chế.

Tuy nhiên, quá trình sáp nhập và tích hợp này trong thực tế vẫn bộc lộ nhiều khó khăn. Việc sáp nhập mang tính cơ học, thiếu lộ trình và giải pháp đồng bộ về tài chính, nhân sự và cơ chế vận hành đã khiến nhiều trung tâm văn hóa cấp xã không đủ nguồn lực để quản lý, khai thác hiệu quả các công trình có quy mô lớn (như sân vận động, nhà văn hóa cấp huyện cũ) được bàn giao. Điều này làm gia tăng nguy cơ lãng phí tài sản công và giảm hiệu quả phục vụ cộng đồng.

*c. Quan tâm hỗ trợ, đầu tư thiết chế văn hóa cho công nhân, đoàn thanh niên và người lao động*

Việc đầu tư các thiết chế văn hóa phục vụ công nhân, người lao động và thanh thiếu nhi bước đầu được một số địa phương quan tâm triển khai. Tỉnh Đồng Nai đã quy hoạch thiết chế văn hóa tôn vinh công nhân tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1; hệ thống Nhà văn hóa Thanh thiếu nhi tại các địa phương như Hải Phòng, Hải Dương được đầu tư tương đối đồng bộ, góp phần tạo không gian sinh hoạt văn hóa, giáo dục kỹ năng cho thanh thiếu niên.

Tuy nhiên, nhìn chung, hệ thống thiết chế văn hóa tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu đô thị mới vẫn còn thiếu hụt nghiêm trọng. Tại thành phố Hải Phòng, phần lớn trong số 12 khu công nghiệp phía Đông và 11 khu công nghiệp phía Tây chưa được đầu tư đầy đủ thiết chế văn hóa – thể thao. Tại nhiều khu đô thị mới, quỹ đất dành cho công trình văn hóa cộng đồng chưa được bố trí đúng và

đủ theo quy hoạch, tỷ lệ thực hiện chỉ đạt khoảng 35–40% so với yêu cầu, ảnh hưởng đến chất lượng đời sống văn hóa của người dân và người lao động.

Nhìn chung, mạng lưới trung tâm văn hóa trong nước hiện đang ở giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ về cấu trúc và mô hình hoạt động, chịu tác động trực tiếp từ quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và đổi mới tổ chức bộ máy chính quyền địa phương. Về quy mô, mạng lưới thiết chế văn hóa đã đạt được độ bao phủ rộng, số lượng trung tâm văn hóa và nhà văn hóa tăng nhanh trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhiều thiết chế chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và mục tiêu của Quyết định số 991/QĐ-TTg. Về mô hình tổ chức, xu hướng chuyển dịch từ mô hình hành chính đơn năng sang mô hình trung tâm dịch vụ công đa năng là phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi này đang gặp thách thức lớn về cơ chế tài chính, biên chế và năng lực quản lý, đặc biệt tại cấp xã – nơi phải tiếp nhận và vận hành các thiết chế có quy mô vượt quá khả năng nguồn lực hiện có. Về hiệu quả hoạt động, tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” diễn ra cục bộ tại nhiều địa phương: thừa các nhà văn hóa thôn, xã nhỏ lẻ, xuống cấp, hoạt động nghèo nàn; trong khi lại thiếu các trung tâm văn hóa hiện đại, đa năng tại các khu vực tập trung đông dân cư mới như khu công nghiệp, khu đô thị mới. So với mục tiêu của Quyết định số 991/QĐ-TTg, việc chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới trung tâm văn hóa trong nước đang gặp nhiều thách thức, đặc biệt là bài toán nguồn lực đầu tư để nâng cấp các cơ sở hiện có đạt chuẩn và cơ chế vận hành hiệu quả sau khi sáp nhập các thiết chế văn hóa cấp huyện về cấp xã.

### ***1.7. Mạng lưới cơ sở Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài***

#### ***a. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Lào và Pháp***

Hiện nay, Việt Nam đang duy trì hoạt động của 02 Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại nước ngoài, đặt tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa Pháp. Đây là hai địa bàn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị, đối ngoại, văn hóa và cộng đồng người Việt Nam sinh sống, học tập và làm việc.

Trong thời gian qua, các Trung tâm được đầu tư cơ sở vật chất, cơ bản duy trì được vai trò là đầu mối quảng bá văn hóa Việt Nam, hỗ trợ công tác đối ngoại văn hóa và phục vụ cộng đồng người Việt Nam tại nước sở tại; phối hợp với các

cơ quan đại diện ngoại giao, các đoàn nghệ thuật trong nước tổ chức một số hoạt động giao lưu, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, giới thiệu văn hóa Việt Nam trong các dịp kỷ niệm, sự kiện song phương và đa phương.

Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của các Trung tâm còn nhiều hạn chế, chủ yếu do những bất cập mang tính cơ cấu về nhân lực và quy mô tổ chức. Theo số liệu năm 2023, Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Lào chỉ có 03 biên chế; Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp chỉ có 01 biên chế, không có đội ngũ hợp đồng hoặc cộng tác viên thường xuyên. Với nguồn nhân lực rất hạn chế như vậy, các Trung tâm gặp khó khăn lớn trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa có tính thường xuyên, chuyên sâu và quy mô phù hợp với yêu cầu của một thiết chế văn hóa quốc gia ở nước ngoài. Trên thực tế, các Trung tâm chủ yếu thực hiện vai trò phối hợp, hỗ trợ khi có các đoàn công tác, đoàn nghệ thuật từ trong nước sang, hơn là chủ động xây dựng và triển khai chương trình hoạt động độc lập, dài hạn.

*b. Nghiên cứu, đề xuất đầu tư xây dựng mới các Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại các địa bàn ưu tiên*

Quyết định số 991/QĐ-TTg xác định nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất đầu tư xây dựng mới các Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại một số quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện và có cộng đồng người Việt Nam đông đảo, gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Liên bang Nga, Hoa Kỳ và Campuchia.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2021–2023, chưa có Trung tâm Văn hóa Việt Nam mới nào tại các địa bàn nêu trên được khánh thành hoặc đưa vào hoạt động chính thức. Hoạt động quảng bá văn hóa Việt Nam tại các quốc gia này hiện vẫn chủ yếu được triển khai thông qua các sự kiện ngắn hạn như “Tuần văn hóa Việt Nam”, “Lễ hội văn hóa – du lịch Việt Nam”, các chương trình biểu diễn nghệ thuật, trưng bày, giới thiệu ẩm thực... do Cục Hợp tác quốc tế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài tổ chức theo từng đợt. Trong năm 2023, Việt Nam đã tổ chức một số sự kiện văn hóa, lễ hội tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp và một số quốc gia khác; tuy nhiên, đây đều là các hoạt động mang tính thời điểm, không gắn với sự hiện diện thường xuyên của một thiết chế văn hóa cố định.

Quy mô mạng lưới hiện nay (chỉ có 02 Trung tâm) được đánh giá là rất hạn chế, chưa tương xứng với vị thế, tầm vóc đối ngoại của Việt Nam, cũng như chưa

đáp ứng được nhu cầu giao lưu văn hóa, bảo tồn bản sắc và gắn kết cộng đồng người Việt Nam đông đảo tại các quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên bang Nga.

*c. Nghiên cứu mở rộng mạng lưới Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống*

Đến nay, chưa có bước tiến cụ thể trong việc mở rộng mạng lưới Trung tâm Văn hóa Việt Nam theo hình thức thiết chế vật lý tại các địa bàn mới ngoài danh sách ưu tiên đã được nêu trong Quyết định số 991/QĐ-TTg. Thay vào đó, hoạt động ngoại giao văn hóa đang có xu hướng chuyển dịch sang các hình thức linh hoạt hơn, như tăng cường cử các đoàn nghệ thuật đi lưu diễn, tổ chức các không gian quảng bá tạm thời trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm, diễn đàn văn hóa – du lịch quốc tế, hoặc lồng ghép hoạt động văn hóa trong các sự kiện đối ngoại lớn.

Nhìn chung, mạng lưới Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại nước ngoài hiện được đánh giá là một trong những khâu yếu nhất, trong hệ thống thiết chế văn hóa quốc gia theo Quyết định số 991/QĐ-TTg. Về tiến độ thực hiện quy hoạch, việc mở rộng mạng lưới Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại nước ngoài diễn ra rất chậm. Hầu hết các mục tiêu xây dựng Trung tâm tại các quốc gia đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện như Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản vẫn dừng ở mức “nghiên cứu, đề xuất”, chưa được cụ thể hóa thành dự án đầu tư. Về mô hình tổ chức và vận hành, các Trung tâm hiện có chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động của một thiết chế văn hóa đúng nghĩa. Với quy mô nhân sự từ 01 đến 03 người, các Trung tâm khó có khả năng thực hiện đầy đủ các chức năng như tổ chức triển lãm thường xuyên, duy trì thư viện, giảng dạy tiếng Việt, xây dựng chương trình giao lưu văn hóa định kỳ, phát triển mạng lưới đối tác tại nước sở tại. Trên thực tế, mô hình hiện nay gần với một văn phòng đại diện văn hóa hơn là một trung tâm văn hóa quốc gia. Về xu hướng triển khai, đang xuất hiện sự chuyển dịch rõ rệt từ đầu tư “phần cứng” (xây dựng trụ sở độc lập, đòi hỏi chi phí lớn, thủ tục phức tạp về đất đai, pháp lý tại nước sở tại) sang đầu tư “phần mềm” (tổ chức sự kiện lưu động, tuần văn hóa, lễ hội, chương trình giao lưu). Cách tiếp cận này có ưu điểm là linh hoạt, chi phí thấp, dễ triển khai; tuy nhiên, lại thiếu tính ổn định, liên tục và sự hiện diện lâu dài của văn hóa Việt Nam tại nước sở tại.

Có thể thấy, việc thực hiện Quyết định số 991/QĐ-TTg đối với mạng lưới Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại nước ngoài đang gặp nhiều thách thức lớn cả về

nguồn lực, mô hình đầu tư và phương thức vận hành. Trong giai đoạn tới, cần nghiên cứu điều chỉnh cách tiếp cận theo hướng linh hoạt hơn, như tích hợp Trung tâm Văn hóa Việt Nam vào khuôn viên Đại sứ quán hoặc Tổng Lãnh sự quán, thuê địa điểm dài hạn phù hợp với điều kiện từng quốc gia, giảm biên chế hành chính, tập trung nguồn lực cho hoạt động chuyên môn và nội dung quảng bá, nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của ngoại giao văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.

### ***1.8. Mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật***

*a. Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; ưu tiên tăng cường đầu tư cho các cơ sở đào tạo trọng điểm về điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật*

Trong thời gian qua, mạng lưới các cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã từng bước được củng cố và định hình tương đối đầy đủ về tổ chức. Hiện nay, hệ thống gồm 28 cơ sở, trong đó có 02 viện nghiên cứu, 13 trường đại học/học viện, 11 trường cao đẳng và 02 trường trung cấp, phân bố chủ yếu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số trung tâm vùng.

Các cơ sở đào tạo trọng điểm về nghệ thuật đã được xác lập rõ vai trò “đầu tàu” trong đào tạo tài năng nghệ thuật quốc gia, bao gồm: Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Âm nhạc Huế; Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam; Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội và Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh. Danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ cũng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1270/QĐ-TTg, qua đó khẳng định vị thế pháp lý và vai trò nòng cốt của các cơ sở này trong hệ thống đào tạo văn hóa, nghệ thuật quốc gia.

Tuy nhiên, so với mục tiêu của Quyết định số 991/QĐ-TTg là từng bước đưa các cơ sở đào tạo trọng điểm đạt trình độ tiên tiến, tiệm cận chuẩn quốc tế, thì thực trạng cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo tại nhiều trường vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều phòng tập, nhà hát thực nghiệm, xưởng sáng tác, phim trường thực hành, hệ thống âm thanh – ánh sáng, thiết bị công nghệ phục vụ giảng dạy đã xuống cấp hoặc lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nghệ thuật chuyên sâu, đặc biệt là đào tạo tài năng đỉnh cao và hội nhập quốc tế.

*b. Nâng cao chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế*

Chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở đào tạo trực

thuộc Bộ từng bước được chuẩn hóa. Tính đến năm 2023, toàn hệ thống có 2.355 giảng viên, cán bộ quản lý; trong đó, nhiều giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đồng thời là các Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, nghệ sĩ biểu diễn có uy tín, góp phần bảo đảm chất lượng chuyên môn và truyền nghề trong đào tạo nghệ thuật.

Thực tế cho thấy, hệ thống đào tạo đang phải đối mặt với nguy cơ “đứt gãy” nguồn nhân lực kế cận, đặc biệt trong các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống như Tuồng, Chèo, Cải lương, múa rối và nhạc cụ dân tộc. Công tác tuyển sinh ngày càng gặp khó khăn do đặc thù đào tạo kéo dài, yêu cầu năng khiếu khắt khe, cường độ rèn luyện cao, trong khi cơ hội việc làm và mức thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa thực sự hấp dẫn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững của đội ngũ nghệ sĩ biểu diễn truyền thống trong trung và dài hạn.

*c. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các viện nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật theo mô hình tiên tiến*

Hai Viện nghiên cứu lớn trực thuộc Bộ là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam (được thành lập năm 2025 trên cơ sở sáp nhập Viện Khoa học Thể dục Thể thao, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch và Viện Văn hóa, Nghệ thuật quốc gia Việt Nam trước đây) và Viện Bảo tồn di tích tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển văn hóa, nghệ thuật và bảo tồn di sản. Các viện đã tham gia tích cực vào công tác tư vấn, phản biện khoa học đối với nhiều chương trình, đề án, quy hoạch lớn của ngành và của Nhà nước.

Tuy nhiên, việc ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật còn hạn chế. Nhiều kết quả nghiên cứu mới dừng ở mức báo cáo khoa học, chưa chuyển hóa thành các sản phẩm có giá trị ứng dụng cao, chưa gắn chặt với nhu cầu thực tiễn của phát triển công nghiệp văn hóa và thị trường sáng tạo.

*d. Đào tạo tài năng và đào tạo đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật*

Đào tạo tài năng nghệ thuật và đào tạo đặc thù (đào tạo sớm, đào tạo cá thể hóa theo mô hình “một thầy – một trò”) là yêu cầu cốt lõi của lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Tuy nhiên, cơ chế tài chính và chính sách hiện hành chưa theo kịp tính đặc thù này. Mức đầu tư cho đào tạo nghệ thuật còn dàn trải, chưa đủ để bảo đảm chất lượng đào tạo dài hạn, chuyên sâu. Bên cạnh đó, chưa có cơ chế đủ mạnh để thu hút các chuyên gia giỏi, nghệ sĩ hàng đầu trong nước và quốc tế tham gia giảng

dạy, huấn luyện thường xuyên tại các cơ sở đào tạo.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật hiện nay đang đứng trước yêu cầu và áp lực tái cấu trúc mạnh mẽ để đáp ứng mục tiêu phát triển văn hóa, con người và công nghiệp văn hóa theo tinh thần Quyết định số 991/QĐ-TTg. Về mô hình tổ chức, hệ thống đã hình thành tương đối đầy đủ bộ khung các cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Huế. Tuy nhiên, mối liên kết giữa khâu đào tạo và thị trường lao động nghệ thuật (các nhà hát, đoàn nghệ thuật, doanh nghiệp sáng tạo) còn lỏng lẻo, chưa tạo thành chuỗi khép kín từ đào tạo – sử dụng – phát triển tài năng. Về chất lượng, vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa mục tiêu quy hoạch (tiệm cận chuẩn quốc tế) và hiện trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo tại nhiều trường, viện còn xuống cấp, lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nghệ thuật chuyên sâu và hội nhập. Về nhân lực, nguy cơ thiếu hụt đội ngũ nghệ sĩ biểu diễn nhạc cụ dân tộc và nghệ thuật truyền thống trong tương lai gần là thách thức lớn, nếu không sớm có cơ chế đãi ngộ, hỗ trợ đặc thù ngay từ khâu tuyển sinh, đào tạo và sử dụng sau đào tạo.

Tóm lại, so với mục tiêu của Quyết định số 991/QĐ-TTg, lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo văn hóa, nghệ thuật đã cơ bản ổn định về tổ chức bộ máy, song đang gặp những điểm nghẽn lớn về nguồn lực đầu tư để hiện đại hóa cơ sở đào tạo và về cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, bồi dưỡng và giữ chân tài năng nghệ thuật, đòi hỏi phải có giải pháp đột phá trong giai đoạn điều chỉnh và triển khai quy hoạch tiếp theo.

### ***1.9. Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam***

*a. Hoàn thiện đầu tư, hình thành trung tâm hoạt động văn hóa mang tính quốc gia, nơi tập trung tái hiện, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam*

Trong thời gian qua, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã từng bước được khẳng định là một thiết chế văn hóa đặc thù cấp quốc gia, có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn, giới thiệu và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức của Làng đã được xác lập tương đối rõ, với bộ máy vận hành gồm Ban Quản lý Làng và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc như Ban Quản lý Khu các Làng dân tộc, Trung tâm Thông tin – Dữ liệu, Tạp chí Làng Việt, Ban Đầu tư và Xây dựng 307,

bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý, khai thác và phát triển Làng.

Tuy nhiên, mặc dù đã đi vào hoạt động trong thời gian dài, Làng vẫn đang trong quá trình hoàn thiện đầu tư. Nhiều hạng mục quan trọng, phân khu chức năng được quy hoạch phê duyệt đang được xây dựng đồng bộ, chưa hình thành đầy đủ các khu chức năng theo quy hoạch tổng thể. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát huy vai trò của Làng với tư cách là trung tâm văn hóa mang tầm vóc quốc gia, chưa đáp ứng đầy đủ các mục tiêu đã được xác định trong Quyết định số 991/QĐ-TTg.

*b. Tập trung đầu tư các dự án cơ sở vật chất từ nguồn ngân sách nhà nước*

Nhà nước đã ưu tiên bố trí ngân sách để triển khai các dự án đầu tư công phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và các khu làng dân tộc, góp phần tạo nền tảng ban đầu cho hoạt động bảo tồn, trưng bày và tái hiện không gian văn hóa truyền thống. Một số hạng mục đã được hoàn thành và đưa vào khai thác, phục vụ các sự kiện văn hóa, lễ hội, hoạt động giáo dục truyền thống.

Tuy nhiên, tiến độ triển khai và giải ngân các dự án đầu tư công còn chậm so với yêu cầu. Theo nội dung Khung điều chỉnh quy hoạch, mục tiêu đến năm 2030 mới “cơ bản hoàn thành xây dựng các khu chức năng”, cho thấy quá trình đầu tư kéo dài, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của một thiết chế văn hóa quốc gia trong bối cảnh mới.

*c. Thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư các khu chức năng dịch vụ, du lịch*

Quy hoạch tổng thể Làng đã xác định rõ các khu vực kêu gọi xã hội hóa đầu tư, bao gồm: Khu Di sản văn hóa thế giới, Khu Trung tâm văn hóa và khu vui chơi giải trí, Khu Công viên bến thuyền và Khu Dịch vụ du lịch tổng hợp. Về mặt định hướng, các phân khu chức năng đã được xác lập tương đối đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý cho việc kêu gọi đầu tư.

Tuy nhiên, đây đang là điểm nghẽn lớn nhất trong quá trình phát triển Làng. Việc thu hút các nguồn vốn xã hội hóa gặp nhiều khó khăn, chưa thu hút được nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính và kinh nghiệm quản lý du lịch – văn hóa. Các khu chức năng mang tính dịch vụ, giải trí và tạo nguồn thu chủ yếu vẫn nằm trong danh mục kêu gọi đầu tư, chưa được triển khai trên thực tế. Sự thiếu vắng các sản phẩm du lịch, dịch vụ chất lượng cao khiến Làng chưa hình thành được chuỗi giá trị hoàn chỉnh, hạn chế khả năng tự chủ tài chính và sức hấp dẫn đối với du khách.

*d. Phát huy vai trò giáo dục truyền thống, tăng cường đoàn kết dân tộc, phục vụ tham quan, du lịch và nghiên cứu*

Làng đã tổ chức nhiều hoạt động tái hiện đời sống sinh hoạt, lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc, góp phần giáo dục truyền thống, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phục vụ nhu cầu tham quan, học tập, nghiên cứu của học sinh, sinh viên và du khách trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực phục vụ quản lý và vận hành Làng còn rất hạn chế so với quy mô và yêu cầu nhiệm vụ. Theo báo cáo năm 2023, Ban Quản lý Khu các Làng dân tộc chỉ có 33 người, trong đó chỉ có 04 người là người dân tộc thiểu số. Với số lượng nhân sự như vậy, việc quản lý, tổ chức hoạt động thường xuyên cho không gian văn hóa của 54 dân tộc là hết sức khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng, chiều sâu và tính sinh động của các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

Nhìn chung, mô hình Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam hiện nay đang trong tình trạng khung cơ bản đã hình thành nhưng chưa được hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ. Về hạ tầng, hệ thống công trình chưa được đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch, đặc biệt là các khu dịch vụ, vui chơi giải trí và du lịch tổng hợp – những hạng mục có vai trò quan trọng trong việc tạo nguồn thu và thu hút du khách, nhưng phụ thuộc lớn vào nguồn vốn xã hội hóa hiện chưa được huy động hiệu quả. Về tổ chức vận hành, Làng đang gặp khó khăn lớn về nhân lực và kinh phí hoạt động thường xuyên. Quy mô biên chế hiện có chưa tương xứng với phạm vi quản lý, trong khi cơ chế thuê chuyên gia, nghệ nhân, cộng tác viên văn hóa còn hạn chế, dẫn đến nguy cơ vận hành hình thức, thiếu chiều sâu chuyên môn. Về hiệu quả khai thác, Làng chưa phát huy đầy đủ tiềm năng của một thiết chế văn hóa quốc gia. Hoạt động hiện nay chủ yếu tập trung vào bảo tồn “tĩnh” thông qua các công trình kiến trúc và một phần bảo tồn “động” thông qua các sự kiện, lễ hội theo đợt, chưa hình thành được chuỗi sản phẩm du lịch – văn hóa liên hoàn, hấp dẫn và có khả năng tạo nguồn thu bền vững.

Tóm lại, so với mục tiêu của Quyết định số 991/QĐ-TTg, tiến độ hoàn thiện xây dựng và khai thác các khu chức năng của Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam còn chậm, chưa tương xứng với vị thế và vai trò được giao. Trong thời gian tới, cần nghiên cứu, đề xuất cơ chế đặc thù đủ mạnh để thu hút nhà đầu tư chiến lược vào các khu dịch vụ, du lịch; đồng thời tăng cường nguồn nhân lực,

mở rộng cơ chế thuê chuyên gia, nghệ nhân, cộng đồng dân tộc tham gia trực tiếp vào vận hành, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy đầy đủ giá trị của Làng theo đúng định hướng quy hoạch.

### ***1.10. Cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa***

*a. Đầu tư hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu số hóa văn hóa quốc gia từ trung ương đến các vùng, địa phương*

Trong giai đoạn vừa qua, việc triển khai số hóa dữ liệu văn hóa đã có những chuyển biến tích cực cả về nhận thức và hành động tại nhiều bộ, ngành và địa phương. Nhiều tỉnh, thành phố đã chủ động bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý và triển khai các dự án số hóa di sản, tư liệu văn hóa với quy mô và mức độ ngày càng cao.

Một số địa phương bước đầu trở thành điểm sáng trong công tác số hóa dữ liệu văn hóa. Tỉnh Hưng Yên đã triển khai số hóa 3D cho 37 di tích quốc gia đặc biệt và quốc gia, đồng thời số hóa bộ sưu tập Bảo vật quốc gia “Đĩa vàng hoa sen Cộng Vũ”, góp phần bảo tồn lâu dài và quảng bá hiệu quả giá trị di sản. Thành phố Hải Phòng đã đẩy mạnh số hóa tài nguyên thư viện, với khoảng 2,8 triệu trang tài liệu quý hiếm và tài liệu địa phương được chuyển đổi sang dạng số. Tỉnh Lào Cai triển khai đồng thời nhiều đề tài số hóa lớn, bao gồm số hóa hiện vật 3D, tư liệu giấy, phim ảnh và xây dựng phần mềm tham quan ảo phục vụ quảng bá văn hóa, du lịch.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, công tác số hóa dữ liệu văn hóa hiện nay còn bộc lộ rõ hạn chế về tính đồng bộ và liên thông. Các dự án số hóa chủ yếu được triển khai theo hướng cục bộ, phân tán theo từng ngành, từng địa phương, sử dụng các nền tảng công nghệ, phần mềm và tiêu chuẩn dữ liệu khác nhau. Theo đánh giá trong Khung điều chỉnh quy hoạch, tình trạng này gây khó khăn lớn cho việc kết nối, tích hợp và hình thành hệ cơ sở dữ liệu văn hóa thống nhất ở quy mô quốc gia. Thực tiễn tại một số địa phương sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cho thấy việc tồn tại song song nhiều hệ thống phần mềm không tương thích đã làm phát sinh vướng mắc trong quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

*b. Xây dựng không gian dữ liệu cộng đồng, kết nối, tích hợp đồng bộ với hệ cơ sở dữ liệu quốc gia*

Thời gian qua, một số nền tảng dữ liệu số phục vụ cộng đồng đã bước đầu

được hình thành trong các lĩnh vực chuyên ngành. Cục Bản quyền tác giả đã ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến; riêng năm 2023 đã cấp trên 11.000 giấy chứng nhận quyền tác giả, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Ngành thư viện công cộng tiếp tục mở rộng tài nguyên thông tin số, với tổng số gần 9,8 triệu đơn vị tài nguyên dạng số được đưa vào khai thác.

Tuy nhiên, khái niệm “không gian dữ liệu cộng đồng” theo đúng tinh thần của Quyết định số 991/QĐ-TTg – nơi người dân, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu có thể tham gia đóng góp, chia sẻ và khai thác dữ liệu mở – vẫn chưa được hình thành rõ nét. Phần lớn dữ liệu hiện nay vẫn mang tính “số hóa một chiều”, do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện và cung cấp, chưa tạo được cơ chế tương tác hai chiều và chưa khuyến khích sự tham gia rộng rãi của cộng đồng.

*c. Nghiên cứu thành lập Trung tâm dữ liệu tác phẩm văn hóa, nghệ thuật và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam*

Nhiệm vụ nghiên cứu thành lập Trung tâm dữ liệu tác phẩm văn hóa, nghệ thuật và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam đến nay vẫn chủ yếu dừng ở mức định hướng chiến lược và đề xuất trong các văn bản quy hoạch, kế hoạch. Chưa hình thành được một trung tâm dữ liệu quốc gia thống nhất, cả về mặt thiết chế vật lý lẫn nền tảng số, đóng vai trò là “đầu mối” tích hợp toàn bộ dữ liệu văn hóa từ các bảo tàng, thư viện, cơ sở biểu diễn, cơ sở lưu trữ trên phạm vi cả nước.

Việc thiếu một cơ quan hoặc trung tâm đóng vai trò điều phối, định hướng kỹ thuật và ban hành tiêu chuẩn dữ liệu thống nhất đang là thách thức lớn, làm gia tăng nguy cơ các dự án số hóa quy mô lớn của địa phương trở thành các “ốc đảo dữ liệu”, khó tích hợp và khai thác hiệu quả trong tương lai.

*d. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa*

Một số địa phương đã bước đầu ứng dụng công nghệ bản đồ số, hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các giải pháp du lịch thông minh gắn với quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Huế là địa phương đi đầu trong việc thí điểm số hóa tư liệu di sản, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và quảng bá quần thể di tích Cố đô Huế. Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai các mô hình bảo tàng thông minh, ứng dụng công nghệ tương tác ảo, góp phần đổi mới phương thức trưng bày và tiếp cận công chúng.

Tuy vậy, việc ứng dụng GIS và các công nghệ số tiên tiến trong quản lý di sản vẫn chưa được triển khai rộng khắp, chủ yếu tập trung ở các địa phương có điều kiện kinh tế – kỹ thuật thuận lợi.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa hiện nay đang ở giai đoạn phát triển nhanh về số lượng dự án và sáng kiến, nhưng còn thiếu khung chuẩn thống nhất và cơ chế điều phối tổng thể. Về xu hướng phát triển, đã có sự chuyển dịch rõ rệt từ đầu tư “phần cứng” sang đầu tư “phần mềm”, coi số hóa dữ liệu là công cụ quan trọng để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa. Thực tiễn tại các địa phương như Hưng Yên, Lào Cai, Hải Phòng cho thấy hiệu quả rõ rệt của đầu tư số hóa trong quảng bá di sản và mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng. Về hạ tầng và nguồn lực, nhiều thiết chế văn hóa cơ sở, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, chưa đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, lưu trữ, bảo mật và khai thác dữ liệu số. Chi phí duy trì, vận hành hệ thống công nghệ thông tin sau đầu tư ban đầu đang tạo áp lực lớn đối với ngân sách địa phương, trong khi đội ngũ nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin trong lĩnh vực văn hóa còn thiếu và yếu. Về mức độ đồng đều, tồn tại khoảng cách lớn giữa các địa phương. Một số trung tâm lớn đã tiếp cận công nghệ 3D, thực tế ảo (VR/AR), bảo tàng số, trong khi nhiều địa phương khác mới dừng lại ở mức số hóa tài liệu bằng phương pháp quét (scan), chưa tạo ra giá trị gia tăng trong khai thác và sử dụng dữ liệu.

Tóm lại, so với mục tiêu của Quyết định số 991/QĐ-TTg, việc hình thành hệ thống quản lý dữ liệu văn hóa đồng bộ, hiện đại trên phạm vi cả nước mới đạt được bước khởi đầu với các dự án số hóa cục bộ. Để thực hiện đầy đủ mục tiêu quy hoạch, cần sớm nghiên cứu, ban hành Bộ tiêu chuẩn dữ liệu văn hóa quốc gia; đồng thời xem xét thành lập Trung tâm dữ liệu văn hóa quốc gia đóng vai trò điều phối, tích hợp và kết nối các cơ sở dữ liệu hiện có, từng bước hình thành một hệ sinh thái dữ liệu văn hóa thống nhất, bền vững và có khả năng khai thác lâu dài.

## **2. Mạng lưới cơ sở thể thao**

### ***2.1. Mạng lưới cơ sở trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao***

*a. Xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống 04 Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ)*

Hệ thống 04 Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia tiếp tục được xác định

là trụ cột trong công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao của cả nước. Tuy nhiên, mức độ đầu tư và hiện đại hóa giữa các trung tâm còn chưa đồng đều.

Tại Hà Nội, Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội vẫn giữ vai trò nòng cốt trong huấn luyện nhiều đội tuyển quốc gia. Tuy nhiên, một số hạng mục công trình đã được xây dựng từ lâu như trường bắn, khu A và một số khu chức năng phụ trợ hiện không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu huấn luyện hiện đại, cần được cải tạo, nâng cấp đồng bộ.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia đang trong quá trình cải tạo, sửa chữa. Mặc dù đã được quan tâm đầu tư, song cơ sở vật chất kỹ thuật nhìn chung chưa thực sự hiện đại, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo vận động viên thành tích cao trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh thể thao quốc tế ngày càng gay gắt.

Tại Đà Nẵng và Cần Thơ, các trung tâm đã được đưa vào quy hoạch nâng cấp, cải tạo. Riêng tại Cần Thơ, Khu liên hợp thể dục thể thao với diện tích khoảng 17,3 ha đã được hình thành, bước đầu đáp ứng nhu cầu tập luyện. Tuy nhiên, sân vận động trung tâm được xây dựng từ năm 1983 cùng nhiều công trình phụ trợ hiện đã xuống cấp, hạn chế khả năng tổ chức huấn luyện và thi đấu các môn thể thao thành tích cao.

*b. Nghiên cứu, đầu tư xây dựng các trung tâm huấn luyện quốc gia trọng điểm tại Sa Pa (Lào Cai), Đà Lạt (Lâm Đồng) và Tam Đảo (Vĩnh Phúc)*

Theo định hướng của Quyết định số 991/QĐ-TTg, các trung tâm huấn luyện tại khu vực có điều kiện khí hậu, độ cao đặc thù được xác định là dự án mang tính chiến lược nhằm nâng cao thể lực, sức bền và thành tích thi đấu của vận động viên quốc gia.

Đối với Trung tâm huấn luyện tại Sa Pa (Lào Cai), địa phương đã quy hoạch khoảng 15 ha đất tại phường Sa Pa để triển khai dự án. Đây là công trình huấn luyện cấp quốc gia, phục vụ tập huấn độ cao cho các đội tuyển trọng điểm. Tuy nhiên, đến nay dự án vẫn chưa được triển khai đầu tư xây dựng trên thực tế, chưa phát huy được vai trò theo mục tiêu quy hoạch.

Các trung tâm tại Đà Lạt (Lâm Đồng) và Tam Đảo (Vĩnh Phúc) hiện vẫn nằm trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư nhưng tiến độ triển khai còn chậm, chủ yếu mới dừng ở bước nghiên cứu, đề xuất, chưa hình thành các công trình huấn

luyện cụ thể.

*c. Tổ chức phân bố mạng lưới các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia và trung tâm vệ tinh tại các khu vực*

Bên cạnh hệ thống trung tâm huấn luyện quốc gia, mạng lưới các trung tâm huấn luyện và đào tạo vệ tinh tại các bộ, ngành và địa phương từng bước được củng cố.

Lực lượng Công an nhân dân triển khai rất tích cực nhiệm vụ này. Dự án Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Công an nhân dân tại Long Thành (Đồng Nai) giai đoạn 1 với quy mô khoảng 31 ha đang được triển khai, dự kiến hoàn thành năm 2026. Đồng thời, Bộ Công an đang chuẩn bị đầu tư Trung tâm huấn luyện tại miền Trung (Huế) và cải tạo Trung tâm tại miền Bắc (Hà Nội).

Lực lượng Quân đội nhân dân đã hình thành mạng lưới gồm 01 Trung tâm thể dục thể thao cấp Bộ, 04 Trung tâm thể dục thể thao quốc phòng và 05 Trung tâm trực thuộc, cơ bản hoàn thành quy hoạch sân bãi, thao trường huấn luyện, đáp ứng yêu cầu huấn luyện thể thao trong lực lượng vũ trang.

Tại các địa phương, mạng lưới trung tâm đào tạo, huấn luyện vệ tinh bước đầu được quan tâm đầu tư. Đồng Nai duy trì Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao với quy mô trên 800 vận động viên. Thành phố Hồ Chí Minh đang lập dự án nâng cấp Trung tâm Thể dục thể thao Hoa Lư theo hướng hình thành “Trung tâm Đào tạo vận động viên năng khiếu thể thao Thành phố” theo mô hình tập trung, hiện đại.

*d. Đầu tư các trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao đạt tiêu chuẩn công trình cấp I, II, III*

Thực tiễn cho thấy, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, huấn luyện vận động viên tại nhiều địa phương còn thiếu và lạc hậu, chưa đạt chuẩn theo quy định chuyên ngành.

Một số địa phương như Khánh Hòa còn nhiều hạng mục sân bãi xuống cấp, thiếu trang thiết bị huấn luyện chuyên dụng. Quảng Trị do hạn chế về cơ sở vật chất nên phần lớn các đội tuyển thể thao thành tích cao phải đi tập huấn tại các tỉnh, thành phố khác, làm gia tăng chi phí và giảm tính chủ động trong công tác huấn luyện.

Bên cạnh đó, việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã trong thời gian

qua cũng tác động trực tiếp đến mạng lưới cơ sở thể thao. Một số địa phương xuất hiện tình trạng cơ sở vật chất phân tán, manh mún; có nơi dư thừa cục bộ các sân bãi nhỏ lẻ, trong khi lại thiếu các trung tâm huấn luyện tập trung, hiện đại tại các trung tâm hành chính mới, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác và sử dụng lâu dài.

Nhìn chung, mạng lưới trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao đang trong quá trình tái cấu trúc và định hình lại, song tiến độ đầu tư và mức độ hiện đại hóa chưa tương xứng với mục tiêu quy hoạch. Sự chủ động, đầu tư bài bản của lực lượng vũ trang (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng) và một số địa phương có điều kiện kinh tế như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai trong việc hình thành và nâng cấp các cơ sở huấn luyện quy mô lớn, từng bước tiệm cận tiêu chuẩn hiện đại. Điểm nghẽn lớn nằm ở các dự án huấn luyện trọng điểm cấp quốc gia mang tính đột phá về chuyên môn, đặc biệt là các trung tâm tập huấn độ cao tại Sa Pa, Đà Lạt và Tam Đảo, hiện vẫn triển khai rất chậm, chưa phát huy được vai trò chiến lược theo Quyết định số 991/QĐ-TTg. Thách thức chung là phần lớn các trung tâm huấn luyện tại địa phương vẫn trong tình trạng “vừa thiếu, vừa yếu”; cơ sở vật chất, trang thiết bị lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu huấn luyện thể thao thành tích cao theo chuẩn hiện đại, dẫn đến sự chênh lệch rõ rệt về thành tích thể thao giữa các vùng, miền.

Tóm lại, so với mục tiêu đặt ra tại Quyết định số 991/QĐ-TTg, việc phát triển mạng lưới trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao đang chậm tiến độ ở các dự án quy mô quốc gia và gặp nhiều khó khăn về nguồn lực đầu tư chuẩn hóa ở cấp địa phương. Điều này đòi hỏi trong giai đoạn điều chỉnh quy hoạch tới đây cần có giải pháp ưu tiên, tập trung nguồn lực cho các trung tâm trọng điểm, đồng thời hoàn thiện cơ chế huy động xã hội hóa và sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở hiện có.

## ***2.2. Mạng lưới cơ sở trung tâm hoạt động thể thao***

*a. Đầu tư, phát triển mạng lưới các khu liên hợp thể thao quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng hiện đại, đồng bộ*

Tại Hà Nội, Khu Liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình tiếp tục giữ vai trò là thiết chế thể thao tổng hợp quan trọng nhất của cả nước, phục vụ tổ chức các sự kiện thể thao, văn hóa lớn cấp quốc gia và quốc tế. Tuy nhiên, qua thời gian dài khai thác, nhiều hạng mục công trình đã bộc lộ rõ tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Cụ thể, khán đài C và D của Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình xuất hiện

hiện tượng lún, sụt; Cung thể thao dưới nước và một số hạng mục phụ trợ cần được cải tạo, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hiện hành. Mặc dù Quyết định số 991/QĐ-TTg đặt mục tiêu hiện đại hóa đồng bộ khu liên hợp, song công tác duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp còn gặp nhiều khó khăn do hạn chế về nguồn lực tài chính và cơ chế quản lý, khai thác.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Khu Liên hợp thể thao quốc gia Rạch Chiếc được xác định là dự án trọng điểm, có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển thể thao thành tích cao của quốc gia. Theo quy hoạch, khu liên hợp có quy mô khoảng 186,78 ha tại Thành phố Thủ Đức, được định hướng trở thành khu thể thao hiện đại bậc nhất cả nước, đủ điều kiện đăng cai các đại hội thể thao khu vực và châu lục như SEA Games, ASIAD. Tuy nhiên, trên thực tế, dự án chậm triển khai trong thời gian dài, chưa được khởi công xây dựng các hạng mục trọng yếu. Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có công trình thể thao đạt chuẩn Olympic quốc tế, dẫn đến hạn chế nghiêm trọng trong khả năng đăng cai độc lập các sự kiện thể thao lớn. Diện tích đất thể thao bình quân đầu người của thành phố chỉ đạt khoảng 0,64 m<sup>2</sup>/người, thấp hơn nhiều so với mức chuẩn khoảng 2 m<sup>2</sup>/người theo định hướng quy hoạch.

Tại Đà Nẵng, Khu Liên hợp thể thao Hòa Xuân là điểm sáng trong việc thực hiện Quyết định số 991/QĐ-TTg. Các hạng mục chính của khu liên hợp đã cơ bản được hoàn thành; Sân vận động Hòa Xuân với quy mô khoảng 20.000 chỗ ngồi đang tiếp tục được đầu tư nâng cấp, từng bước trở thành trung tâm thể thao trọng điểm của khu vực miền Trung, đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu cấp quốc gia và khu vực.

*b. Hoàn thiện đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực đối với Khu Liên hợp thể thao Cần Thơ*

Thành phố Cần Thơ đã hình thành Khu liên hợp thể dục thể thao với quy mô khoảng 17,3 ha, bao gồm sân vận động, nhà thi đấu đa năng, cụm sân quần vợt và một số hạng mục phụ trợ. Đây là cơ sở quan trọng phục vụ hoạt động thể thao của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, sân vận động trung tâm được xây dựng từ năm 1983 hiện đã xuống cấp ở nhiều hạng mục như khán đài, đường chạy; đồng thời địa phương chưa có hồ bơi đạt chuẩn quốc gia hoặc quốc tế. Những hạn chế này làm giảm khả năng tổ chức các giải đấu thể thao đỉnh cao và các sự kiện thể thao quy mô vùng, quốc gia tại Cần Thơ.

### *c. Phát triển mạng lưới cơ sở thể thao tại các địa phương và trong lực lượng vũ trang*

Trong lực lượng vũ trang, công tác đầu tư phát triển các trung tâm hoạt động thể thao được triển khai tương đối bài bản và có trọng tâm. Bộ Công an đang đầu tư xây dựng Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Công an nhân dân tại Long Thành (Đồng Nai) với quy mô khoảng 31 ha. Bộ Quốc phòng đã hình thành hệ thống gồm 01 Trung tâm thể dục thể thao cấp Bộ, 04 Trung tâm thể dục thể thao quốc phòng và 05 Trung tâm trực thuộc, cơ bản đáp ứng yêu cầu huấn luyện, thi đấu và phong trào thể thao trong lực lượng.

Đối với các địa phương, mức độ phát triển mạng lưới trung tâm hoạt động thể thao có sự chênh lệch rõ rệt. Một số địa phương có điều kiện kinh tế phát triển đã quan tâm đầu tư hệ thống công trình thể thao tương đối đồng bộ, như Quảng Ninh (2.883 công trình thể thao), Đồng Nai (có 05 thiết chế đạt chuẩn quốc gia), Bắc Ninh (có Trường Đại học Thể dục Thể thao). Ngược lại, nhiều địa phương khác như Khánh Hòa, Quảng Trị báo cáo tình trạng sân vận động tỉnh đã xuống cấp nghiêm trọng, thiếu kinh phí sửa chữa, nâng cấp. Đặc biệt, trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính, việc tích hợp, xử lý các sân vận động và nhà thi đấu cấp huyện cũ đang đặt ra nhiều khó khăn, dẫn đến tình trạng dư thừa cục bộ các công trình nhỏ lẻ nhưng lại thiếu các trung tâm thể thao quy mô lớn, hiện đại tại các trung tâm hành chính mới.

### *d. Xã hội hóa và phát triển kinh tế thể thao*

Hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực thể thao diễn ra sôi động, chủ yếu tập trung vào các loại hình thể thao quần chúng, thể thao giải trí quy mô nhỏ như sân bóng đá mini, phòng tập gym, yoga, pickleball và hồ bơi nhỏ. Khu vực tư nhân tham gia mạnh mẽ vào phân khúc này, góp phần đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể chất của người dân. Ví dụ, tỉnh Đồng Nai hiện có 610 sân bóng đá và 204 hồ bơi tư nhân.

Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho các công trình thể thao thành tích cao quy mô lớn như sân vận động, nhà thi đấu đa năng gặp nhiều khó khăn do tổng mức đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài và hiệu quả tài chính thấp. Dự án Nhà thi đấu Phan Đình Phùng (Thành phố Hồ Chí Minh) triển khai theo hình thức BT bị đình trệ trong thời gian dài là một ví dụ điển hình cho những vướng mắc về cơ chế đầu tư.

Nhìn chung, mạng lưới trung tâm hoạt động thể thao của Việt Nam đang bộc lộ rõ những bất cập về cơ cấu và chất lượng đầu tư. Ở cấp quốc gia, hệ thống các khu liên hợp thể thao trọng điểm chưa đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa theo quy hoạch. Khu Liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình đang xuống cấp, trong khi Khu Liên hợp thể thao quốc gia Rạch Chiếc (Thành phố Hồ Chí Minh) chậm triển khai, làm hạn chế nghiêm trọng năng lực tổ chức các sự kiện thể thao lớn tầm châu lục và quốc tế. Ở cấp địa phương, phần lớn sân vận động và nhà thi đấu được xây dựng từ nhiều thập kỷ trước, công năng lạc hậu, thiếu các hạng mục phụ trợ hiện đại, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp. Ở cấp cơ sở, phong trào xã hội hóa phát triển mạnh nhưng còn mang tính tự phát, manh mún, thiếu quy hoạch quỹ đất bài bản, đặc biệt tại các đô thị lớn và khu vực đô thị hóa nhanh.

### ***2.3. Mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao***

*a. Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao quốc gia.*

Triển khai thực hiện Quyết định số 991/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến nay mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao nòng cốt cấp quốc gia cơ bản đã được hình thành và duy trì ổn định. Hệ thống này gồm 03 trường đại học chuyên ngành lớn trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được tổ chức theo mô hình phân bố vùng, bảo đảm vai trò trung tâm đào tạo nguồn nhân lực thể dục, thể thao trình độ cao cho cả nước.

Cụ thể, Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh là cơ sở đào tạo đầu ngành tại khu vực phía Bắc, với quy mô khoảng 219 cán bộ, giảng viên và viên chức. Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng đảm nhiệm đào tạo cho khu vực miền Trung, hiện có 141 cán bộ, giảng viên và viên chức. Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm đào tạo chủ lực tại khu vực phía Nam, với đội ngũ 142 cán bộ, giảng viên và viên chức.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao quốc gia theo mục tiêu của Quyết định số 991/QĐ-TTg vẫn còn nhiều hạn chế. Cơ sở vật chất kỹ thuật tại các trường đại học thể dục thể thao trọng điểm quốc gia hiện nay đã và đang xuống cấp, nhiều hạng mục công trình, trang thiết bị tập luyện, huấn luyện và hồi phục thể lực còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt trong đào tạo và

huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt.

*b. Hệ thống nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong thể dục, thể thao*

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học thể dục, thể thao, Viện Khoa học Thể dục Thể thao hiện là đơn vị nghiên cứu chủ lực của ngành, thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện, thi đấu thể thao và xây dựng chính sách.

Tuy nhiên, mức độ ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học, y học thể thao hiện đại, vào công tác tuyển chọn, đào tạo và nâng cao thành tích vận động viên còn hạn chế, chưa tạo được bước đột phá về chất lượng huấn luyện. Dự án xây dựng Trung tâm nghiên cứu thí nghiệm Thể dục, Thể thao trực thuộc Viện Khoa học Thể dục Thể thao hiện vẫn đang trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư, chưa được triển khai đồng bộ, ảnh hưởng đến năng lực nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ của toàn ngành.

Từ năm 2025, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chính thức xoá bỏ Viện Khoa học Thể dục Thể thao, thành lập Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam có chức năng nghiên cứu, đào tạo về khoa học thể dục thể thao. Việc sáp nhập này cũng ảnh hưởng nhất định đến việc triển khai các hạng mục dự án theo Quy hoạch đề ra.

*c. Hệ thống cơ sở dữ liệu thể dục, thể thao quốc gia*

Việc xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu thể dục, thể thao quốc gia đến nay chưa được hoàn thiện, dẫn đến tình trạng thiếu dữ liệu thống nhất, đồng bộ và cập nhật trên phạm vi toàn quốc. Khoảng trống này đã gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước, theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động thể dục thể thao, cũng như việc dự báo và hoạch định chính sách phát triển ngành trong trung và dài hạn. Do đó, nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên triển khai trong giai đoạn tới.

*d. Hệ thống cơ sở đào tạo năng khiếu thể thao tại địa phương*

Hệ thống các cơ sở đào tạo năng khiếu thể thao tại địa phương, bao gồm các trường phổ thông năng khiếu thể thao và các trung tâm huấn luyện, đào tạo thể thao cấp tỉnh, thành phố, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc phát hiện,

bồi dưỡng và tạo nguồn vận động viên cho các tuyến đào tạo tiếp theo.

Một số địa phương đã chủ động đầu tư và duy trì mô hình đào tạo tương đối hiệu quả. Tỉnh Đồng Nai tiếp tục duy trì hoạt động ổn định của Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao. Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai lập dự án nâng cấp Trung tâm Thể dục Thể thao Hoa Lư thành Trung tâm Đào tạo Vận động viên Năng khiếu Thể thao Thành phố theo mô hình hiện đại “3 tập trung” (tập luyện – ăn ở – học tập). Tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức lại Trung tâm Huấn luyện kỹ thuật thể thao thành Trung tâm Huấn luyện và Đào tạo thể thao tỉnh; tuy nhiên, cơ sở vật chất của đơn vị hiện nay đã xuống cấp, lạc hậu, đặc biệt là cơ sở 2 tiếp nhận từ tỉnh Ninh Thuận cũ, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo trong giai đoạn mới.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao của Việt Nam đã được hình thành tương đối đầy đủ về mặt tổ chức, có tính ổn định cao và giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao trình độ cao cho cả nước. Việc duy trì ba cơ sở đào tạo đại học chuyên ngành trọng điểm quốc gia phân bố theo vùng đã tạo được khung cấu trúc hợp lý, bảo đảm tính liên thông trong đào tạo, huấn luyện và phát triển thể thao thành tích cao. Về nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nghiên cứu viên tại các cơ sở đầu ngành có trình độ chuyên môn tương đối cao, với tỷ lệ thạc sĩ, tiến sĩ lớn, cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và huấn luyện trong giai đoạn hiện nay. Đây là nền tảng quan trọng để triển khai các nhiệm vụ đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học thể dục thể thao trong thời gian tới. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao hiện nay đang bộc lộ rõ sự mất cân đối giữa nền tảng tổ chức – nhân lực với mức độ hiện đại hóa về cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ. Hạ tầng kỹ thuật tại các cơ sở trọng điểm quốc gia đã và đang bị lão hóa; thiếu các trang thiết bị chuyên sâu phục vụ huấn luyện, hồi phục và nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh thể thao. Đặc biệt, việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực thể dục, thể thao còn là khâu yếu nhất. Chưa hình thành được hệ thống cơ sở dữ liệu thể dục, thể thao quốc gia đồng bộ; việc ứng dụng các công nghệ hiện đại trong tuyển chọn, đào tạo, đánh giá và quản lý vận động viên chưa phổ biến, dẫn đến hạn chế trong công tác quản lý, hoạch định chính sách và nâng cao thành tích thể thao, nhất là tại các đấu trường lớn như Olympic.

Tóm lại, mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao của Việt

Nam hiện nay có khung tổ chức và nguồn nhân lực tương đối ổn định, song mức độ hiện đại hóa về hạ tầng và công nghệ còn thấp. Đây là điểm nghẽn then chốt cần được ưu tiên tháo gỡ trong giai đoạn tới nhằm thực hiện hiệu quả Quyết định số 991/QĐ-TTg, tạo nền tảng cho phát triển thể dục, thể thao bền vững và từng bước nâng cao vị thế thể thao Việt Nam trên trường quốc tế.

#### ***2.4. Mạng lưới cơ sở dịch vụ thể thao và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên***

*a. Đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ thể thao và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên theo hướng mô hình cơ sở y tế chuyên ngành, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao.*

Triển khai Quyết định số 991/QĐ-TTg, đến nay mạng lưới cơ sở y học thể thao chuyên ngành bước đầu đã được xác lập với sự hình thành của các đơn vị đầu ngành đóng vai trò hạt nhân ở cấp quốc gia.

Cụ thể, Bệnh viện Thể thao Việt Nam hiện đang hoạt động với quy mô khoảng 97 nhân sự, là cơ sở y tế duy nhất chuyên sâu về y học thể thao ở cấp quốc gia, thực hiện nhiệm vụ khám, chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng cho vận động viên đội tuyển quốc gia, vận động viên thành tích cao và từng bước phục vụ nhu cầu của Nhân dân. Bên cạnh đó, Trung tâm Doping và Y học Thể thao với 20 nhân sự đang đảm nhiệm vai trò nòng cốt trong công tác kiểm soát doping, tư vấn y học, bảo đảm tuân thủ các quy định quốc tế về phòng, chống doping trong thể thao.

Giai đoạn 2021-2030, Bệnh viện thể thao Việt Nam đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đầu tư nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất. Nhờ đó, bệnh viện đã bước đầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, điều trị, phục hồi chấn thương cho các vận động viên, huấn luyện viên, người làm công tác thể thao và nhân dân.

Tuy nhiên, mặc dù được đầu tư theo đúng mục tiêu quy hoạch tại Quyết định số 991/QĐ-TTg đặt ra nhưng mục tiêu phát triển theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, song trên thực tế, hệ thống trang thiết bị kỹ thuật và mức độ ứng dụng công nghệ trong khám bệnh, chữa trị chấn thương và phục hồi chức năng tại các cơ sở y học thể thao chuyên ngành hiện nay vẫn còn hạn chế, chưa theo kịp trình độ quốc tế, đặc biệt đối với yêu cầu ngày càng cao của thể thao thành tích cao trong giai đoạn mới.

*b. Đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Thể thao Việt Nam trở thành trung tâm khám bệnh, chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng cho vận động viên đạt trình độ*

### *khu vực và quốc tế.*

Theo Quyết định số 991/QĐ-TTg, nhiệm vụ nghiên cứu, đầu tư xây dựng Bệnh viện Thể thao khu vực phía Nam được xác định là một nội dung trọng tâm nhằm hoàn thiện mạng lưới cơ sở y tế thể thao theo hướng phân bố hợp lý theo vùng, miền và giảm tải cho các cơ sở trung ương.

Tuy nhiên, đến nay, nội dung này vẫn đang dừng ở giai đoạn “nghiên cứu, đầu tư xây dựng” và chưa hình thành cơ sở vật chất cụ thể. Khu vực phía Nam – nơi có phong trào thể thao phát triển mạnh, số lượng vận động viên lớn và nhiều trung tâm huấn luyện trọng điểm – hiện vẫn chưa có bệnh viện thể thao chuyên ngành tương xứng. Đây được xác định là một khoảng trống lớn trong quy hoạch mạng lưới cơ sở y học thể thao, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương và phục hồi chức năng cho vận động viên khu vực này.

### *c. Tích hợp y học thể thao trong quy hoạch phát triển thể thao tại địa phương và xã hội hóa dịch vụ*

Trong thời gian qua, nhận thức về vai trò của y học thể thao trong đào tạo, huấn luyện và nâng cao thành tích thể thao đã từng bước được nâng lên, đặc biệt tại các đô thị lớn và địa phương có phong trào thể thao phát triển.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong dự án Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố (tại khu Trường đua Phú Thọ), Thành phố đã quy hoạch các khu chức năng phục vụ rèn luyện thể lực, chăm sóc sức khỏe, hướng tới mô hình đào tạo vận động viên khép kín, gắn kết giữa huấn luyện – y học thể thao – phục hồi chức năng. Thành phố Hải Phòng cũng đã định hướng phát triển Trung tâm Y học Thể thao trong giai đoạn 2031–2045, cho thấy xu hướng tích hợp y học thể thao vào quy hoạch phát triển thể thao địa phương.

Bên cạnh đó, một số địa phương đã bước đầu triển khai chủ trương xã hội hóa dịch vụ y học thể thao. Tỉnh Đồng Nai đang xây dựng kế hoạch kêu gọi doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho vận động viên nhằm từng bước giảm tải cho ngân sách nhà nước và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư.

Qua đánh giá cho thấy, mạng lưới cơ sở dịch vụ thể thao và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên hiện nay đang bộc lộ rõ tình trạng “đầu nặng, chân nhẹ”, đồng thời tồn tại sự mất cân đối nghiêm trọng về phân bố vùng, miền. Trước hết, sự mất cân đối về địa lý thể hiện rõ ở việc các cơ sở y học thể

thao chuyên sâu hiện nay chủ yếu tập trung tại khu vực Hà Nội, với Bệnh viện Thể thao Việt Nam là trung tâm duy nhất ở cấp quốc gia. Tại nhiều địa phương, bao gồm cả Thành phố Hồ Chí Minh, công tác chữa trị chấn thương thể thao vẫn chủ yếu dựa vào các bệnh viện đa khoa hoặc cơ sở chấn thương chỉnh hình thông thường, thiếu các khoa, đơn vị chuyên sâu về y học thể thao đỉnh cao. Thứ hai, năng lực cơ sở vật chất và trang thiết bị y học thể thao tại địa phương còn yếu và thiếu. Nhiều trung tâm huấn luyện thể thao tại các địa phương như Khánh Hòa, Quảng Trị phản ánh tình trạng thiếu trang thiết bị chuyên dụng hiện đại phục vụ chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho vận động viên sau chấn thương, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hồi phục, phong độ thi đấu và tuổi nghề của vận động viên. Thứ ba, mức độ ứng dụng khoa học công nghệ trong y học thể thao còn thấp, chưa tạo được đột phá. Các công nghệ tiên tiến như phân tích sinh trắc học, công nghệ gen trong tuyển chọn vận động viên, các phương pháp hồi phục bằng công nghệ cao hiện mới chỉ được áp dụng ở mức độ rất hạn chế, chưa trở thành công cụ phổ biến trong hệ thống chăm sóc sức khỏe thể thao.

Tóm lại, so với mục tiêu và yêu cầu đặt ra tại Quyết định số 991/QĐ-TTg, nhiệm vụ cấp bách nhất trong giai đoạn tới là khẩn trương khởi động và triển khai dự án Bệnh viện Thể thao khu vực phía Nam nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối vùng, miền và giảm tải cho các cơ sở y học thể thao trung ương. Đồng thời, cần ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư, đặc biệt là ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội hóa, để nâng cấp trang thiết bị, công nghệ cao cho Trung tâm Doping và Y học Thể thao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thể thao thành tích cao và các chuẩn mực quốc tế.

## ***2.5. Mạng lưới trụ sở cơ quan văn hóa, thể thao***

### ***a. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, hiện đại***

Quyết định số 991/QĐ-TTg xác định mục tiêu quy hoạch tập trung đầu tư trụ sở các cơ quan văn hóa, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và nhu cầu thực tiễn của ngành trong từng giai đoạn phát triển.

Thực tế triển khai cho thấy, mạng lưới trụ sở cơ quan văn hóa, thể thao ở các cấp đã từng bước được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp; tuy nhiên, điều kiện cơ sở vật chất và môi trường làm việc tại nhiều đơn vị còn hạn chế, thể hiện rõ sự chênh lệch giữa Trung ương và địa phương, cũng như giữa các địa phương với nhau, đặc biệt sau khi thực hiện tái cơ cấu bộ máy và sáp nhập đơn vị hành chính

các cấp.

Ở cấp Trung ương, hệ thống trụ sở các cơ quan quản lý ngành cơ bản đã được bố trí, song phần lớn được xây dựng từ nhiều năm trước, hiện đã xuống cấp, không còn phù hợp với yêu cầu tổ chức bộ máy, ứng dụng công nghệ và phương thức quản lý hiện đại. Quyết định số 991/QĐ-TTg đã xác định rõ nhu cầu cấp thiết phải cải tạo, nâng cấp một số trụ sở trọng yếu, tiêu biểu là trụ sở Cục Thể dục thể thao tại số 36 Trần Phú, Hà Nội, nhằm bảo đảm điều kiện làm việc và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong bối cảnh mới. Công trình này đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai đầu tư.

Ở cấp Bộ, ngành, một số đơn vị đã có sự đầu tư tương đối bài bản, đặc biệt trong khối lực lượng vũ trang. Bộ Công an đang triển khai xây dựng trụ sở làm việc mới cho Nhà hát Ca múa nhạc Công an nhân dân và Nhà hát Kịch Công an nhân dân tại Hà Nội (dự kiến hoàn thành năm 2026), thể hiện sự quan tâm đầu tư có chiều sâu cho các thiết chế văn hóa nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân.

Ở cấp địa phương, tình trạng đầu tư trụ sở cơ quan văn hóa, thể thao thể hiện sự không đồng đều rõ rệt. Một số địa phương như An Giang đã bố trí trụ sở làm việc tương đối ổn định cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị trực thuộc. Tuy nhiên, nhiều địa phương khác phản ánh tình trạng trụ sở làm việc đã xuống cấp nghiêm trọng, diện tích chật hẹp, trang thiết bị lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu hoạt động. Điển hình, tỉnh Ninh Bình báo cáo trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao, Trung tâm Văn hóa và Nhà hát Nghệ thuật truyền thống đã xuống cấp, hệ thống âm thanh, ánh sáng lạc hậu. Tại Hải Phòng, nhiều rạp hát, cung văn hóa – nơi đặt trụ sở hoạt động của các đơn vị – cũng đang trong tình trạng tương tự.

Bên cạnh đó, việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong thời gian qua đã tác động trực tiếp đến công tác bố trí trụ sở làm việc, phát sinh tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu”: thừa các trụ sở nhỏ lẻ, manh mún trước đây nhưng thiếu các trụ sở có quy mô và công năng phù hợp cho đơn vị hành chính mới mở rộng, như thực tế ghi nhận tại An Giang, Cà Mau.

#### *b. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động*

Quyết định số 991/QĐ-TTg nhấn mạnh yêu cầu chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và vận hành của các cơ quan văn hóa, thể thao.

Tuy nhiên, trên thực tế, đây vẫn là một trong những điểm nghẽn lớn. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại nhiều trụ sở cơ quan văn hóa, thể thao, đặc biệt ở cấp địa phương, còn thiếu và chưa đồng bộ; hệ thống mạng, thiết bị máy chủ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được đầu tư đầy đủ. Việc thiếu hạ tầng số và nền tảng dùng chung đã ảnh hưởng đến công tác quản lý dữ liệu, kết nối liên thông giữa các cấp, cũng như khả năng triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các hoạt động quản trị hiện đại của ngành.

*c. Xác định các dự án lớn, trọng điểm tạo động lực phát triển mạng lưới*

Căn cứ Phụ lục kèm theo Quyết định số 991/QĐ-TTg, một số dự án trụ sở trọng điểm được xác định ưu tiên đầu tư nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển mạng lưới cơ quan văn hóa, thể thao, bao gồm:

- Dự án nâng cấp, xây dựng trụ sở các cơ quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện trong giai đoạn 2021–2030.

- Dự án xây dựng Trung tâm điều hành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đóng vai trò là trung tâm quản lý, điều phối, điều hành hoạt động toàn ngành, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện trong giai đoạn 2021–2030.

- Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của Cục Thể dục thể thao tại số 36 Trần Phú, Hà Nội, sử dụng vốn ngân sách nhà nước, thực hiện trong giai đoạn 2021–2030.

- Dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất cho các đơn vị sự nghiệp, Ủy ban Olympic và các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia, với định hướng huy động nguồn vốn xã hội hóa.

*d. Tuân thủ trình tự, thủ tục pháp luật về đầu tư, xây dựng và đất đai*

Quyết định số 991/QĐ-TTg yêu cầu việc đầu tư xây dựng, cải tạo trụ sở các cơ quan văn hóa, thể thao phải tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng và đất đai.

Trong quá trình triển khai, công tác này đang gặp một số khó khăn, vướng mắc. Về đất đai, tại nhiều đô thị, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, quỹ đất dành cho xây dựng trụ sở các thiết chế văn hóa, thể thao ngày càng hạn hẹp. Một số địa phương như Quảng Trị gặp khó khăn trong quy hoạch quỹ đất do diện tích sử dụng manh mún, phân tán.

Về nguồn vốn, khả năng cân đối vốn đầu tư công còn hạn chế, trong khi việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho xây dựng trụ sở cơ quan quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn. Do đó, Quy hoạch đã định hướng rõ: trụ sở các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước; trụ sở của các Hội, Liên đoàn, Hiệp hội thể thao khuyến khích huy động nguồn vốn xã hội hóa.

Nhìn chung, việc đầu tư trụ sở cơ quan văn hóa, thể thao theo Quyết định số 991/QĐ-TTg đã góp phần từng bước chuẩn hóa hệ thống trụ sở làm việc của ngành, tạo tiền đề cho việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên, hiện trạng cơ sở vật chất tại nhiều địa phương còn xuống cấp, thiếu đồng bộ; hạ tầng công nghệ thông tin và chuyên đội số chưa theo kịp yêu cầu phát triển đang là những rào cản lớn. Đây là những vấn đề cần được ưu tiên giải quyết trong giai đoạn 2026–2030, nhằm bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và phát triển bền vững ngành văn hóa, thể thao.

### **3. Đánh giá chung hiện trạng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao**

#### ***3.1. Về phân bố không gian (chênh lệch vùng, miền; đô thị – nông thôn)***

Phân tích tổng hợp cho thấy, mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao đã được hình thành trên phạm vi cả nước theo hệ thống từ Trung ương đến địa phương, góp phần từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, thể thao của nhân dân. Tuy nhiên, việc phân bố không gian của các thiết chế còn thiếu tính cân đối, chưa gắn chặt với đặc điểm lãnh thổ, điều kiện kinh tế – xã hội và nhu cầu thực tế của từng vùng, từng địa phương, làm hạn chế hiệu quả đầu tư và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân.

Trước hết, xu hướng tập trung các thiết chế quy mô lớn tại một số đô thị trung tâm phản ánh rõ vai trò đầu mối của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trong hệ thống văn hóa, thể thao quốc gia. Việc tập trung này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động có tính chất quốc gia, quốc tế, đồng thời thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ và công nghiệp văn hóa.

Tuy nhiên, xét trên bình diện phát triển lãnh thổ, sự tập trung kéo dài trong nhiều năm đã làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa các vùng, đặc biệt là khả năng tiếp cận các loại hình văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao của người dân tại các địa phương ngoài hai trung tâm lớn. Điều này đặt ra yêu cầu phải xem xét lại cách thức phân bổ nguồn lực đầu tư theo hướng hài hòa hơn, bảo đảm tính lan tỏa vùng.

Bên cạnh đó, sự chênh lệch giữa khu vực đô thị và nông thôn thể hiện rõ sự khác biệt trong mô hình phát triển thiết chế văn hóa, thể thao. Tại đô thị, các thiết chế được đầu tư theo hướng đa chức năng, gắn với dịch vụ, thương mại và giải trí, có khả năng tự chủ tài chính cao hơn và dễ dàng thu hút nguồn lực xã hội hóa. Ngược lại, tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, mô hình thiết chế chủ yếu vẫn mang tính hành chính – phúc lợi, phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước, thiếu không gian và điều kiện để tổ chức các hoạt động chuyên sâu. Sự khác biệt này không chỉ tạo ra khoảng cách về điều kiện vật chất, mà còn ảnh hưởng đến mức độ tham gia văn hóa, thể thao của người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên và các nhóm yếu thế.

Ngoài ra, sự phân hóa giữa các vùng kinh tế – xã hội cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa phát triển thiết chế văn hóa, thể thao với năng lực quản trị địa phương và khả năng huy động nguồn lực. Các địa phương có điều kiện kinh tế thuận lợi, bộ máy quản lý năng động, chính sách thu hút đầu tư rõ ràng đã hình thành được mạng lưới thiết chế tương đối đồng bộ. Ngược lại, tại các vùng khó khăn, hạn chế về nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện khiến việc đầu tư phát triển thiết chế gặp nhiều trở ngại, dẫn đến tình trạng thiếu hụt kéo dài, ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu phát triển văn hóa, thể thao toàn diện và bao trùm.

### ***3.2. Về hiệu quả khai thác, mức độ kết nối và xã hội hóa***

Mặc dù đã được đầu tư với quy mô ngày càng tăng, hiệu quả khai thác của nhiều thiết chế văn hóa, thể thao chưa đạt yêu cầu, trong khi mức độ kết nối trong hệ thống còn hạn chế và xã hội hóa chưa trở thành động lực phát triển chủ đạo.

Trước hết, hiệu quả khai thác thấp tại nhiều thiết chế phản ánh rõ những hạn chế trong mô hình quản lý và cơ chế vận hành. Nhiều thiết chế vẫn được quản lý theo cơ chế bao cấp, thiếu quyền tự chủ về tài chính, nhân sự và nội dung hoạt động, dẫn đến tâm lý trông chờ, ỷ lại vào ngân sách nhà nước.

Việc thiếu các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động gắn với trách nhiệm của đơn vị quản lý khiến quá trình vận hành chưa thực sự hướng tới người thụ hưởng, làm giảm sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của các thiết chế công lập.

Về mức độ kết nối, sự thiếu liên thông giữa các thiết chế theo ngành, theo cấp và theo vùng đã hạn chế khả năng hình thành mạng lưới hoạt động văn hóa, thể thao mang tính hệ thống. Việc đầu tư, quản lý và khai thác chủ yếu dựa trên địa giới hành chính đã dẫn đến tình trạng cát cứ trong tổ chức hoạt động, thiếu các

cơ chế phối hợp, chia sẻ không gian, nhân lực và nội dung. Trong bối cảnh chuyển đổi số, hạn chế này càng trở nên rõ nét khi các hệ thống dữ liệu văn hóa, thể thao được xây dựng rời rạc, thiếu chuẩn chung, gây lãng phí nguồn lực và hạn chế khả năng khai thác giá trị gia tăng từ tài nguyên số.

Đối với xã hội hóa, mặc dù đã đạt được những kết quả bước đầu, song quá trình này chưa tạo được sự chuyên biến mang tính đột phá. Khu vực tư nhân chủ yếu tham gia vào các lĩnh vực có khả năng sinh lợi cao và tại các địa bàn thuận lợi, trong khi các lĩnh vực mang tính công ích và các địa bàn khó khăn vẫn phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước. Việc thiếu các chính sách ưu đãi đủ mạnh, ổn định và dài hạn đã làm giảm niềm tin của nhà đầu tư, khiến xã hội hóa chưa thực sự trở thành động lực phát triển bền vững cho mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.

### ***3.3. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu và nguyên nhân***

Từ các phân tích trên có thể khẳng định, những tồn tại, hạn chế của mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao hiện nay mang tính cấu trúc và hệ thống, đòi hỏi phải có cách tiếp cận tổng thể và giải pháp đồng bộ.

Trước hết, việc phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao chưa gắn chặt với quy hoạch không gian và chiến lược phát triển dài hạn, dẫn đến đầu tư dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả sử dụng thấp. Một số thiết chế được xây dựng nhưng chưa xác định rõ đối tượng phục vụ, chức năng chủ đạo và phương án khai thác, gây lãng phí nguồn lực xã hội.

Thứ hai, chất lượng hoạt động và dịch vụ văn hóa, thể thao chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người dân, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường. Nội dung hoạt động chậm đổi mới, thiếu tính sáng tạo; đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn chưa được đào tạo bài bản, thiếu kỹ năng quản trị hiện đại; cơ chế đãi ngộ chưa đủ sức thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao.

Thứ ba, chuyển đổi số chưa được triển khai như một trụ cột chiến lược, mà mới dừng lại ở các dự án, sáng kiến riêng lẻ, thiếu sự điều phối thống nhất. Việc thiếu khung pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và nguồn lực ổn định đã làm hạn chế khả năng mở rộng và duy trì các hệ thống số hóa, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và khả năng tiếp cận của công chúng.

Thứ tư, cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực còn nhiều bất cập, chưa tạo được sự phối hợp hiệu quả giữa ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội. Việc bố

trí quỹ đất cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao chưa được tích hợp đầy đủ vào quy hoạch đô thị và nông thôn, dẫn đến khó khăn trong triển khai các dự án mới và mở rộng các thiết chế hiện có.

Nguyên nhân sâu xa của các tồn tại, hạn chế nêu trên là: (i) nhận thức và mức độ ưu tiên dành cho phát triển văn hóa, thể thao trong một số giai đoạn và ở một số địa phương chưa tương xứng với vai trò của lĩnh vực này trong phát triển bền vững; (ii) thể chế, chính sách chậm được hoàn thiện, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới mô hình quản lý và khai thác thiết chế; (iii) năng lực quản trị, điều phối và tổ chức thực hiện còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh phân cấp, phân quyền và sắp xếp đơn vị hành chính; (iv) cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư và hoạt động của các thiết chế chưa được thiết lập đầy đủ và hiệu quả.

#### **4. Những vấn đề đặt ra và yêu cầu phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao**

##### ***4.1. Những vấn đề đặt ra***

##### ***a. Vấn đề mất cân đối trong phân bố không gian và mức độ thụ hưởng dịch vụ văn hóa, thể thao***

Mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trên phạm vi cả nước tuy đã được hình thành tương đối đầy đủ theo các cấp hành chính, song thực tế cho thấy sự mất cân đối đáng kể trong phân bố không gian giữa các vùng, miền và giữa khu vực đô thị với nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Các thiết chế quy mô lớn, hiện đại chủ yếu tập trung tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số đô thị trung tâm, trong khi nhiều địa phương khó khăn vẫn thiếu các công trình văn hóa, thể thao đạt chuẩn hoặc chỉ có thiết chế cơ sở với chức năng hạn chế.

Sự chênh lệch này dẫn đến khoảng cách lớn về khả năng tiếp cận và mức độ thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, thể thao của người dân giữa các vùng, ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao chất lượng sống và phát triển con người toàn diện. Đồng thời, tình trạng phân bố chưa hợp lý cũng làm giảm hiệu quả phát huy giá trị của các thiết chế đã đầu tư, nhất là tại các địa bàn có tiềm năng văn hóa, du lịch nhưng chưa được quan tâm đúng mức.

##### ***b. Vấn đề hiệu quả khai thác thấp, chưa tương xứng với nguồn lực đầu tư***

Mặc dù Nhà nước đã dành nguồn lực đáng kể để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở văn hóa, thể thao, song hiệu quả khai thác và chất lượng hoạt động của nhiều

thiết chế còn thấp, chưa tương xứng với quy mô đầu tư. Không ít công trình sau khi hoàn thành hoạt động cầm chừng, thiếu chương trình thường xuyên, chưa thu hút được sự tham gia rộng rãi của người dân và cộng đồng.

Nguyên nhân chủ yếu là do mô hình quản lý, vận hành còn nặng tính hành chính, bao cấp, thiếu cơ chế tự chủ và động lực đổi mới; nội dung hoạt động chậm được cập nhật, chưa phù hợp với nhu cầu đa dạng của các nhóm đối tượng; công tác đánh giá hiệu quả hoạt động còn hình thức, chưa gắn với trách nhiệm giải trình và điều chỉnh chính sách đầu tư.

*c. Vấn đề thiếu liên kết, kết nối trong phát triển và vận hành mạng lưới*

Hệ thống cơ sở văn hóa, thể thao hiện nay chủ yếu được tổ chức và quản lý theo địa giới hành chính và lĩnh vực chuyên ngành, trong khi thiếu sự liên kết theo không gian, chức năng và chuỗi giá trị. Các thiết chế giữa các cấp, các địa phương còn hoạt động rời rạc, chưa có cơ chế phối hợp, chia sẻ cơ sở vật chất, chương trình hoạt động và nguồn nhân lực.

Sự thiếu liên kết này làm hạn chế khả năng hình thành các cụm, tuyến, không gian văn hóa – thể thao liên vùng, đồng thời chưa phát huy được vai trò hỗ trợ, bổ trợ lẫn nhau giữa văn hóa, thể thao với du lịch, giáo dục và công nghiệp văn hóa. Trong bối cảnh yêu cầu phát triển liên vùng và hội nhập ngày càng cao, đây là vấn đề cần được quan tâm giải quyết một cách căn cơ.

*d. Vấn đề xã hội hóa chưa trở thành động lực phát triển chủ đạo*

Chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đã đạt được một số kết quả tích cực, song nhìn chung chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ và đồng đều. Nguồn lực xã hội chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn có khả năng sinh lợi cao, trong khi các lĩnh vực mang tính công ích và các vùng khó khăn vẫn phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước.

Các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa còn bất cập, thiếu tính ổn định và đồng bộ, nhất là trong các vấn đề về đất đai, tài chính, đầu tư và phân chia lợi ích. Điều này làm hạn chế sự tham gia lâu dài của khu vực tư nhân và cộng đồng, ảnh hưởng đến tính bền vững của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

*e. Vấn đề chuyển đổi số chậm, thiếu đồng bộ và chiều sâu*

Trong khi chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, lĩnh vực văn hóa, thể thao mới chỉ triển khai ở mức độ bước đầu, thiếu chiến lược tổng thể và nền

tăng dùng chung. Hoạt động số hóa dữ liệu, ứng dụng công nghệ trong quản lý và tổ chức hoạt động còn phân tán, thiếu chuẩn hóa và chưa được duy trì bền vững.

Việc chưa hình thành được hệ sinh thái văn hóa, thể thao số thống nhất đã hạn chế khả năng nâng cao hiệu quả quản lý, mở rộng không gian tiếp cận của người dân và phát huy giá trị các thiết chế trong bối cảnh xã hội số và kinh tế số phát triển nhanh.

#### ***4.2. Yêu cầu phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trong giai đoạn cuối kỳ quy hoạch***

##### ***a. Yêu cầu phát triển cân đối không gian, thu hẹp chênh lệch vùng, miền và đô thị – nông thôn***

Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trong giai đoạn tới cần đặt yêu cầu điều chỉnh phân bố không gian theo hướng cân đối, hài hòa giữa các vùng, miền, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, thể thao cơ bản. Việc quy hoạch và đầu tư phải khắc phục tình trạng tập trung quá mức tại các đô thị lớn, đồng thời ưu tiên bổ sung, nâng cấp thiết chế tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

Yêu cầu phát triển không chỉ dừng ở việc gia tăng số lượng thiết chế, mà cần nâng cao chất lượng và khả năng phục vụ thực chất, phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội, đặc điểm văn hóa và nhu cầu của từng địa bàn. Các thiết chế trọng điểm cấp vùng, liên vùng cần được xác định rõ vai trò lan tỏa, hỗ trợ phát triển cho các địa phương lân cận, góp phần hình thành mạng lưới phát triển hài hòa, liên thông và bền vững.

##### ***b. Yêu cầu nâng cao hiệu quả khai thác, lấy chất lượng hoạt động và mức độ thụ hưởng làm tiêu chí trung tâm***

Yêu cầu quan trọng trong giai đoạn tới là chuyển mạnh từ tư duy đầu tư theo quy mô, hình thức sang tư duy lấy hiệu quả khai thác và chất lượng hoạt động làm thước đo chủ yếu. Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần gắn chặt với khả năng vận hành, duy trì và phát huy giá trị công trình trong thực tiễn.

Điều này đòi hỏi đổi mới mô hình quản lý, tăng cường quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; khuyến khích các đơn vị quản lý chủ động xây dựng chương trình hoạt động, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người dân. Đồng thời, cần hình thành hệ thống tiêu chí,

chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động làm căn cứ cho việc điều chỉnh chính sách đầu tư, phân bổ ngân sách và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

*c. Yêu cầu phát triển mạng lưới theo hướng liên kết, tích hợp và phát huy giá trị tổng hợp*

Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần được đặt trong tổng thể phát triển không gian kinh tế – xã hội và liên kết vùng, khắc phục tình trạng phát triển manh mún, cục bộ theo địa giới hành chính. Việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cần theo hướng đa chức năng, tích hợp, có khả năng phục vụ đồng thời nhiều mục tiêu như sinh hoạt cộng đồng, giáo dục, du lịch, sáng tạo và phát triển công nghiệp văn hóa.

Tăng cường liên kết giữa các thiết chế trong cùng địa phương, giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng với nhau là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và nguồn lực đầu tư. Đồng thời, cần thúc đẩy sự gắn kết giữa văn hóa, thể thao với du lịch, giáo dục, truyền thông và các ngành kinh tế khác nhằm phát huy giá trị lan tỏa, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế – xã hội.

*d. Yêu cầu đẩy mạnh xã hội hóa gắn với bảo đảm mục tiêu công ích và phát triển bền vững*

Trong bối cảnh nguồn lực ngân sách nhà nước còn hạn chế, yêu cầu đặt ra là đẩy mạnh xã hội hóa như một hướng đi tất yếu, đồng thời bảo đảm vai trò của Nhà nước trong định hướng, điều tiết và bảo vệ mục tiêu công ích. Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao cần có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân, cộng đồng và các tổ chức xã hội.

Xã hội hóa không chỉ nhằm huy động thêm nguồn lực tài chính mà còn góp phần đa dạng hóa mô hình quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng tính cạnh tranh lành mạnh. Tuy nhiên, việc triển khai xã hội hóa cần được thiết kế phù hợp với từng lĩnh vực, từng loại hình và từng địa bàn, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và cộng đồng, hướng tới phát triển ổn định và lâu dài.

*e. Yêu cầu thúc đẩy chuyển đổi số đồng bộ, lấy người dân làm trung tâm*

Chuyển đổi số cần được xác định là một trụ cột quan trọng trong phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao, không chỉ nhằm hiện đại hóa công tác quản lý mà còn mở rộng không gian tiếp cận, nâng cao trải nghiệm và mức độ tham gia của

người dân. Việc phát triển phải có chiến lược chuyển đổi số thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, tránh tình trạng đầu tư manh mún, thiếu liên thông.

Xây dựng các nền tảng số dùng chung, chuẩn hóa dữ liệu, số hóa nội dung và ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động là điều kiện cần thiết để nâng cao hiệu quả khai thác các thiết chế hiện có, đồng thời tạo tiền đề hình thành hệ sinh thái văn hóa, thể thao số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh xã hội số và kinh tế số.

*g. Yêu cầu nâng cao năng lực quản trị và tổ chức thực hiện*

Một yêu cầu xuyên suốt trong giai đoạn tới là nâng cao năng lực quản trị hệ thống cơ sở văn hóa, thể thao, từ công tác quy hoạch, đầu tư đến quản lý, vận hành và giám sát, đánh giá. Điều này đòi hỏi kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn tại cơ sở.

Bên cạnh đó, cần tăng cường phối hợp liên ngành, phân định rõ trách nhiệm giữa các cấp, các ngành, gắn quyền hạn với trách nhiệm, bảo đảm tính thống nhất và hiệu lực trong tổ chức thực hiện. Việc hoàn thiện cơ chế giám sát, đánh giá và điều chỉnh chính sách kịp thời là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao theo đúng định hướng và mục tiêu đề ra.

## **PHẦN III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

### **1. Quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao**

#### ***1.1. Quan điểm***

a) Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể dục, thể thao đồng bộ, có cấu trúc hợp lý, phân bố hài hoà theo các cấp quản lý, vùng lãnh thổ, có sự thống nhất, liên kết chặt chẽ, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và địa phương; đáp ứng yêu cầu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, niềm tự hào dân tộc và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; coi văn hóa và thể dục thể thao là một trong những trụ cột, động lực, nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

b) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các cơ sở văn hoá, thể dục thể thao nòng cốt, đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị, bản sắc văn hoá dân tộc, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo, ngành kinh tế thể thao, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp; khai thác có hiệu quả lợi thế vùng, miền, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu văn hóa, kinh tế, xã hội và phát triển bền vững; tăng cường hợp tác, quảng bá văn hóa Việt Nam, nâng cao sức mạnh mềm quốc gia, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao phù hợp với quá trình tái cơ cấu bộ ngành, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và thực hiện mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026 – 2030.

c) Đổi mới cơ chế đầu tư, quản lý và khai thác mạng lưới cơ sở văn hoá và thể dục thể thao; đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công – tư, nâng cao hiệu quả sử dụng công trình, tài sản công và nguồn tài nguyên thiên nhiên, kết hợp hài hòa giữa đầu tư Nhà nước và nguồn lực xã hội; phát triển các cơ sở văn hoá, thể thao gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; tăng cường sự tham gia của người dân tại các không gian văn hoá, thể thao công cộng; nâng cao chất lượng, hiệu quả, thương hiệu và sức cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ văn hoá, thể thao quốc gia. Phát triển mạng lưới cơ sở văn hoá, thể thao bền vững, hiện đại, có sự ứng dụng khoa học - công nghệ, mô hình quản trị tiên tiến, thích ứng yêu cầu phát triển dài hạn.

#### ***1.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030***

a) Hoàn thiện cơ bản mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, kinh tế thể thao và hội nhập quốc tế.

b) Xây dựng mới và nâng cấp một số cơ sở văn hóa nòng cốt (các tổ hợp công nghiệp văn hoá, trung tâm văn hóa-nghệ thuật, trung tâm điện ảnh, bảo tàng, thư viện, nhà hát, trung tâm triển lãm...) tại các đô thị trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội, khoa học-công nghệ, giáo dục – đào tạo, du lịch của vùng, có vai trò dẫn dắt phát triển văn hóa vùng và quốc gia. Hình thành các cụm, hành lang văn hóa - sáng tạo liên tỉnh, liên vùng, gắn với phát triển mạng lưới thành phố sáng tạo, trung tâm công nghiệp văn hóa, du lịch, khoa học, giáo dục và di sản thế giới. Phân đầu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: trung tâm công nghiệp văn hóa hoặc trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng và thư viện được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, gắn với chuyển đổi số và ứng dụng mô hình quản trị hiệu quả.

c) Phân đầu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 công trình thể thao cơ bản (nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi); xây dựng các tổ hợp hoặc khu liên hợp thể dục thể thao đạt chuẩn quốc gia, phục vụ thi đấu, đào tạo vận động viên và nâng cao chất lượng dịch vụ, vừa phục vụ tập luyện, thi đấu thể thao, vừa tổ chức các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, giải trí, du lịch, sự kiện, tạo nguồn thu bền vững. Xây dựng một số cơ sở thể dục thể thao chuyên biệt cho thanh thiếu nhi, người khuyết tật, lực lượng vũ trang và sinh viên các cơ sở giáo dục đại học.

b) Phát triển hệ thống cơ sở văn hóa, thể thao quốc gia trọng điểm tại Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng Đông Nam bộ, Vùng duyên hải miền Trung- Tây Nguyên, Vùng đồng bằng sông Cửu Long và Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đạt trình độ khu vực và quốc tế, trở thành động lực thúc đẩy phát triển ngành kinh tế thể thao, công nghiệp văn hóa và đối ngoại văn hóa. Hình thành mạng lưới cơ sở thể dục, thể thao quốc gia đồng bộ, hiện đại, chuyên nghiệp, thông minh, đa chức năng, gắn với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đáp ứng yêu cầu tập luyện và thi đấu đạt chuẩn quốc tế đối với các môn thể thao trọng điểm, có mục tiêu giành huy chương tại các Đại hội thể thao cấp châu lục và thế giới; đủ điều kiện đăng cai tổ chức các đại hội thể thao, sự kiện văn hoá, nghệ thuật của khu vực Đông Nam Á, châu Á và các nước trên thế giới.

c) Phấn đấu 100% cơ sở văn hoá, thể thao ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, liên kết cơ sở dữ liệu nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tương tác trải nghiệm; 100% di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt, bảo vật quốc gia và di sản văn hoá được UNESCO ghi danh xây dựng được cơ sở dữ liệu số hoá phục vụ công tác quản lý, giáo dục, quảng bá văn hoá; 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các địa phương có di sản văn hoá thế giới, thành phố sáng tạo nằm trong mạng lưới thành phố sáng tạo của UNESCO có khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, giải trí quy mô, có ứng dụng công nghệ hiện đại để mở rộng khả năng tiếp cận của người dân, công chúng và khách du lịch.

### ***1.3. Tầm nhìn đến năm 2045***

a) Hình thành mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao quốc gia đồng bộ, hiện đại và bền vững, lấy nhân dân làm trung tâm hưởng thụ và sáng tạo; giữ vai trò là trụ cột xây dựng nền văn hoá, con người Việt Nam, bảo tồn bản sắc dân tộc, đồng thời thúc đẩy hội nhập quốc tế, các ngành công nghiệp văn hóa, kinh tế thể thao phát triển mạnh mẽ. Thực hiện chuyển đổi số và chuyển đổi xanh toàn diện nhằm tối ưu hóa chất lượng dịch vụ, nâng cao tính trải nghiệm và đảm bảo quyền tiếp cận công bằng cho mọi đối tượng trong xã hội.

b) Mạng lưới được phân bổ không gian hợp lý, gắn kết hữu cơ với các đô thị hạt nhân, trung tâm kinh tế - công nghệ và các di sản văn hóa thế giới. Phát triển các cơ sở văn hóa, thể thao thành những thương hiệu mạnh, có bản sắc riêng. Hình thành các công trình tầm cỡ quốc tế, biểu tượng cho khát vọng hòa bình, ý chí tự lực tự cường, vì mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, nhân dân hạnh phúc, tạo lập di sản lịch sử cho thế hệ tương lai.

c) Hiện đại hóa hạ tầng thể thao đủ năng lực đăng cai các sự kiện châu lục và thế giới. Phấn đấu ít nhất 50% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đầy đủ 03 công trình thể thao cơ bản đạt tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt ở các môn trọng điểm.

d) Hình thành các trung tâm văn hóa, thể thao trọng điểm gắn với các vùng kinh tế động lực và mạng lưới các Thành phố sáng tạo của UNESCO. Đây sẽ là những điểm hội tụ giữa giá trị truyền thống và tư duy sáng tạo hiện đại, thúc đẩy giao lưu quốc tế và phát triển kinh tế vùng; tăng cường "sức mạnh mềm" và định vị vững chắc vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

## **2. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao**

### ***2.1. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa***

*a) Mạng lưới bảo tàng*

- Tập trung hoàn thiện mạng lưới cơ sở bảo tàng lấy các Bảo tàng quốc gia làm hạt nhân. Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu số hóa quốc gia về tài liệu, hiện vật và bảo vật. Thiết lập cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành và hệ thống bảo tàng cấp tỉnh. Chuyển đổi các bảo tàng theo hướng là trung tâm thông tin khoa học - văn hóa - lịch sử đa năng, một điểm đến trải nghiệm hấp dẫn và có khả năng tương tác cao cho du khách.

- Nâng tầm vị thế các bảo tàng thông qua đầu tư cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc tế: Đảm bảo 100% bảo tàng quốc gia đạt tiêu chuẩn chuyên ngành Cấp I và các bảo tàng còn lại đạt tối thiểu Cấp II.

- Xây dựng mới các bảo tàng quốc gia: Bảo tàng Đảng cộng sản Việt Nam (tại Hà Nội); Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (Hà Nội) Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam khu vực phía Nam (tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bảo tàng “Ký ức chiến tranh và khát vọng hòa bình” (tại Quảng Trị). Cải tạo, nâng cấp Bảo tàng Lịch sử quốc gia; Hoàn thiện hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật, khu vực trưng bày, trải nghiệm cho các Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh.

- Đầu tư nâng cấp, hiện đại hoá các Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng, Bảo tàng Hải Dương học, Bảo tàng Địa chất Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, Bảo tàng Hồ Chí Minh (chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh), Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam.

- Đầu tư nâng cấp, xây mới, mở rộng hệ sinh thái các bảo tàng chuyên ngành như: Bảo tàng Tiền Việt Nam, Bảo tàng Kiến trúc Việt Nam, Bảo tàng Giáo dục Việt Nam, Bảo tàng Nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Báo chí Việt Nam, Bảo tàng Văn học Việt Nam, Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam, Bảo tàng Công nhân và Công đoàn Việt Nam, Bảo tàng Bưu điện Việt Nam, Bảo tàng Địa chất Việt Nam, Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam, Bảo tàng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bảo tàng lực lượng vũ trang...

- Mở rộng hệ sinh thái bảo tàng địa phương, trung tâm di sản vùng nhằm bảo tồn và phát huy tính đa dạng của di sản: Xây dựng mới, nâng cấp các bảo tàng như Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn, Bảo tàng tỉnh Sơn La, Bảo tàng tỉnh Lai Châu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa, Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh, Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế,

Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Bảo tàng Trường Sa, Bảo tàng Yersin, Bảo tàng tổng hợp tỉnh Khánh Hòa, Bảo tàng thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai, Bảo tàng tỉnh Tây Ninh, Bảo tàng Văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Bảo tàng tỉnh Cà Mau, Bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi, Trung tâm Di sản địa chất – văn hóa vùng miền núi phía Bắc...

- Xây dựng các bảo tàng thành trung tâm thông tin về khoa học, văn hóa, lịch sử, mô hình bảo tàng thông minh, với hình thức hoạt động hấp dẫn, thu hút du khách tham quan và trải nghiệm; thiết kế các khu vực trải nghiệm thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) để biến khách tham quan từ người quan sát thụ động thành người tham gia trực tiếp vào câu chuyện lịch sử; phát triển các không gian phụ trợ như thư viện, khu vực giáo dục sáng tạo, và các dịch vụ du lịch văn hóa để tăng sức hấp dẫn, góp phần thúc đẩy công nghiệp văn hóa và kinh tế di sản.

#### *b) Mạng lưới cơ sở thư viện*

- Quy hoạch tập trung phát triển mạng lưới thư viện theo mô hình đa cực, lấy Thư viện Quốc gia Việt Nam làm trung tâm điều phối và các thư viện chuyên ngành, thư viện lực lượng vũ trang làm các trụ cột đầu ngành. Chú trọng nâng cấp một số thư viện công cộng cấp tỉnh tại các đô thị hạt nhân thành các trung tâm tri thức vùng, thúc đẩy kết nối và chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các địa phương, vùng kinh tế - xã hội. Tích hợp thư viện các đại học quốc gia, đại học vùng vào mạng lưới cơ sở dữ liệu cốt lõi, biến các cơ sở này thành những trung tâm thông tin - giáo dục hiện đại, phục vụ nghiên cứu sâu và chuyển giao tri thức. Hoàn chỉnh hệ cơ sở dữ liệu thư viện Việt Nam và tài nguyên thông tin mở, xác lập khả năng liên thông dữ liệu thông suốt giữa thư viện trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và vận hành, nâng cao năng lực hoạt động của thư viện số để đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin mọi lúc, mọi nơi của người dân.

- Thiết lập tiêu chuẩn chuyên ngành với mục tiêu Thư viện Quốc gia đạt Cấp I trở lên (ngang tầm khu vực) và các thư viện trong mạng lưới đạt tối thiểu Cấp II.

- Nâng cấp Thư viện quốc gia Việt Nam theo hướng hiện đại, ngang tầm khu vực, đáp ứng vai trò thư viện trung tâm của cả nước; xây dựng Trung tâm bảo quản dữ liệu số quốc gia với hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại và đồng bộ. Phát triển Thư viện Quốc hội và các thư viện Bộ ngành theo mô hình thư viện số

thông minh, cung cấp dịch vụ phân tích thông tin chuyên ngành, hỗ trợ các cơ quan trong việc hoạch định chính sách và quản lý nhà nước. Đầu tư nâng cấp thư viện thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thành các tổ hợp tri thức chuyên sâu, có sự kết nối với các thư viện khoa học hàng đầu thế giới đáp ứng yêu cầu nghiên cứu liên ngành. Xây dựng mạng lưới thư viện lực lượng vũ trang (quân đội, công an) theo hướng thư viện số chuyên biệt, đảm bảo sự cân bằng giữa tính hiện đại và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước. Xây dựng hệ thống thư viện cấp tỉnh tại các thành phố đóng vai trò động lực phát triển vùng, theo hướng thư viện số, hiện đại.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho các thư viện theo hướng thư viện số hiện đại, có hạ tầng công nghệ lưu trữ và bảo vệ tài nguyên thông tin quốc gia một cách bền vững, có khả năng liên thông dữ liệu trong nước và quốc tế; giúp người dân có thể tra cứu, đọc và khai thác tài nguyên thông tin mở mọi lúc, mọi nơi qua môi trường mạng; là trung tâm văn hóa - giáo dục - trải nghiệm, không chỉ phục vụ việc đọc sách mà còn trở thành không gian học tập sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện, học tập suốt đời của người dân. Phát triển mô hình thư viện chuyên ngành liên kết với bảo tàng để phát huy giá trị di sản, tri thức khoa học và giáo dục lịch sử, văn hoá dân tộc.

### *c) Mạng lưới cơ sở điện ảnh*

- Phát triển các trung tâm điện ảnh hạt nhân, tại các đô thị đóng vai trò là trung tâm văn hóa lớn của quốc gia và các vùng kinh tế trọng điểm. Hình thành các trung tâm điện ảnh hiện đại, quy mô, đa năng nhằm tạo sức lan tỏa, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa gắn với du lịch. Ưu tiên đầu tư đồng bộ, hiện đại hóa cơ sở vật chất và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến cho các cơ sở phổ biến, sản xuất phim trên toàn quốc.

- Xây dựng hệ thống trường quay và dịch vụ kỹ thuật đảm bảo khâu kỹ thuật tiền kỳ và hậu kỳ theo tiêu chuẩn thế giới, tạo tiền đề cho các dự án điện ảnh tầm cỡ. Hoàn thiện đầu tư, mở rộng và nâng cấp trường quay trong nước đạt trình độ kỹ thuật và công nghệ ngang tầm thế giới. Nghiên cứu xây dựng các trường quay hiện đại tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo năng lực sản xuất phim theo các quy trình công nghệ tiên tiến nhất hiện nay. Nâng cấp Trung tâm Điện ảnh Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam trở thành đơn vị có khả năng cung cấp dịch vụ kỹ thuật điện ảnh cao cấp.

- Hiện đại hóa thiết chế chiếu phim và tổ chức sự kiện quốc tế: Nâng tầm quy mô và chất lượng các công trình chiếu phim tại các địa bàn trọng điểm như Trung tâm Chiếu phim Quốc gia (Hà Nội); xây dựng mới trung tâm chiếu phim hoặc tổ hợp điện ảnh đa năng tại các thành phố: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Huế theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ đạt chuẩn quốc tế, tích hợp không gian tổ chức hội nghị, hội thảo và tổ chức các sự kiện điện ảnh quốc gia và quốc tế.

*d) Mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn*

- Tập trung đầu tư nâng cấp các nhà hát, trung tâm nghệ thuật biểu diễn toàn diện cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, hướng tới mục tiêu tổ chức các sự kiện nghệ thuật quy mô tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Các công trình nhà hát nghệ thuật không chỉ đáp ứng yêu cầu về hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật tiên tiến mà còn phải thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc, đóng vai trò là "nôi" bảo tồn, phát huy các giá trị nghệ thuật truyền thống của dân tộc, giao lưu văn hoá nghệ thuật quốc tế.

- Hình thành các trung tâm nghệ thuật biểu diễn tại các đô thị hạt nhân, các trung tâm vùng và khu vực du lịch trọng điểm nhằm tạo đòn bẩy thúc đẩy công nghiệp văn hóa và du lịch phát triển bền vững. Xây dựng các công trình nghệ thuật đảm bảo năng lực trình diễn chuyên nghiệp, thu hút các nghệ sĩ tài năng hàng đầu đến trình diễn, tạo điều kiện cho các dự án nghệ thuật lớn quy mô, có sức lan toả, phát triển nghệ thuật trong cơ chế thị trường đồng thời phục vụ nhu cầu thưởng thức nghệ thuật đa dạng và hội nhập quốc tế. Xây dựng 2 Nhà hát Opera ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu tổ chức sự kiện nghệ thuật quốc gia và quốc tế; xây dựng, mới nâng cấp cơ sở nghệ thuật biểu diễn/nhà hát cho Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Quốc gia Việt Nam; Nhà hát Sân khấu truyền thống Quốc gia Việt Nam. Xây mới Nhà hát Quân đội đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện nghệ thuật của quân đội, quốc gia và quốc tế. Các nhà hát nghệ thuật truyền thống có không gian kiến trúc, thiết kế đặc thù để thể hiện tinh thần, kỹ thuật trình diễn, đáp ứng yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống dân tộc và sáng tạo, tạo môi trường chuyên sâu để đào tạo nghệ nhân, nghệ sĩ thu hút khán giả yêu mến văn hoá dân tộc. Các nhà hát hiện đại có ứng dụng công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu thử nghiệm những hình thức biểu diễn mới, thể nghiệm tác ý tưởng đương đại. Các nhà hát quốc gia là công trình kiến trúc mang tính biểu tượng, đại diện cho tầm vóc văn hóa của cả quốc gia trong kỷ nguyên mới. Từng bước chuyển đổi các thiết chế này thành những thương hiệu mạnh, có sức hút

quốc tế và sức lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống nghệ thuật của đất nước, góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo, du lịch phát triển.

- Tiếp tục mở rộng hệ sinh thái nghệ thuật biểu diễn: xây dựng mới các trung tâm nghệ thuật biểu diễn hoặc nhà hát cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tại Hà Nội, Đồng Nai, Cần Thơ, Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Tuyên Quang, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Cần Thơ, Quảng Ninh..) để tạo nền tảng phát triển nghệ thuật biểu diễn vững chắc, là cái nôi nuôi dưỡng và phổ biến văn hóa nghệ thuật đến mọi tầng lớp nhân dân, tạo nên một hệ thống văn hóa đa dạng và toàn diện trên cả nước.

#### *đ) Mạng lưới cơ sở triển lãm văn hóa, nghệ thuật*

- Nghiên cứu, xây dựng mới và nâng cấp mạng lưới cơ sở triển lãm quốc gia, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tổ chức các sự kiện triển lãm trong nước và quốc tế, có quy mô, tiêu chuẩn chuyên ngành đạt từ cấp I trở lên phân bố tại các thành phố trực thuộc trung ương. Xây dựng mới các công trình trọng điểm: Trung tâm triển lãm quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Triển lãm văn hóa, nghệ thuật quốc gia tại thành phố Huế, Trung tâm Triển lãm Văn hóa, Nghệ thuật Việt Nam tại thủ đô Hà Nội.

- Phát huy tối đa năng lực của các Trung tâm Triển lãm Quốc gia để trở thành địa điểm hạt nhân trong việc đăng cai và tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quy mô lớn, định vị là nơi hội tụ của các liên hoan nghệ thuật đa phương tiện, các triển lãm di sản xuyên quốc gia và các tuần lễ sáng tạo quốc tế. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ hậu cần đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất về công nghệ trình diễn và an ninh sự kiện. Chuyển đổi công năng các nhà trưng bày triển lãm sang không gian sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, tăng tính tương tác cao, ứng dụng nghệ thuật sắp đặt đa phương tiện để tạo sức hấp dẫn đặc biệt đối với giới trẻ và du khách quốc tế. Phát triển các dịch vụ phụ trợ quanh sự kiện (như bản quyền, logistics văn hóa, quảng bá sáng tạo), tạo nguồn thu bền vững và tái đầu tư cho nghệ thuật. Xây dựng các Trung tâm Triển lãm quốc gia trở thành những biểu tượng văn hóa hiện đại, có nhận diện mạnh mẽ trên bản đồ văn hóa thế giới, là nơi giao dịch, kết nối nghệ sĩ, nhà sản xuất với các nhà đầu tư và công chúng trong và ngoài nước.

- Đảm bảo 100% đô thị nằm trong mạng lưới thành phố sáng tạo của UNESCO có không gian triển lãm văn hóa nghệ thuật hiện đại, đủ năng lực đăng

cai các sự kiện triển lãm quốc tế phức hợp, xác lập vị thế là những biểu tượng văn hóa mới của đô thị.

- Tập trung xây dựng hệ sinh thái triển lãm tại các địa phương có lợi thế đặc thù về vị trí địa chính trị, lịch sử và du lịch (như Kiên Giang, Điện Biên, Lào Cai, Tây Ninh, Đồng Nai...). Mục tiêu là hình thành các địa chỉ văn hóa kết nối quan trọng trên bản đồ quốc gia, đóng vai trò là cửa ngõ giao lưu văn hóa và thúc đẩy liên kết vùng. Không gian triển lãm được thiết kế linh hoạt, vừa đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ nhiệm vụ chính trị, vừa vận hành như một Trung tâm dịch vụ văn hóa sôi động, điểm đến hấp dẫn trong chuỗi cung ứng du lịch địa phương, nơi tổ chức các sự kiện hội chợ nghệ thuật, triển lãm thương mại văn hóa, góp phần trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế vùng.

*e) Mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa ở trong nước*

- Tái cấu trúc các Trung tâm văn hóa theo hướng đa chức năng, tổng hợp, tích hợp giữa học tập, giải trí, sáng tạo và rèn luyện thể chất. Tập trung vốn đầu tư công để xây dựng thiết chế trung tâm văn hóa cấp tỉnh có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu tổ chức sự kiện văn hoá nghệ thuật cấp vùng, quốc gia và quốc tế. Đổi mới cách thức tổ chức, quản lý phù hợp với đặc thù vùng miền và tình hình thực tiễn của từng ngành, địa phương nhằm tăng cường sức sống và tính tương tác cho các hoạt động văn hoá cơ sở, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng các thiết chế hiện có. Áp dụng mô hình trung tâm văn hoá đa năng tích hợp chức năng nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh hoặc triển lãm để tinh gọn bộ máy và tạo ra một "hệ sinh thái văn hóa" cộng hưởng mạnh mẽ.

- Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ, đầu tư xây dựng các không gian văn hóa - thể thao dành riêng cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp và thanh thiếu nhi trên địa bàn, để chăm sóc đời sống tinh thần, tái tạo sức lao động và bồi dưỡng tâm hồn cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh. Ưu tiên quỹ đất từ các nhà máy, xí nghiệp di dời khỏi nội đô để hình thành các tổ hợp sáng tạo, trung tâm văn hoá đa năng; cải tạo, chỉnh trang hệ thống bờ sông, kênh rạch thành các công viên văn hóa mở, đường dạo bộ kết hợp không gian văn hoá nghệ thuật công cộng

*g) Mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài*

- Xây dựng các Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại nước ngoài nhằm tăng cường sức mạnh mềm quốc gia tại các nước đối tác chiến lược. Ưu tiên nghiên

cứu, đầu tư tại các địa bàn có tầm ảnh hưởng lớn và mối quan hệ sâu sắc như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga và Hoa Kỳ. Đây là những thị trường mục tiêu để quảng bá công nghiệp văn hóa và thúc đẩy du lịch quốc gia. Xây dựng trung tâm văn hoá Việt Nam tại Campuchia nhằm củng cố mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tăng cường giao lưu nhân dân và khẳng định vị thế văn hóa trong khu vực ASEAN.

- Phát triển các trung tâm là nơi gìn giữ tiếng Việt và bản sắc dân tộc cho các thế hệ tương lai, đồng thời huy động nguồn lực của kiều bào để quảng bá hình ảnh đất nước. Chuyển đổi mô hình hoạt động từ giới thiệu văn hóa đơn thuần sang Trung tâm giao lưu đa năng: kết hợp triển lãm nghệ thuật, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ thông tin và không gian sáng tạo cho nghệ sĩ Việt Nam tại nước ngoài.

- Ứng dụng công nghệ số để các trung tâm trở thành các "không gian trải nghiệm Việt Nam thu nhỏ" tại nước ngoài, giúp công chúng quốc tế tiếp cận di sản Việt Nam qua thực tế ảo trước khi đặt chân đến du lịch. Khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức sáng tạo trong việc vận hành và tổ chức các tuần lễ văn hóa, điện ảnh, âm thực nhằm tăng tính hiệu quả và giảm áp lực ngân sách nhà nước.

- Tăng cường hoạt động văn hoá đối ngoại thông qua các sản phẩm, hoạt động quảng bá như bảo tàng số di động, trình diễn nghệ thuật, tổ chức tuần lễ phim Việt Nam (giới thiệu các tác phẩm điện ảnh đương đại, đặc biệt là các phim đạt giải quốc tế hoặc có bối cảnh du lịch đặc sắc), trưng bày các bộ sưu tập, mở lớp dạy tiếng Việt, nấu món ăn Việt, tổ chức các buổi giao lưu giữa các nghệ sĩ...

#### *h) Mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật*

- Ưu tiên nguồn lực nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ hiện đại cho các cơ sở nghiên cứu, đào tạo nhân lực văn hoá nghệ thuật, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có năng lực cạnh tranh trong thị trường lao động sáng tạo toàn cầu. Xây dựng các cơ sở nghiên cứu về lĩnh vực văn hoá nghệ thuật theo mô hình tiên tiến trên thế giới, có hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, phát huy vai trò là trung tâm dữ liệu và tư vấn chính sách hiệu quả. Nâng tầm các cơ sở đào tạo Việt Nam lên bản đồ giáo dục nghệ thuật khu vực, thu hút sinh viên quốc tế đến học tập.

- Xây dựng các cơ sở đào tạo thành những không gian thực hành văn hoá nghệ thuật, nơi sinh viên được làm việc trực tiếp với các dự án thực tế thông qua

sự hướng dẫn của các nhà nghiên cứu và nghệ sĩ đầu ngành. Tăng cường sự kết nối giữa các cơ sở nghiên cứu văn hóa với các đơn vị đào tạo văn hoá nghệ thuật. Thiết kế các không gian làm việc chung giữa các sinh viên thuộc các lĩnh vực văn hoá nghệ thuật có thể cùng thực hiện một dự án nghệ thuật đa phương tiện; xây dựng cơ sở đào tạo tích hợp các không gian thực hành (như khu trưng bày triển lãm, rạp chiếu phim, nhà hát, phòng hoà nhạc, phòng thu âm, không gian thiết kế, khu kỹ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn hậu kỳ chuyên nghiệp...) thực hiện các đề tài nghiên cứu mang tính ứng dụng cao phục vụ trực tiếp cho việc quảng bá sức mạnh mềm của quốc gia.

#### *i) Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam*

- Hoàn thiện đầu tư theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm kiến tạo một trung tâm hoạt động văn hóa – du lịch tầm cỡ quốc gia, với vai trò là "bảo tàng sống" tái hiện chân thực và tôn vinh giá trị di sản của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Xây dựng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam trở thành nơi giáo dục lòng tự hào dân tộc, bồi đắp tình yêu quê hương đất nước và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân cho mọi thế hệ công dân; thúc đẩy sự hiểu biết, hợp tác và trao đổi văn hóa đa phương giữa Việt Nam với bạn bè quốc tế; đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, trải nghiệm du lịch cao cấp cho du khách trong và ngoài nước.

- Hoàn thành xây dựng hệ sinh thái các khu chức năng thông qua cơ chế kêu gọi đầu tư xã hội hóa linh hoạt, biến nơi đây thành một tổ hợp du lịch - văn hóa, giải trí đa năng. Nghiên cứu xây dựng các sản phẩm quà tặng lưu niệm cao cấp đạt chuẩn quốc tế; các chương trình trình diễn thực cảnh đẳng cấp quốc tế dựa trên sử thi, huyền thoại của các dân tộc Việt Nam để biểu diễn, thu hút khách du lịch quốc tế; kết hợp tham quan thực tế với thực tế tăng cường (AR); xây dựng kho dữ liệu số hóa di sản vật thể và phi vật thể của các dân tộc, giúp du khách tra cứu trực tuyến thuận lợi và nhanh chóng. Phấn đấu đưa Làng Văn hóa Việt Nam trở thành điểm đến trên bản đồ du lịch di sản văn hoá khu vực và châu Á, trở thành biểu tượng của "sức mạnh mềm" quốc gia.

#### *k) Cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa*

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị dữ liệu văn hóa quốc gia từ Trung ương đến từng vùng, địa phương. Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ đồng bộ, hiện đại, bảo đảm kết nối, tích hợp đồng bộ với hệ cơ sở dữ liệu quốc gia. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong việc số hóa bản đồ di

sản, giúp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa một cách trực quan và chính xác trên không gian số. Kiến tạo môi trường dữ liệu mở, nơi người dân không chỉ là đối tượng hưởng thụ mà còn là chủ thể tham gia đóng góp và chia sẻ tri thức văn hóa. Đảm bảo dữ liệu có thể chuyển hóa thành các sản phẩm trải nghiệm một cách nhanh chóng.

- Hình thành cơ sở lưu trữ tập trung các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật và di sản văn hóa 54 dân tộc Việt Nam theo mô hình hiện đại, đảm bảo tính phù hợp, bảo mật và hiệu quả khai thác cao, là nguồn tài nguyên cho các ngành công nghiệp văn hóa, du lịch và định vị bản sắc quốc gia trên không gian mạng quốc tế.

## ***2.2. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở thể dục, thể thao***

### ***a) Mạng lưới cơ sở trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao***

- Tập trung nguồn lực kiện toàn hệ thống các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia theo tiêu chuẩn quốc tế, tạo bước ngoặt trong công tác đào tạo và nâng cao vị thế của Việt Nam tại các đấu trường lớn (Asiad, Olympics): Đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành đạt tiêu chuẩn Cấp I, II, III tùy theo quy mô vùng, đảm bảo năng lực đẳng cai và tổ chức các sự kiện thi đấu quốc tế cũng như quốc gia. Ứng dụng khoa học thể thao hiện đại và công nghệ phân tích dữ liệu vận động vào quy trình giảng dạy, giúp vận động viên bứt phá giới hạn thành tích.

- Xây dựng mô hình phân bố mạng lưới Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia khoa học, phát huy tối đa lợi thế địa lý và điều kiện tự nhiên của từng vùng miền: Thiết lập các trung tâm vệ tinh tại các khu vực phù hợp để huấn luyện chuyên sâu các môn thể thao thể mạnh (ví dụ: các môn thể thao dưới nước tại duyên hải, các môn thể thao đòi hỏi độ cao tại vùng núi). Sắp xếp mạng lưới cơ sở huấn luyện dựa trên sự đánh giá thực tế về cơ sở vật chất sẵn có, tránh đầu tư dàn trải, tập trung vào các môn thể thao trọng điểm có khả năng tranh chấp huy chương thế giới.

- Ứng dụng các mô hình quản trị hiện đại, tăng cường quyền tự chủ cho các trung tâm huấn luyện thể thao để đáp ứng nhanh chóng các yêu cầu thay đổi trong chương trình huấn luyện các môn thể thao trọng điểm có thể giành huy chương.

- Xây dựng mới, nâng cấp Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Hà Nội, Lào Cai, Lâm Đồng, Phú Thọ, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh; Xây dựng Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân tại miền

Nam (Đồng Nai), miền Trung (Huế) và miền Bắc (Hà Nội); Xây dựng mới, nâng cấp các Trung tâm Thể dục Thể thao Quốc phòng đáp ứng yêu cầu tập luyện, đào tạo, thi đấu thể thao và đăng cai Hội thao quân sự quốc tế - Army Games

- Xây dựng mới các Trung tâm huấn luyện thể thao tại các tỉnh, thành phố đóng vai trò động lực phát triển thể thao vùng, hình thành hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ nhu cầu phát triển thể thao thành tích cao (như Điện Biên, Tuyên Quang, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Đồng Nai, Vĩnh Long..)

*b) Mạng lưới cơ sở trung tâm hoạt động thể thao*

- Xây dựng các khu liên hợp thể thao quy mô, hiện đại, đồng bộ, đa năng, đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế, đủ điều kiện đăng cai tổ chức các giải đấu của đại hội thể thao tầm cỡ khu vực (SEA Games), châu lục (Asiad), thế giới (Olympic) tại thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây có các công trình sân vận động, nhà thi đấu có sức chứa lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới (như sân vận động Trống đồng 135.000 chỗ ngồi, sân vận động Rạch Chiếc sức chứa 60.000-70.000 chỗ ngồi, nhà thi đấu sức chứa 18.000 chỗ ngồi...) là biểu tượng cho sự phát triển của nền thể thao của nước nhà. Xây dựng sân vận động PVF tại Hưng Yên có sức chứa 60.000 chỗ ngồi đạt tiêu chuẩn FIFA, đủ điều kiện đăng cai các trận đấu Giải vô địch bóng đá thế giới (World Cup) và các giải đấu khu vực, châu lục.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đóng vai trò là vệ tinh kết nối tổ chức các đại hội thể thao lớn, tạo sự lan tỏa và thúc đẩy phong trào thể dục thể thao liên vùng (như Hưng Yên, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Huế, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Vĩnh Long, Điện Biên, Lạng Sơn...) các khu liên hợp thể thao hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn tổ chức các môn thể thao trọng điểm của Việt Nam có khả năng dành huy chương tại các đại hội thể thao châu lục (ASIAD) và thế giới (Olympic). Các khu liên hợp thể thao có sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi hoặc khu thi đấu dưới nước.

- Xây dựng, nâng cấp các trung tâm hoạt động thể thao (sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi...) trong ngành giáo dục – đào tạo nhằm tăng cường giáo dục, rèn luyện thể dục thể thao, nâng cao thể lực, tầm vóc, sức khỏe học sinh, sinh viên; ưu tiên đầu tư cơ sở thể dục thể thao hiện đại, quy mô cho các Đại học quốc gia, Đại học vùng, các khu vực đô thị tập trung nhiều cơ sở giáo dục- đào tạo, địa bàn

có khu công nghiệp quy mô, và xây dựng các cơ sở thể dục thể thao tại địa bàn có điều kiện khó khăn. Có cơ chế phối hợp liên ngành giữa lĩnh vực văn hóa, thể thao và giáo dục trong quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở thể thao để nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Xây dựng các trung tâm hoạt động thể thao theo hướng mô hình quản trị thông minh, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, có sự thân thiện với môi trường, không chỉ là nơi thi đấu, mà còn có chức năng tổ chức các sự kiện văn hóa, thúc đẩy kinh tế dịch vụ và du lịch sự kiện nhằm thúc đẩy công nghiệp văn hoá và công nghiệp thể thao. Chuyển đổi công năng linh hoạt các cơ sở thể thao để tổ chức các sự kiện, nghệ thuật, hội chợ, dịch vụ thương mại, du lịch, các giải đấu esports toàn cầu hay liên kết tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn tận dụng tối đa hạ tầng huấn luyện sẵn có. Việc đầu tư được thực hiện dựa trên nhu cầu thực tế và khả năng huy động nguồn lực linh hoạt, đảm bảo tính bền vững và hiệu quả sử dụng sau các sự kiện lớn.

### *c) Mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao*

- Nâng cấp, hiện đại hóa toàn diện hệ thống cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao quốc gia hướng tới mô hình tự chủ và chuyên nghiệp hóa cao. Hoàn thành xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu thể dục, thể thao quốc gia, từng bước ứng dụng, khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu, đào tạo thể thao chuyên sâu.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường năng khiếu thể dục thể thao tại các tỉnh nhằm xây dựng lực lượng hạt nhân cho các phong trào thể dục thể thao quần chúng và phát triển thể thao thành tích cao, tạo nguồn cung cấp vận động viên cho các đội tuyển quốc gia. Các trường phối hợp chặt chẽ với các trung tâm huấn luyện thể thao để huấn luyện chuyên sâu, đảm bảo sự xuyên suốt trong lộ trình phát triển sự nghiệp của vận động viên.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị cho các cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành thể thao như: Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam (phát triển trung tâm nghiên cứu ứng dụng y sinh học công nghệ cao trong thể thao), các Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học, trường đại học thể dục thể thao theo hướng chuyên đổi số, có hệ thống quản trị hiện đại, thông minh, chuyên

nghiệp; đẩy mạnh vai trò của các cơ sở trong việc tư vấn chính sách, nghiên cứu chuyên sâu về kinh tế thể thao và quản trị thể thao hiện đại để tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội. Khuyến khích các địa phương, ngành Quân đội và Công an chủ động tối ưu hóa cơ sở vật chất, tạo điều kiện tốt nhất cho công tác tuyển chọn và đào tạo sơ cấp, trung cấp. Thực hiện mô hình liên kết đào tạo với các cường quốc thể thao để sinh viên Việt Nam có thể tiếp cận trình độ quản trị và y học thể thao tiên tiến.

*d) Mạng lưới cơ sở dịch vụ thể thao và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên*

- Xây dựng hệ sinh thái y học thể thao công nghệ cao. Đầu tư mạng lưới cơ sở chữa trị chấn thương và phục hồi chức năng vận động theo hướng chuyên sâu. Áp dụng kỹ thuật cao trong chẩn đoán, điều trị và phục hồi cho vận động viên, trọng tài, huấn luyện viên, người làm công tác thể thao và nhân dân. Nâng cấp Bệnh viện Thể thao Việt Nam trở thành trung tâm khám bệnh, chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng cho vận động viên đạt trình độ khu vực và quốc tế, dẫn dắt công tác y học thể thao toàn quốc. Mở rộng mạng lưới cơ sở phía Nam: xây dựng Bệnh viện thể thao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Ứng dụng công nghệ số trong y học thể thao, đặc biệt các công nghệ trong xây dựng dữ liệu sức khỏe số, y học phục hồi cá nhân hóa và khám, điều trị từ xa thông qua kết nối trực tuyến giữa các chuyên gia tại Bệnh viện Thể thao Trung ương với các trung tâm huấn luyện vùng để xử lý kịp thời các ca chấn thương.

***2.3. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở trụ sở cơ quan văn hóa, thể thao***

- Tập trung đầu tư các trụ sở cơ quan văn hoá, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn của ngành và nhu cầu thực tiễn; phát triển các trụ sở theo mô hình "trụ sở xanh và đa năng". Xây dựng trụ sở các cơ quan ngành trở thành những công trình kiến trúc có tính thẩm mỹ cao, thể hiện được bản sắc văn hóa dân tộc kết hợp với tinh thần năng động của thể thao

- Ứng dụng các nền tảng làm việc trực tuyến, quản lý thông minh để tinh gọn quy trình, giảm thiểu chi phí vận hành và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của ngành. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong quy trình vận hành, quản lý để nâng cao hiệu suất làm việc của bộ máy hành chính.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch trụ sở và cơ sở

văn hóa, thể thao trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; tổ chức không gian phát triển theo hướng giảm phụ thuộc vào ranh giới hành chính trung gian, tăng cường tiếp cận theo vùng chức năng, hành lang phát triển và mạng lưới đô thị – nông thôn. Kế thừa và điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn đã được phê duyệt; tăng cường yêu cầu quản lý kiến trúc, gìn giữ bản sắc và tổ chức không gian công cộng phù hợp với đơn vị hành chính mới theo quy định của Luật Kiến trúc.

Trên cơ sở phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao, xác định các dự án có quy mô lớn, tính chất liên vùng, có khả năng lan tỏa và thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ hệ thống thiết chế trong khu vực. Phân bổ dự án dựa trên đặc thù văn hóa - địa lý của từng vùng kinh tế trọng điểm, đảm bảo sự phát triển cân bằng và phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh của mỗi địa phương. Sử dụng vốn ngân sách để tập trung vào các hạ tầng cốt lõi, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và các công trình biểu tượng quốc gia. Thiết lập các cơ chế cởi mở nhằm thu hút vốn tư nhân tham gia đầu tư các cơ sở văn hoá, thể thao trọng điểm, các phân khúc dịch vụ thương mại, giải trí và vận hành thiết chế, tạo ra mô hình hợp tác hỗn hợp hiệu quả. Điều chỉnh danh mục đầu tư linh hoạt theo nhịp độ phát triển kinh tế, đảm bảo tính khả thi và tránh lãng phí nguồn lực xã hội. Đảm bảo mọi hoạt động đầu tư được vận hành trong một hành lang pháp lý minh bạch và chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, ngân sách nhà nước và đất đai. Áp dụng các tiêu chuẩn giám sát hiện đại để đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình và tính minh bạch trong việc sử dụng vốn đầu tư, đặc biệt là các nguồn vốn hỗn hợp.

### **3. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư**

Điều chỉnh danh mục dự án ưu tiên và phân kỳ đầu tư xác định trong Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 mang tính định hướng, làm cơ sở lập từng dự án cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch; có thể được xem xét điều chỉnh, bổ sung căn cứ vào khả năng huy động nguồn lực trong từng giai đoạn quy hoạch (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Việc đầu tư theo danh mục dự án ưu tiên được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy

định (từ việc trình phê duyệt chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư và tổ chức, triển khai thực hiện dự án).

Trong quá trình triển khai cụ thể các dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, người chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình, phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, tiến độ, tình hình thực tiễn và thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan. Danh mục dự án giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đính kèm phụ lục.

## PHẦN IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Nhóm giải pháp chung

#### *1.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách*

Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, bảo đảm đồng bộ về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức kinh tế – kỹ thuật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho đầu tư, quản lý, khai thác và bảo trì mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.

Đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế quản lý và phương thức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với chuyên đổi số và phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt; nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành và sử dụng tài sản công.

Tăng cường xã hội hóa, hoàn thiện cơ chế thu hút nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, mở rộng áp dụng hợp tác công – tư (PPP); khuyến khích khai thác hiệu quả quỹ đất và công trình văn hóa, thể thao nhằm huy động vốn đầu tư, tạo nguồn thu và lợi ích xã hội.

Xây dựng cơ chế khai thác, phát huy giá trị tài nguyên văn hóa gắn với liên kết liên ngành, đặc biệt với du lịch và truyền thông; đồng thời hoàn thiện các quy định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa bền vững.

#### *1.2. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư*

Ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển, nâng cấp và bảo trì mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao, tập trung vào các dự án khó thu hút vốn ngoài ngân sách và các địa bàn khó khăn, nhằm phát huy vai trò thiết yếu của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư; tiếp tục thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quốc tế. Việc đầu tư cần có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các công trình có vai trò động lực, khả năng lan tỏa vùng, miền, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa và kinh tế thể thao.

Khai thác hiệu quả nguồn lực từ tài sản công gắn với mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao thông qua các hình thức nhượng quyền khai thác theo đúng quy định pháp luật; nghiên cứu, triển khai cơ chế khai thác quỹ đất gắn với các công trình văn hóa, thể thao. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, khai thác dịch vụ

liên quan trong phạm vi dự án và tiếp cận các nguồn tín dụng dài hạn với lãi suất ưu đãi.

### ***1.3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực***

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa, thể thao gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực khoa học – công nghệ cho hệ thống các cơ sở đào tạo, đặc biệt là các trường công lập; đồng thời khuyến khích xã hội hóa và đa dạng hóa các loại hình, phương thức đào tạo.

Mở rộng và hoàn thiện các chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực quản lý, y học thể thao, tâm lý thể thao, dinh dưỡng, phục hồi chức năng, phân tích kỹ thuật, kinh tế thể thao và hoạch định chiến lược phát triển thể thao, phù hợp với xu thế phát triển của khu vực và thế giới.

Đổi mới phương thức đào tạo; nâng cao chất lượng chương trình, giáo trình và tài liệu giảng dạy; tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ưu tiên triển khai các chương trình đào tạo về chuyển đổi số, ứng dụng và phát triển công nghệ mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, đầu tư và vận hành mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.

Khuyến khích hình thành mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, nghệ sĩ và chuyên gia trong đào tạo văn hóa, thể thao; nghiên cứu xây dựng chính sách ưu tiên đối với nghệ nhân, nghệ sĩ thực hành di sản ở các loại hình nghệ thuật có nguy cơ mai một.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách tăng cường liên kết giữa mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao với hệ thống giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên tiếp cận, sử dụng và khai thác các thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương, góp phần nâng cao sức khỏe và giáo dục toàn diện.

### ***1.4. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển***

Tăng cường liên kết giữa lĩnh vực văn hóa và thể thao nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực sẵn có, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa

phương và vùng; phát huy vai trò đầu mối, lan tỏa của các địa phương giữ vị trí trung tâm quốc gia, trung tâm vùng trong tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao.

Đẩy mạnh công tác quy hoạch, bảo quản, tu bổ và phục hồi di sản; hoàn thành việc khoanh vùng, cắm mốc bảo vệ các di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt, gắn bảo tồn với phát huy giá trị, hình thành các điểm đến du lịch hấp dẫn, nhất là tại các di tích, danh lam thắng cảnh đóng vai trò hạt nhân của trung tâm du lịch và khu du lịch quốc gia.

Thúc đẩy liên kết phát triển văn hóa, thể thao theo các vùng kinh tế – xã hội và các hành lang kinh tế trọng điểm, như hành lang Bắc – Nam, Đông – Tây, các trục kết nối cửa khẩu quốc tế, Tây Nguyên – Đông Nam Bộ và Tây Nguyên – duyên hải Nam Trung Bộ, qua đó tăng cường kết nối vùng và phát huy động lực phát triển.

Đẩy mạnh liên kết giữa văn hóa, thể thao với du lịch và các lĩnh vực liên quan như phát triển đô thị, thương mại – dịch vụ, góp phần hình thành các chuỗi sản phẩm và không gian phát triển tích hợp, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và giá trị gia tăng.

### ***1.5. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền***

Nâng cao nhận thức của các tầng lớp xã hội về vị trí, vai trò của quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trong phát triển kinh tế – xã hội, phát triển con người và bảo đảm quyền hưởng thụ văn hóa, thể thao của Nhân dân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng nhằm thu hút sự quan tâm và tham gia của xã hội, tạo điều kiện huy động các nguồn lực đầu tư, đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao. Đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông; tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại và nền tảng số.

Phát triển hệ sinh thái truyền thông gắn với mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao, tập trung truyền thông về chủ trương, chính sách, cơ chế, đặc biệt trong thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

### ***1.6. Giải pháp về hợp tác quốc tế***

Chủ động xây dựng lộ trình và kế hoạch mở rộng hợp tác quốc tế, ưu tiên các quốc gia có thế mạnh về công nghiệp văn hóa, kinh tế thể thao và thể thao

thành tích cao; tăng cường hợp tác đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tiếp thu kinh nghiệm quản lý và ứng dụng khoa học – công nghệ tiên tiến.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng dụng khoa học – công nghệ, đặc biệt là các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào quản lý, đầu tư xây dựng và vận hành mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.

Tăng cường phối hợp tổ chức các sự kiện, chương trình, công trình văn hóa và thể thao mang tính quốc tế và hợp tác hữu nghị; chủ động đăng cai các sự kiện văn hóa, thể thao quốc tế lớn tại Việt Nam, góp phần quảng bá hình ảnh quốc gia, mở rộng thị trường và nâng cao vị thế văn hóa, thể thao Việt Nam trên trường quốc tế.

### ***1.7. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ***

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao; đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, ưu tiên xử lý chất thải và ô nhiễm môi trường; đồng thời tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Tận dụng hiệu quả các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phù hợp với kinh tế số, xã hội số và công dân số, trong xây dựng cơ chế quản lý, vận hành mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đầu tư, xây dựng, khai thác và vận hành; áp dụng khoa học – công nghệ mới trong đào tạo nhân lực, đặc biệt ở các lĩnh vực như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn và thể thao thành tích cao.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tiên tiến nhằm phát triển công nghiệp văn hóa và kinh tế thể thao; tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước tham gia sâu vào chuỗi giá trị và hệ sinh thái dịch vụ phụ trợ, nhất là trong các lĩnh vực có lợi thế và nhu cầu xã hội cao.

Ứng dụng khoa học – công nghệ trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về văn hóa, thể thao; phát triển các phần mềm hỗ trợ lập kế hoạch đầu tư, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.

Phát triển hạ tầng công nghệ đồng bộ, hiện đại; đầu tư xây dựng hệ thống thư viện số, dữ liệu thống kê và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hóa, nghệ thuật bảo đảm kết nối, tích hợp với các hệ cơ sở dữ liệu quốc gia; tăng cường

ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt

### ***1.8. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động***

Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết của các đơn vị trong lĩnh vực văn hóa và thể thao.

Liên thông cơ sở dữ liệu ngành văn hóa và thể thao từ trung ương đến địa phương để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lưu trữ, đồng thời tạo thuận lợi trong công tác khai thác thông tin phục vụ xây dựng các chương trình, dự án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao mang tính hệ thống, công khai và bền vững, thuận lợi cho công tác quản lý ngành, báo cáo, thống kê số liệu, chia sẻ cơ sở dữ liệu.

Kiện toàn mô hình tổ chức quản lý, khai thác hệ thống cơ sở vật chất của mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao; thực hiện triệt để tách bạch giữa quản lý của cơ quan nhà nước với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, với kinh doanh các dịch vụ văn hóa và thể thao trong mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao do Nhà nước đầu tư.

Định kỳ khảo sát, đánh giá hiện trạng, công tác quản lý, khai thác các công trình thuộc mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao, bảo đảm việc đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình thực hiện theo đúng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao với hệ thống các chiến lược, quy hoạch liên quan như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị...

## **2. Nhóm giải pháp cụ thể phát triển mạng lưới cơ sở văn hoá**

### ***2.1. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở bảo tàng***

Tập trung huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội để hoàn thiện, mở rộng và hiện đại hóa mạng lưới bảo tàng từ Trung ương đến địa phương; lấy hệ thống bảo tàng quốc gia làm hạt nhân, giữ vai trò dẫn dắt và lan tỏa, đồng thời phát triển đồng bộ giữa bảo tàng công lập và bảo tàng ngoài công lập. Thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động bảo tàng theo hướng từ chức năng chủ yếu là lưu giữ, trưng bày hiện vật sang mô hình trung tâm thông

tin, giáo dục và trải nghiệm văn hóa, có khả năng tạo ra giá trị gia tăng, đóng góp trực tiếp cho phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa.

a) Đối với hệ thống bảo tàng cấp quốc gia và các bộ, ngành:

Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công để nâng cấp, cải tạo các bảo tàng quốc gia có vai trò nòng cốt, từng bước đưa các thiết chế này trở thành sản phẩm du lịch văn hóa chủ lực, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế và nâng cao hình ảnh quốc gia. Trọng tâm đầu tư bao gồm Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam và Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Song song với việc nâng cấp các bảo tàng hiện có, khẩn trương nghiên cứu và triển khai xây dựng mới các bảo tàng chuyên ngành có tính cấp thiết và tầm vóc quốc gia như Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bảo tàng Giáo dục Việt Nam, Bảo tàng Kiến trúc Việt Nam và Bảo tàng Nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Các công trình xây dựng mới cần áp dụng các tiêu chuẩn kiến trúc xanh, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, công nghệ tiết kiệm năng lượng, hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn trong quản lý và vận hành bảo tàng.

Đối với các bảo tàng thuộc các bộ, ngành như Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, tổ chức rà soát, sắp xếp và tích hợp các dự án liên quan theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chẳng hạn như tích hợp thư viện với bảo tàng chuyên ngành, nhằm tối ưu hóa bộ máy quản lý, giảm biên chế hành chính, đồng thời tăng cường đội ngũ nhân lực chuyên môn có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bảo tàng hiện đại.

b) Đối với hệ thống bảo tàng cấp tỉnh và địa phương:

Các địa phương chủ động rà soát, tái cấu trúc mạng lưới bảo tàng phù hợp với địa giới hành chính mới và mô hình chính quyền hai cấp. Đối với các địa phương thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, nghiên cứu phương án sáp nhập bảo tàng tỉnh với thư viện tỉnh hoặc trung tâm văn hóa để hình thành thiết chế văn hóa tổng hợp, đa năng trong trường hợp quy mô nhỏ, hoặc tiếp tục duy trì mô hình bảo tàng độc lập nhưng mở rộng phạm vi phục vụ theo hướng liên vùng nhằm khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các bảo tàng cấp tỉnh có vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa vùng, miền,

tiêu biểu như Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu, Thanh Hóa, Hà Tĩnh; Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế; Bảo tàng Trường Sa, Bảo tàng Yersin tại Khánh Hòa; Bảo tàng Văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ. Các bảo tàng này cần được định hướng trở thành điểm nhấn văn hóa, du lịch của địa phương và khu vực.

Đổi mới cơ chế quản lý bảo tàng công lập theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, tài chính và hoạt động chuyên môn. Khuyến khích áp dụng mô hình kết hợp giữa quản lý nhà nước và phương thức quản trị hiện đại của khu vực tư nhân trong việc cung ứng các dịch vụ hỗ trợ tại bảo tàng nhằm đa dạng hóa nguồn thu, nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

#### c) Đẩy mạnh chuyên đổi số và phát triển bảo tàng số

Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại để phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động bảo tàng. Tăng cường ứng dụng các công nghệ như thực tế ảo, thực tế tăng cường, mô hình ba chiều và trí tuệ nhân tạo trong công tác trưng bày, bảo quản, quản lý hiện vật và phục vụ khách tham quan. Phấn đấu hoàn thành số hóa một trăm phần trăm di sản văn hóa, hiện vật và bảo vật quốc gia đã được xếp hạng, tạo nền tảng cho việc khai thác, chia sẻ và phát huy giá trị di sản trong môi trường số.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số quốc gia về di sản văn hóa, bảo đảm kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành và bảo tàng cấp tỉnh. Trên cơ sở đó hình thành mạng lưới bảo tàng không giới hạn bởi không gian vật lý, tạo điều kiện để người dân ở vùng sâu, vùng xa tiếp cận các giá trị văn hóa thông qua môi trường mạng, khắc phục hạn chế về khoảng cách địa lý trong bối cảnh tinh gọn bộ máy hành chính và đổi mới phương thức cung ứng dịch vụ công.

#### d) Khuyến khích kinh tế tư nhân và xã hội hóa hoạt động bảo tàng

Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai và tín dụng nhằm thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thành lập, đầu tư và vận hành bảo tàng ngoài công lập, bảo tàng tư nhân và các bộ sưu tập chuyên đề có giá trị, độc đáo. Xác định đây là một kênh quan trọng nhằm giảm áp lực đầu tư công, đồng thời đa dạng hóa sản phẩm văn hóa và không gian hưởng thụ văn hóa của xã hội.

Khuyến khích các bảo tàng phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn và mở rộng các dịch vụ văn hóa gắn với giáo dục, trải nghiệm sáng tạo. Tăng cường sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lưu niệm, quà tặng văn hóa có giá trị thẩm mỹ và giáo dục, ưu tiên sử dụng vật liệu tái chế, thân thiện môi trường. Mở rộng các dịch vụ giáo dục, trải nghiệm tại bảo tàng theo hình thức đối tác công tư nhằm thu hút khách du lịch, gia tăng nguồn thu và đóng góp thiết thực cho mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa.

## **2.2. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở thư viện**

Mục tiêu phát triển mạng lưới thư viện theo hướng hiện đại, đồng bộ và linh hoạt, từng bước chuyển đổi từ mô hình kho sách truyền thống sang mô hình trung tâm tri thức, không gian sáng tạo và học tập cộng đồng. Lấy chuyển đổi số làm động lực chủ yếu để tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả nguồn lực thông tin, khắc phục những hạn chế về địa giới hành chính, quy mô tổ chức và nhân sự trong mô hình chính quyền mới.

*a) Đối với Thư viện Quốc gia và hệ thống thư viện chuyên ngành: Hiện đại hóa và số hóa tập trung*

Tập trung nguồn lực ngân sách Trung ương để đầu tư chiều sâu cho Thư viện Quốc gia Việt Nam theo hướng hiện đại, từng bước nâng cao năng lực phục vụ, tiệm cận trình độ của các thư viện tiên tiến trong khu vực. Đồng thời nghiên cứu xây dựng Trung tâm bảo quản dữ liệu số quốc gia gắn với Thư viện Quốc gia, đóng vai trò hạt nhân lưu trữ, điều phối và chia sẻ tài nguyên số cho toàn bộ hệ thống thư viện trên phạm vi cả nước.

Đối với hệ thống thư viện chuyên ngành, ưu tiên đầu tư phát triển một số thư viện trở thành trung tâm tri thức đầu ngành trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, y học và công nghệ. Đối với lực lượng vũ trang, tiếp tục triển khai mô hình tổ chức tinh gọn, hiệu quả thông qua việc tích hợp, dùng chung hạ tầng và dữ liệu, tiêu biểu như mô hình Thư viện tích hợp với Bảo tàng Công an nhân dân của Bộ Công an hoặc việc xây dựng hệ thống thư viện số dùng chung trong toàn quân của Bộ Quốc phòng.

*b) Đối với hệ thống thư viện công cộng địa phương: Thích ứng linh hoạt với sắp xếp đơn vị hành chính*

Ưu tiên đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các thư viện công cộng cấp tỉnh tại các đô thị hạt nhân, giữ vai trò động lực phát triển vùng như Hà Nội, Thành

phố Hồ Chí Minh với dự án Thư viện Thiếu nhi, Đà Nẵng với Thư viện Khoa học Tổng hợp, Cần Thơ với dự án xây mới Thư viện thành phố, cùng các tỉnh Nghệ An, Khánh Hòa, Đắk Lắk. Các thư viện này không chỉ phục vụ nhu cầu đọc và học tập của địa phương mà còn có trách nhiệm chia sẻ tài nguyên thông tin, hỗ trợ chuyên môn cho các địa phương lân cận trong vùng.

Đối với các địa phương thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính hoặc tổ chức theo mô hình chính quyền hai cấp tỉnh và xã, thực hiện sắp xếp lại hệ thống thư viện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, kiên quyết không duy trì bộ máy thư viện cấp huyện công kênh. Theo đó, chuyển đổi các thư viện cấp huyện cũ thành chi nhánh hoặc thư viện vệ tinh trực thuộc Thư viện tỉnh, hoặc sáp nhập vào Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp xã để sử dụng chung cơ sở vật chất và nhân sự hành chính. Khuyến khích áp dụng mô hình tổ hợp bảo tàng và thư viện dùng chung hạ tầng và bộ máy quản lý tại những địa phương có quy mô phù hợp như mô hình đang triển khai tại Ninh Bình và Lào Cai, qua đó tiết kiệm ngân sách và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

Tập trung hoàn thành các dự án thư viện và lưu trữ trọng điểm có ý nghĩa quốc gia và vùng như Thư viện Hoàng cung Huế và Trung tâm Lưu trữ quốc gia tại Thành phố Huế, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản tư liệu và phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục và du lịch văn hóa.

#### c) Chuyển đổi số toàn diện: Xây dựng thư viện không biên giới

Khắc phục triệt để tình trạng phân tán, cát cứ dữ liệu và thiếu đồng bộ về phần mềm quản lý thư viện thông qua việc xây dựng nền tảng thư viện số quốc gia thống nhất. Tập trung phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung, tài nguyên thông tin mở và hệ thống liên thông dữ liệu giữa các thư viện từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm người dân ở mọi khu vực, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới và hải đảo, đều có thể tiếp cận tài nguyên thư viện thông qua internet.

Đẩy mạnh số hóa các tài liệu cổ, quý hiếm, tài liệu địa chí và các bộ sưu tập có giá trị đặc biệt nhằm bảo tồn lâu dài và mở rộng khả năng khai thác, phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục và phát triển kinh tế tri thức. Tiếp tục nhân rộng các mô hình số hóa hiệu quả đã được triển khai tại một số địa phương như Hưng Yên và Hải Phòng.

#### d) Xã hội hóa và phát triển văn hóa đọc gắn với kinh tế tri thức

Khuyến khích đa dạng hóa các mô hình thư viện ngoài công lập thông qua việc phát triển thư viện tư nhân, tủ sách dòng họ, không gian đọc sách sáng tạo và các mô hình kết hợp không gian làm việc chung có thư viện do doanh nghiệp và cá nhân đầu tư. Qua đó mở rộng không gian tiếp cận tri thức, thúc đẩy hình thành xã hội học tập và kinh tế tri thức.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới thư viện lưu động đa phương tiện, tăng cường tổ chức các chuyến xe thư viện lưu động và luân chuyển sách về cơ sở, nhất là tại các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở phát huy các mô hình hiệu quả đã triển khai tại Yên Bái và Lào Cai.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục và đào tạo trong việc phát triển hệ thống thư viện trường học đạt chuẩn, gắn hoạt động thư viện với đổi mới phương pháp dạy và học, hình thành thói quen đọc sách, năng lực tự học và kỹ năng tiếp cận tri thức cho thế hệ công dân số trong tương lai.

### ***2.3. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở điện ảnh***

Chuyển đổi mạnh mẽ mô hình phát triển điện ảnh từ cơ chế tuyên truyền bao cấp sang định hướng phát triển điện ảnh như một ngành công nghiệp văn hóa mũi nhọn, có khả năng tạo giá trị gia tăng cao và đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế. Phát triển hệ thống hạ tầng điện ảnh theo hướng công nghệ cao, đồng bộ từ khâu sản xuất, phát hành đến phổ biến phim; kết hợp hài hòa giữa đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm cho các trung tâm đầu tàu và đẩy mạnh xã hội hóa trong xây dựng, vận hành hệ thống rạp chiếu phim và phim trường.

*a) Đối với cơ sở sản xuất phim, phim trường: Hiện đại hóa và hợp tác công – tư*

Tập trung nguồn lực đầu tư có chọn lọc, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò vốn môi, kết hợp với hình thức hợp tác công – tư để nâng cấp, mở rộng Trường quay Cổ Loa tại Hà Nội trở thành phim trường quốc gia hiện đại, có năng lực sản xuất và cung cấp dịch vụ kỹ thuật điện ảnh chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và từng bước tham gia thị trường khu vực. Khuyến khích các tập đoàn tư nhân tham gia đầu tư các khu chức năng dịch vụ, giải trí và du lịch điện ảnh trong khuôn viên trường quay nhằm tạo nguồn thu bền vững, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

Song song với đó, xây dựng cơ chế hỗ trợ về quy hoạch, quỹ đất và chính sách ưu đãi để Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương miền Trung, miền Nam như Đà Nẵng và Khánh Hòa thu hút đầu tư xây dựng các phim trường vệ tinh, bao gồm trường quay nội cảnh, ngoại cảnh, phim trường biển và phim trường công nghệ cao. Việc hình thành mạng lưới phim trường vùng sẽ góp phần khắc phục tình trạng thiếu hụt hạ tầng sản xuất, giảm chi phí hậu kỳ tại nước ngoài và nâng cao năng lực cạnh tranh của điện ảnh Việt Nam.

Quy hoạch phát triển phim trường gắn kết chặt chẽ với du lịch, từng bước hình thành mô hình phim trường kết hợp điểm đến du lịch tại các địa phương có lợi thế về cảnh quan và văn hóa như Quảng Ninh, Phú Yên và Khánh Hòa, qua đó biến bối cảnh phim thành sản phẩm du lịch đặc thù, thu hút khách quốc tế và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

*b) Đối với mạng lưới cơ sở phổ biến phim ( rạp chiếu và trung tâm điện ảnh)*

Tập trung đầu tư nâng cấp Trung tâm Chiếu phim Quốc gia tại Hà Nội lên quy mô cấp đặc biệt, đủ năng lực tổ chức các liên hoan phim quốc tế và sự kiện điện ảnh lớn. Đồng thời nghiên cứu xây dựng Trung tâm Chiếu phim Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh và cơ sở thứ hai tại Thành phố Huế theo hướng tổ hợp văn hóa, giải trí đa năng, hiện đại, gắn với quảng bá hình ảnh quốc gia và phát triển công nghiệp điện ảnh.

Thực hiện xã hội hóa triệt để hệ thống rạp chiếu phim thương mại, khuyến khích tối đa khu vực kinh tế tư nhân đầu tư phát triển rạp chiếu phim tại các đô thị và trung tâm thương mại. Nhà nước không đầu tư dàn trải vào các rạp chiếu phim công lập tại địa phương nếu hoạt động không hiệu quả. Đối với các rạp chiếu phim nhà nước cũ, xuống cấp tại một số địa phương như Lào Cai, Cần Thơ và Ninh Bình, kiên quyết thực hiện cổ phần hóa, chuyển đổi công năng hoặc hợp tác kinh doanh để tránh lãng phí quỹ đất và tài sản công.

Tại các địa phương thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính hoặc không duy trì rạp chiếu phim độc lập, chức năng chiếu phim được tích hợp vào Trung tâm Văn hóa – Nghệ thuật cấp tỉnh hoặc Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã. Đầu tư trang bị hệ thống máy chiếu kỹ thuật số di động và phòng chiếu đa năng trong các thiết chế này nhằm vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị, vừa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, giải trí của người dân, phù hợp với yêu cầu tinh gọn bộ máy.

*c) Mạng lưới chiếu phim lưu động: Chuyển đổi số và phủ sóng vùng lõm*

Tiếp tục duy trì và nâng cấp hệ thống trang thiết bị kỹ thuật số cho khoảng 190 đội chiếu phim lưu động nhằm phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, nơi khu vực tư nhân không có điều kiện đầu tư rạp chiếu phim. Từng bước chuyển đổi từ hình thức chiếu phim nhựa và băng đĩa sang chiếu phim bằng tệp số, kết hợp trình chiếu nội dung tuyên truyền chính sách và thông tin thiết yếu thông qua các thiết bị màn hình LED di động.

Tại các xã, thôn sau sáp nhập, tận dụng hội trường Trung tâm Văn hóa xã hoặc Nhà văn hóa thôn để tổ chức các buổi chiếu phim định kỳ theo mô hình rạp chiếu phim cộng đồng, gắn hoạt động chiếu phim với sinh hoạt văn hóa cộng đồng, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và đời sống tinh thần của người dân khu vực nông thôn.

*d) Phát triển hạ tầng điện ảnh số và lưu trữ phim*

Nghiên cứu xây dựng và vận hành nền tảng phân phối phim số quốc gia hoặc hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ để phổ biến rộng rãi các tác phẩm điện ảnh kinh điển, phim tài liệu và phim do Nhà nước đặt hàng đến công chúng trong nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Qua đó mở rộng khả năng tiếp cận tác phẩm điện ảnh, gia tăng sức lan tỏa và sức mạnh mềm văn hóa của quốc gia.

Đầu tư nâng cấp Viện Phim Việt Nam và các cơ sở lưu trữ điện ảnh nhằm thực hiện số hóa, phục chế toàn bộ kho phim nhựa lịch sử. Ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong quản lý dữ liệu điện ảnh, khai thác tư liệu và quảng bá tác phẩm, bảo đảm lưu giữ lâu dài di sản điện ảnh quốc gia.

*e) Thúc đẩy kinh tế điện ảnh và tăng trưởng xanh*

Phát triển đồng bộ các ngành dịch vụ hỗ trợ điện ảnh như đạo cụ, phục trang, kỹ xảo và hậu kỳ để từng bước tham gia sâu vào chuỗi cung ứng điện ảnh toàn cầu. Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào lĩnh vực kỹ xảo điện ảnh, hoạt hình ba chiều và các công nghệ sản xuất nội dung số nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh của điện ảnh Việt Nam.

Từng bước áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất xanh trong hoạt động điện ảnh, bao gồm sử dụng vật liệu tái chế cho bối cảnh, tiết kiệm năng lượng tại phim trường và rạp chiếu, giảm thiểu rác thải nhựa trong quá trình sản xuất và phát hành

phim, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững ngành công nghiệp điện ảnh.

#### ***2.4. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn***

Chuyển đổi tư duy đầu tư từ cơ chế bao cấp, chủ yếu phục vụ nhiệm vụ chính trị đơn thuần sang phát triển hạ tầng công nghiệp biểu diễn, coi các nhà hát và trung tâm nghệ thuật là các thiết chế sản xuất sản phẩm văn hóa chuyên nghiệp, có khả năng tạo doanh thu, đóng góp trực tiếp vào phát triển kinh tế đêm và tăng trưởng GRDP. Việc quy hoạch và đầu tư mạng lưới cơ sở nghệ thuật biểu diễn được thực hiện theo hướng tập trung, tích hợp chức năng và đa năng hóa công năng sử dụng, tránh đầu tư dàn trải, manh mún.

*a) Đối với các đơn vị nghệ thuật Trung ương: Tinh gọn bộ máy, dùng chung hạ tầng hiện đại*

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các tổ hợp nghệ thuật biểu diễn quy mô lớn, đóng vai trò hạ tầng dùng chung cho các đơn vị nghệ thuật Trung ương sau sáp nhập, thay cho mô hình đầu tư riêng lẻ, phân tán cho từng đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng trụ sở và không gian biểu diễn hiện đại cho Nhà hát Sân khấu truyền thống Quốc gia Việt Nam hình thành từ việc hợp nhất các nhà hát chèo, tuồng và cải lương, đồng thời xây dựng không gian biểu diễn mới cho Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Quốc gia Việt Nam được sáp nhập từ các đơn vị nghệ thuật cùng lĩnh vực.

Đầu tư xây dựng Trung tâm Nghệ thuật Biểu diễn Quốc gia tại Hà Nội với hệ thống công nghệ sân khấu tiên tiến, đáp ứng yêu cầu tổ chức các chương trình nghệ thuật quy mô lớn, các show diễn thực cảnh và sự kiện quốc tế, từng bước hình thành biểu tượng văn hóa mới của quốc gia.

Phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, nghệ thuật hiện đại của lực lượng vũ trang, đặc biệt là các công trình do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đầu tư, nhằm phục vụ đồng thời nhiệm vụ chính trị và hoạt động biểu diễn nghệ thuật chất lượng cao theo cơ chế khai thác hợp lý, qua đó giảm áp lực đầu tư mới từ ngân sách nhà nước.

*b) Đối với hệ thống thiết chế địa phương*

Ưu tiên bố trí quỹ đất và nguồn vốn môi để đầu tư xây dựng các công trình nghệ thuật biểu diễn đẳng cấp tại các đô thị hạt nhân, đóng vai trò động lực phát

triển du lịch và kinh tế vùng. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, tập trung tháo gỡ các vướng mắc để sớm triển khai xây dựng Nhà hát Giao hưởng, Nhạc và Vũ kịch tại khu đô thị Thủ Thiêm và Nhà hát Tổng hợp quốc gia, đáp ứng nhu cầu không gian biểu diễn đạt chuẩn quốc tế của trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.

Tại Hà Nội, nghiên cứu đầu tư xây dựng Nhà hát Opera mới và tổ hợp trung tâm nghệ thuật biểu diễn cấp đặc biệt với quy mô lớn, khẳng định vị thế Thủ đô sáng tạo và trung tâm văn hóa nghệ thuật của quốc gia. Tại Đà Nẵng và Huế, đầu tư xây dựng tổ hợp trung tâm nghệ thuật biểu diễn tại Đà Nẵng và nâng cấp Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh thành phố Huế thành trung tâm tổ chức sự kiện và biểu diễn hiện đại cấp vùng. Tại Cần Thơ, nghiên cứu nâng cấp, mở rộng Nhà hát Tây Đô hoặc xây dựng mới nhà hát thành phố để trở thành trung tâm biểu diễn nghệ thuật của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Đối với các địa phương thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, không tiếp tục duy trì các đoàn nghệ thuật hoạt động kém hiệu quả. Chuyển đổi các Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh và cấp huyện thành Trung tâm Nghệ thuật và Sự kiện đa năng, tích hợp chức năng biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, triển lãm và hội nghị nhằm tối ưu hóa công suất sử dụng cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả đầu tư.

#### *c) Phát triển công nghiệp biểu diễn và hợp tác công – tư*

Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị nghệ thuật công lập, tăng quyền chủ động về tài chính và tổ chức hoạt động, cho phép liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp giải trí và công ty tổ chức sự kiện để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất ngoài giờ hành chính, tạo thêm nguồn thu hợp pháp.

Khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân đầu tư xây dựng các quần thể du lịch, giải trí có tích hợp sân khấu biểu diễn thực cảnh quy mô lớn tại các địa phương có tiềm năng du lịch như Phú Quốc, Hội An, Nha Trang. Áp dụng các cơ chế ưu đãi về đất đai, thuế và thủ tục đầu tư đối với các dự án xây dựng nhà hát tư nhân và trung tâm sáng tạo nghệ thuật, từng bước hình thành thị trường công nghiệp biểu diễn chuyên nghiệp.

#### *d) Chuyển đổi số: Nhà hát số và sân khấu trực tuyến*

Đầu tư trang thiết bị hiện đại để ghi hình, số hóa các vở diễn kinh điển và các chương trình nghệ thuật chất lượng cao theo chuẩn công nghệ tiên tiến, phục vụ lưu trữ, quảng bá và khai thác lâu dài.

Xây dựng và vận hành nền tảng biểu diễn nghệ thuật trực tuyến, cho phép khán giả trong và ngoài nước tiếp cận các chương trình biểu diễn thông qua hình thức phát trực tiếp hoặc xem lại có thu phí, qua đó mở rộng thị trường khán giả, vượt qua giới hạn không gian vật lý của nhà hát truyền thống và gia tăng giá trị kinh tế cho hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

## ***2.5. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở triển lãm văn hóa nghệ thuật***

Chuyển đổi căn bản tư duy phát triển hệ thống triển lãm từ mô hình nhà trưng bày mang tính tuyên truyền, hành chính sang mô hình không gian công nghiệp sáng tạo và thị trường nghệ thuật. Phát triển mạng lưới cơ sở triển lãm theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có khả năng kết nối quốc tế, lấy các trung tâm triển lãm quốc gia làm hạt nhân, qua đó thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường mỹ thuật, nhiếp ảnh trong nước, từng bước tham gia xuất khẩu sản phẩm văn hóa và gia tăng sức mạnh mềm quốc gia.

*a) Xây dựng các Trung tâm Triển lãm Quốc gia: Động lực cho công nghiệp văn hóa và thương mại*

Tại Hà Nội, tập trung nguồn lực và áp dụng cơ chế đặc thù để hoàn thiện Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia tại khu vực Đông Anh theo hình thức hợp tác công – tư, phân đầu đưa công trình này vào nhóm các trung tâm triển lãm hàng đầu thế giới, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch MICE và công nghiệp văn hóa của Thủ đô. Đồng thời, nghiên cứu đầu tư xây dựng mới Trung tâm Triển lãm Văn hóa, Nghệ thuật Việt Nam theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện triển lãm quy mô quốc gia và quốc tế.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, khẩn trương tháo gỡ các điểm nghẽn về quỹ đất và nguồn vốn để triển khai xây dựng Nhà Triển lãm Quốc gia, khắc phục tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng không gian triển lãm chuyên nghiệp tại trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, qua đó tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ thị trường nghệ thuật khu vực phía Nam.

Tại thành phố Huế, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Trung tâm Triển lãm văn hóa, nghệ thuật quốc gia trên quỹ đất đã được bố trí, hình thành điểm nhấn văn hóa mới của đô thị di sản, đồng thời tăng cường kết nối và lan tỏa các hoạt động triển lãm trong khu vực miền Trung.

*b) Phát triển mạng lưới triển lãm địa phương: Thích ứng với mô hình chính quyền hai cấp và liên kết vùng*

Ưu tiên đầu tư xây dựng các trung tâm và nhà triển lãm cấp tỉnh tại những địa phương có vai trò là cửa ngõ giao lưu văn hóa, kinh tế biên mậu và đối ngoại như Lào Cai, Điện Biên, Lạng Sơn, An Giang và Đồng Nai. Các thiết chế này không chỉ phục vụ nhu cầu triển lãm của địa phương mà còn là không gian tổ chức các hội chợ, triển lãm thương mại và văn hóa quốc tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm văn hóa và giao lưu khu vực.

Đối với các địa phương thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính hoặc không đủ điều kiện đầu tư nhà triển lãm chuyên biệt, kiên quyết không đầu tư dàn trải, manh mún. Thay vào đó, thực hiện tích hợp không gian triển lãm vào Trung tâm Văn hóa – Nghệ thuật cấp tỉnh hoặc Bảo tàng tỉnh theo hướng đa năng, dùng chung hạ tầng và bộ máy quản lý. Đối với cấp xã trong mô hình chính quyền hai cấp, sử dụng linh hoạt các trung tâm văn hóa – thể thao, không gian công cộng, phố đi bộ và quảng trường để tổ chức các hoạt động triển lãm ngoài trời, triển lãm cộng đồng, qua đó tiết kiệm chi phí vận hành và mở rộng khả năng tiếp cận của người dân.

#### *c) Chuyển đổi số và hình thành sản giao dịch nghệ thuật số*

Xây dựng nền tảng triển lãm số quốc gia, cho phép các nghệ sĩ, tổ chức và đơn vị chuyên môn tổ chức triển lãm trực tuyến, trưng bày tác phẩm nghệ thuật dưới hình thức không gian ảo ba chiều và thực tế ảo. Đây là giải pháp then chốt nhằm đưa tác phẩm nghệ thuật Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế với chi phí hợp lý, mở rộng đối tượng công chúng và nâng cao khả năng quảng bá hình ảnh văn hóa quốc gia.

Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như chuỗi khối và dữ liệu lớn trong định danh, xác thực nguồn gốc tác phẩm nghệ thuật, quản lý bản quyền và minh bạch hóa các giao dịch mua bán. Từng bước khuyến khích hình thành các sàn giao dịch tác phẩm nghệ thuật số, thúc đẩy phát triển kinh tế số trong lĩnh vực mỹ thuật và nhiếp ảnh.

#### *d) Xã hội hóa và phát triển thị trường mỹ thuật*

Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và thủ tục đầu tư để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia xây dựng và vận hành các phòng tranh, trung tâm nghệ thuật đương đại và không gian sáng tạo. Xác định khu vực tư nhân là một cấu phần quan trọng trong việc đa dạng hóa sản phẩm văn hóa, hình thành thị trường nghệ thuật chuyên nghiệp và giảm gánh nặng đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Phát triển đồng bộ các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động triển lãm và thị trường mỹ thuật như giám định, đấu giá, bảo hiểm tác phẩm nghệ thuật và logistics văn hóa. Từng bước chuyển dịch trọng tâm từ các triển lãm mang tính phục vụ nhiệm vụ chính trị đơn thuần sang các triển lãm có khả năng thương mại hóa cao, góp phần trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững công nghiệp văn hóa.

## ***2.6. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa ở trong nước***

Chuyển đổi toàn diện mô hình trung tâm văn hóa từ chức năng chủ yếu là địa điểm hội họp hành chính sang không gian sinh hoạt cộng đồng đa năng, sáng tạo và số hóa. Tập trung giải quyết đồng thời tình trạng dôi dư và thiếu hụt thiết chế sau quá trình sắp xếp đơn vị hành chính; phát triển các mô hình cung ứng dịch vụ công linh hoạt, tăng cường tự chủ tài chính, gắn kết chặt chẽ với đời sống văn hóa, tinh thần của công nhân và người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

*a) Tái cấu trúc và đa năng hóa thiết chế văn hóa, thích ứng với mô hình chính quyền hai cấp*

Tại các địa phương thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp hoặc sáp nhập đơn vị hành chính, thực hiện kiên quyết việc sắp xếp lại các trung tâm văn hóa – thể thao cấp huyện trước đây. Chuyển đổi công năng các cơ sở này thành trung tâm văn hóa vệ tinh hoặc bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã mới mở rộng trực tiếp quản lý, phù hợp với phạm vi phục vụ và năng lực vận hành. Khuyến khích phát triển mô hình trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công đa ngành, tích hợp các chức năng văn hóa, thể thao, truyền thông và học tập cộng đồng theo hướng tinh gọn bộ máy, giảm biên chế hành chính nhưng vẫn bảo đảm chất lượng và hiệu quả phục vụ nhân dân, trên cơ sở tổng kết các mô hình thí điểm.

Đồng thời, tổ chức rà soát toàn diện quỹ đất và cơ sở vật chất của hệ thống nhà văn hóa thôn, ấp sau sáp nhập. Đối với các cơ sở dôi dư, quy mô nhỏ, xuống cấp, thực hiện thanh lý hoặc đấu giá theo quy định để tạo nguồn lực tái đầu tư, hoặc chuyển đổi công năng sang không gian công cộng phục vụ cộng đồng. Đối với các xã mới thành lập có quy mô dân số lớn, ưu tiên đầu tư nâng cấp một thiết chế trung tâm đạt chuẩn để phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa quy mô lớn, các thiết chế còn lại đóng vai trò hỗ trợ và vệ tinh.

*b) Đầu tư trọng điểm và xanh hóa hệ thống thiết chế, hướng tới tăng trưởng bền vững*

Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện các trung tâm văn hóa cấp tỉnh có quy mô lớn, hiện đại, kiến trúc hài hòa với cảnh quan và bản sắc địa phương, không chỉ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị mà còn trở thành điểm đến văn hóa, du lịch và tổ chức sự kiện cấp vùng. Trọng tâm là các công trình như Trung tâm Văn hóa và Triển lãm tỉnh Lào Cai, Nhà hát Nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phúc và Trung tâm Văn hóa tỉnh Thanh Hóa.

Ưu tiên bố trí quỹ đất và nguồn vốn để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tái tạo sức lao động và tăng năng suất làm việc, trên cơ sở nhân rộng các mô hình hiệu quả tại Đồng Nai và Hải Phòng. Đồng thời, đầu tư nâng cấp hệ thống nhà thiếu nhi và cung văn hóa thanh thiếu niên tại các đô thị trung tâm, tạo môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh, phát triển kỹ năng và thể chất cho thế hệ trẻ.

Trong quá trình đầu tư xây dựng mới và cải tạo các trung tâm văn hóa, áp dụng đồng bộ các tiêu chí công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; tăng cường không gian xanh, không gian mở để trung tâm văn hóa thực sự trở thành điểm hội tụ và gắn kết cộng đồng dân cư.

#### *c) Đẩy mạnh xã hội hóa và phát triển kinh tế dịch vụ trong thiết chế văn hóa*

Thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế tự chủ tài chính đối với các trung tâm văn hóa tại khu vực đô thị và những địa bàn có điều kiện. Khuyến khích áp dụng các mô hình đầu tư công gắn với quản trị tư hoặc lãnh đạo công kết hợp quản trị tư trong khai thác, vận hành thiết chế. Cho phép các tổ chức, doanh nghiệp thuê và khai thác có thời hạn cơ sở vật chất như hội trường, sân bãi, không gian sinh hoạt để tổ chức sự kiện, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, đào tạo năng khiếu và các hoạt động giải trí phù hợp với chức năng của trung tâm văn hóa.

Khuyến khích các trung tâm văn hóa phát triển các sản phẩm và dịch vụ văn hóa đặc trưng của địa phương như biểu diễn nghệ thuật truyền thống, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm OCOP, tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng, qua đó tạo nguồn thu hợp pháp và bền vững. Tiếp tục nhân rộng các mô hình gắn hoạt động câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật với phát triển du lịch, điển hình như đờn ca tài tử tại các địa phương có di sản.

#### *d) Chuyển đổi số, hình thành trung tâm văn hóa số*

Tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị trình chiếu, hệ thống âm thanh ánh sáng kỹ thuật số cho các trung tâm văn hóa cấp tỉnh và các trung tâm cấp xã trọng điểm. Phân đầu bảo đảm tất cả các trung tâm văn hóa cấp xã được kết nối internet băng thông rộng và có điểm truy cập thông tin công cộng, đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin và hưởng thụ văn hóa của người dân trong môi trường số.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số về mạng lưới thiết chế văn hóa, đội ngũ nhân lực và các hoạt động văn hóa cơ sở; thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu từ Trung ương đến địa phương nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành thông minh, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong thực hiện quy hoạch.

*e) Phát triển nguồn nhân lực đa nhiệm, đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy*

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở theo hướng đa nhiệm, có khả năng đảm nhiệm đồng thời các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, truyền thông và chuyên đổi số, phù hợp với mô hình trung tâm văn hóa đa chức năng và yêu cầu tinh giản biên chế trong giai đoạn mới.

Song song với đó, xây dựng và duy trì mạng lưới cộng tác viên và tình nguyện viên nòng cốt tại thôn, tổ dân phố để tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng, từng bước giảm sự phụ thuộc vào biên chế nhà nước, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

**2.7. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài**

Chuyển đổi tư duy từ đầu tư nặng về trụ sở hành chính sang phát triển hạ tầng mềm và các không gian văn hóa linh hoạt. Mạng lưới trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài không chỉ thực hiện chức năng quảng bá văn hóa mà cần được định vị là đầu mối kết nối xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư, qua đó đóng góp trực tiếp vào mục tiêu gia tăng sức mạnh mềm quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

**a) củng cố và làm mới các trung tâm hiện hữu tại Lào và Pháp**

Tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cấp đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Lào và Pháp. Chuyển đổi mô hình hoạt động từ giới thiệu văn hóa truyền thống theo cách tiếp cận đơn lẻ sang mô hình trung tâm giao lưu đa năng, tích hợp các hoạt động triển lãm nghệ

thuật, trải nghiệm văn hóa số, giảng dạy tiếng Việt, đồng thời hỗ trợ xúc tiến đầu tư và thương mại, đáp ứng nhu cầu đa dạng của cộng đồng sở tại và kiều bào.

Song song với đó, từng bước khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân sự hiện nay thông qua việc xây dựng đội ngũ cán bộ, tham tán và tùy viên văn hóa chuyên nghiệp, có trình độ ngoại ngữ, kỹ năng đối ngoại và năng lực tổ chức hoạt động văn hóa quốc tế. Bảo đảm mỗi trung tâm được vận hành như một thiết chế văn hóa quốc gia đúng nghĩa, không chỉ dừng ở vai trò văn phòng đại diện hành chính.

*b) Mở rộng mạng lưới theo hướng linh hoạt và tập trung vào địa bàn chiến lược, cửa ngõ có sức lan toả liên vùng*

Nghiên cứu, đề xuất thành lập mới các trung tâm văn hóa Việt Nam tại những quốc gia là đối tác chiến lược toàn diện, có vị thế quan trọng trong khu vực và trên thế giới, đồng thời có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên bang Nga và Hoa Kỳ. Đặc biệt quan tâm ưu tiên xây dựng trung tâm văn hóa tại Campuchia nhằm củng cố quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống.

Trong quá trình mở rộng mạng lưới, chuyển mạnh từ mô hình đầu tư trụ sở độc lập sang các mô hình linh hoạt, tinh gọn bộ máy và phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa bàn. Theo đó, có thể tích hợp không gian văn hóa trong trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài, thuê dài hạn các địa điểm phù hợp tại trung tâm các thành phố lớn để tổ chức hoạt động, hoặc liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu của nước sở tại để hình thành các không gian giới thiệu văn hóa Việt Nam, phòng đọc hoặc góc học tập chuyên đề.

*c) Đẩy mạnh chuyển đổi số, hình thành trung tâm văn hóa số vượt qua biên giới*

Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như thực tế ảo, thực tế tăng cường và trình chiếu ba chiều để xây dựng các không gian trải nghiệm văn hóa Việt Nam thu nhỏ tại các trung tâm văn hóa ở nước ngoài. Qua đó, cho phép công chúng quốc tế tham quan các di sản tiêu biểu, thưởng thức chương trình nghệ thuật và trải nghiệm cảnh quan văn hóa Việt Nam từ xa, góp phần kích cầu du lịch và nâng cao sức hấp dẫn của hình ảnh quốc gia.

Đồng thời, phát triển các nền tảng số xuyên biên giới phục vụ giảng dạy tiếng Việt trực tuyến, thư viện số và triển lãm số, tạo điều kiện thuận lợi để cộng

đồng người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế tiếp cận thường xuyên, liên tục với các giá trị văn hóa Việt Nam trong môi trường số.

*d) Tăng cường xã hội hóa và gắn kết chặt chẽ với kinh tế và thương mại*

Khuyến khích các doanh nghiệp và tập đoàn lớn của Việt Nam đang đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài tham gia tài trợ, đồng hành hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động tại trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài. Việc tổ chức các sự kiện như tuần lễ phim, lễ hội ẩm thực, trình diễn thời trang và quảng bá sản phẩm văn hóa không chỉ giúp giảm áp lực cho ngân sách nhà nước mà còn tăng tính chuyên nghiệp, năng động và hiệu quả lan tỏa của các hoạt động.

Phát huy vai trò của mạng lưới trung tâm văn hóa trong hỗ trợ quảng bá thương hiệu quốc gia và sản phẩm Việt Nam, đặc biệt là các sản phẩm OCOP, hàng thủ công mỹ nghệ, ẩm thực và dịch vụ văn hóa đặc trưng. Từng bước hỗ trợ hình thành và nhân rộng các mô hình không gian văn hóa Việt Nam tại nước ngoài như khu phố Việt Nam, làng Việt Nam và chuỗi nhà hàng ẩm thực Việt, góp phần thúc đẩy xuất khẩu văn hóa tại chỗ.

*e) Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa và tăng cường gắn kết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài*

Phát huy vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài như lực lượng đại sứ văn hóa tự nhiên và tự nguyện. Các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài đóng vai trò là điểm kết nối, cung cấp tư liệu, hỗ trợ hoạt động văn hóa cộng đồng, góp phần gìn giữ tiếng Việt, bản sắc văn hóa dân tộc và tăng cường sự gắn bó với quê hương.

Tổ chức thường niên các sự kiện văn hóa có tính biểu tượng và thương hiệu như ngày văn hóa Việt Nam, liên hoan phim Việt Nam và các tuần lễ quảng bá văn hóa tại nước ngoài, nhằm duy trì sự hiện diện ổn định, lâu dài của văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại văn hóa trong giai đoạn mới.

**2.8. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành văn hóa nghệ thuật**

a) Hiện đại hóa hạ tầng đào tạo theo mô hình Trường học – Nhà hát – Studio

Tập trung nguồn lực đầu tư công để nâng cấp đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật cho các cơ sở đào tạo nghệ thuật đầu ngành như Học viện

Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Đại học Sân khấu Điện ảnh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải và trùng lặp.

Chuyển đổi các cơ sở đào tạo thành những không gian thực hành văn hóa nghệ thuật hiện đại, trong đó tích hợp ngay trong khuôn viên nhà trường các thiết chế phục vụ đào tạo và sáng tạo như không gian trưng bày triển lãm, rạp chiếu phim, nhà hát thực nghiệm, phòng hòa nhạc, phòng thu âm và khu kỹ thuật hậu kỳ đạt chuẩn quốc tế. Qua đó tạo điều kiện để người học tiếp cận trực tiếp với công nghệ mới, kỹ thuật số, thực tế ảo và kỹ xảo điện ảnh trong quá trình đào tạo, sẵn sàng tham gia thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Song song với đó, áp dụng tiêu chí xây dựng và cải tạo khuôn viên trường theo hướng campus xanh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, tạo cảnh quan và không gian học tập khơi gợi cảm hứng sáng tạo nghệ thuật.

*b) Đổi mới chương trình và phương thức đào tạo theo hướng công nghệ hóa và thực hành thực tiễn*

Thực hiện đổi mới căn bản chương trình đào tạo theo hướng tích hợp chặt chẽ giữa nghệ thuật và công nghệ, từng bước hình thành các ngành và chuyên ngành mới phục vụ trực tiếp cho công nghiệp văn hóa như quản trị dữ liệu văn hóa, thiết kế đồ họa số, kỹ xảo điện ảnh, sản xuất âm nhạc số và các lĩnh vực liên ngành khác.

Triển khai các mô hình đào tạo đặc thù, trong đó chú trọng mô hình tích hợp giữa giáo dục phổ thông, nghệ thuật và công nghệ ngay từ lứa tuổi nhỏ tại các trường năng khiếu nhằm phát hiện và ươm mầm tài năng sớm. Đồng thời, phát huy phương thức đào tạo truyền nghề gắn với thực tiễn sáng tác, biểu diễn và sản xuất, kết hợp với tư duy quản trị hiện đại để nâng cao năng lực hành nghề cho người học.

Mở rộng và làm sâu sắc các chương trình liên kết đào tạo quốc tế thông qua hợp tác với các học viện và trường nghệ thuật uy tín trên thế giới, thúc đẩy trao đổi giảng viên, sinh viên và công nhận tín chỉ lẫn nhau, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của giáo dục nghệ thuật Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

*c) Phát triển hệ thống nghiên cứu và dữ liệu văn hóa theo hướng tinh gọn và dẫn dắt*

Củng cố và phát huy vai trò của Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam như trung tâm nghiên cứu chiến lược, có chức năng tư vấn chính sách và định hướng phát triển các ngành văn hóa và công nghiệp sáng tạo. Tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách, phục vụ trực tiếp cho việc hoạch định chính sách phát triển nhanh và bền vững lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

Khắc phục tình trạng phân tán và thiếu liên thông dữ liệu bằng việc nghiên cứu thành lập Trung tâm dữ liệu quốc gia về tác phẩm văn hóa nghệ thuật và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam. Trung tâm này đóng vai trò hạt nhân trong việc số hóa, lưu trữ, chuẩn hóa và kết nối dữ liệu từ các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và địa phương, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa.

#### *d) Chiến lược phát triển nhân tài và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục*

Triển khai hiệu quả Chương trình Tài năng Việt Nam trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2026 đến 2035, xây dựng cơ chế đặc thù để phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài. Trong đó, chú trọng chính sách đãi ngộ phù hợp đối với giảng viên, nghệ sĩ tài năng và nghệ nhân dân gian tham gia giảng dạy, truyền nghề và sáng tạo trong các cơ sở đào tạo.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghệ thuật thông qua việc khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân đầu tư thành lập các viện đào tạo, trung tâm sáng tạo, hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo thông qua cơ chế đặt hàng đào tạo, tài trợ học bổng, hỗ trợ trang thiết bị và chuyển giao công nghệ.

Đối với các địa phương thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính hoặc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật địa phương cần điều chỉnh quy mô và cơ cấu ngành nghề đào tạo theo hướng linh hoạt, tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở đa nhiệm, có năng lực quản lý tổng hợp các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, đáp ứng yêu cầu mới của quản lý nhà nước và phát triển văn hóa cơ sở trong giai đoạn tới.

### ***2.9. Giải pháp phát triển mạng lưới Di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt***

*a) Hoàn thiện quy hoạch và tu bổ di tích theo hướng trọng tâm, trọng điểm và liên vùng*

Tập trung nguồn lực hoàn thành việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với toàn bộ các di sản đã được UNESCO ghi danh và các di tích quốc gia đặc biệt. Việc phủ kín quy hoạch là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ di tích, kiểm soát phát triển đô thị và thu hút đầu tư hợp pháp, tránh tình trạng xâm hại di sản trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính và tinh gọn bộ máy, khuyến khích xây dựng quy hoạch bảo tồn theo không gian liên kết vùng, vượt qua ranh giới hành chính đơn lẻ. Việc tổ chức các hành lang văn hóa và chuỗi di sản liên tỉnh như khu vực Vịnh Hạ Long và Quần đảo Cát Bà hoặc chuỗi di tích Yên Tử, Côn Sơn, Kiếp Bạc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, phát huy giá trị tổng hợp của di sản và hình thành sản phẩm du lịch quy mô vùng.

Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho các dự án tu bổ cấp thiết, chống xuống cấp nghiêm trọng đối với các di tích quốc gia đặc biệt. Phấn đấu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành công tác tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt trên phạm vi cả nước, tạo nền tảng để các di tích này trở thành hạ tầng du lịch và văn hóa đồng bộ, an toàn và bền vững.

*b) Phát triển kinh tế di sản và du lịch bền vững làm động lực tăng trưởng*

Từng bước hình thành và nhân rộng mô hình kinh tế di sản tại các khu di sản thế giới và đô thị di sản tiêu biểu như Huế, Hội An, Tràng An. Di sản được xác định không chỉ là đối tượng bảo vệ mà còn là tài sản đặc biệt của địa phương, có khả năng tạo giá trị gia tăng, đóng góp trực tiếp vào GRDP và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư.

Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển các sản phẩm và dịch vụ du lịch chất lượng cao, khác biệt và có giá trị gia tăng lớn gắn với di sản, đặc biệt là các sản phẩm du lịch đêm, du lịch trải nghiệm, du lịch thực cảnh và du lịch văn hóa chuyên đề. Qua đó nâng cao mức chi tiêu của du khách, kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng nguồn thu từ di sản.

Áp dụng nghiêm ngặt các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh tại các khu di sản. Đối với các di sản thiên nhiên, chú trọng phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm hài hòa giữa khai thác du lịch và gìn giữ giá trị tự nhiên lâu dài.

*c) Xây dựng thương hiệu quốc gia và đẩy mạnh ghi danh quốc tế*

Tập trung nguồn lực xây dựng các hồ sơ khoa học chất lượng cao để trình UNESCO xem xét ghi danh các di sản mới, qua đó khẳng định vị thế và bản sắc văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030 có thêm ít nhất năm di sản văn hóa được UNESCO công nhận, ưu tiên các hồ sơ có giá trị nổi bật toàn cầu và có khả năng phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế văn hóa và du lịch.

Song song với đó, hoàn thiện cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực phù hợp để thúc đẩy việc hồi hương các cổ vật, bảo vật quốc gia và di sản văn hóa có nguồn gốc Việt Nam đang lưu lạc ở nước ngoài. Việc đưa các hiện vật quý giá về nước không chỉ làm giàu kho tàng di sản quốc gia mà còn tạo sức hấp dẫn đặc biệt cho các bảo tàng và điểm tham quan di sản.

*d) Thực hiện chuyển đổi số toàn diện hướng tới di sản số và quản trị thông minh*

Phấn đấu hoàn thành việc số hóa bằng công nghệ ba chiều và bốn chiều đối với toàn bộ các di sản văn hóa thế giới và di tích quốc gia đặc biệt trong giai đoạn đến năm 2026. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia thống nhất về di sản, tích hợp bản đồ số và hệ thống thông tin địa lý để phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, giám sát và cảnh báo sớm các nguy cơ xâm hại di tích.

Phát triển các bảo tàng ảo, ứng dụng trải nghiệm số và hệ thống thuyết minh tự động tại các di tích trọng điểm nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm của du khách, đặc biệt là du khách quốc tế và thế hệ trẻ. Các mô hình ứng dụng công nghệ số trong quản lý và phát huy giá trị di sản đã triển khai hiệu quả tại một số địa phương cần được tổng kết, chuẩn hóa và nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

*e) Hoàn thiện mô hình quản lý tinh gọn và đẩy mạnh xã hội hóa*

Kiện toàn mô hình tổ chức và hoạt động của các Ban quản lý di sản theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và có mức độ tự chủ tài chính cao hơn, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Đối với các di tích và di sản nằm trên địa bàn giáp ranh hoặc có tính liên vùng, nghiên cứu thành lập Ban quản lý thống nhất nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, phân tán và nâng cao hiệu quả quản lý.

Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác công tư trong công tác tu bổ, tôn tạo và khai thác dịch vụ tại các di tích, trên nguyên tắc bảo đảm an toàn và giá trị gốc của di sản. Cho phép khu vực tư nhân tham gia đầu tư và quản trị các dịch vụ phụ trợ ngoài khu vực lõi bảo vệ nghiêm ngặt, qua đó huy động tối đa nguồn lực xã hội cho bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Tóm lại, phát triển mạng lưới di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt trong giai đoạn mới đòi hỏi phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Di sản cần được nhìn nhận là nguồn lực sống, được quản lý bằng công nghệ số, vận hành theo tư duy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đóng góp ngày càng lớn vào sự thịnh vượng của địa phương và quốc gia.

## ***2.10. Giải pháp phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam***

*a) Hoàn thiện hạ tầng và thu hút đầu tư chiến lược theo hình thức hợp tác công tư*

Tập trung nguồn vốn đầu tư công để hoàn thiện dứt điểm các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và các khu chức năng cốt lõi phục vụ nhiệm vụ chính trị, đặc biệt là khu các làng dân tộc theo quy hoạch đã được phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành xây dựng các khu chức năng trọng điểm, khắc phục triệt để tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, thiếu đồng bộ làm giảm hiệu quả khai thác.

Song song với đó, xây dựng cơ chế ưu đãi đặc thù để thu hút các nhà đầu tư chiến lược và các tập đoàn lớn tham gia đầu tư vào các khu chức năng dịch vụ, thương mại, giải trí và du lịch. Các khu trung tâm văn hóa và vui chơi giải trí, khu công viên bên thuyền, khu dịch vụ du lịch tổng hợp cần được chuyển sang mô hình kinh doanh dịch vụ chất lượng cao, nghỉ dưỡng và ẩm thực đặc sắc, tạo nguồn thu bền vững để tái đầu tư cho bảo tồn văn hóa, từng bước giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

*b) Đổi mới mô hình vận hành theo hướng bảo tàng sống và lấy chủ thể văn hóa làm trung tâm*

Thực hiện tinh gọn bộ máy quản lý, không gia tăng biên chế sự nghiệp, thay vào đó xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ với các địa phương theo mô hình chính quyền mới để luân phiên đưa nghệ nhân, già làng, trưởng bản và đồng bào các dân tộc về sinh sống, lao động và thực hành văn hóa tại Làng trong những khoảng thời gian phù hợp. Đây là giải pháp then chốt nhằm duy trì tính chân thực, sống động của không gian văn hóa mà vẫn bảo đảm hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách.

Chuyển mạnh từ phương thức trưng bày hiện vật tĩnh sang tái hiện không gian văn hóa thực cảnh gắn với đời sống sinh hoạt hàng ngày của đồng bào. Các lễ hội truyền thống, nghi thức tín ngưỡng, nghề thủ công, ẩm thực và sinh hoạt cộng đồng cần được tổ chức thường xuyên, có kịch bản chuyên nghiệp nhưng vẫn giữ được bản sắc nguyên gốc, tạo trải nghiệm sâu sắc và khác biệt cho du khách.

*c) Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, hình thành làng văn hóa số*

Xây dựng kho dữ liệu số quốc gia về văn hóa 54 dân tộc Việt Nam bao gồm kiến trúc, trang phục, lễ hội, âm nhạc, tri thức dân gian và các loại hình di sản phi vật thể. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường và trình chiếu ba chiều để tái hiện các giá trị văn hóa đặc sắc, cho phép du khách trải nghiệm từ xa hoặc tương tác trực tiếp tại Làng, mở rộng không gian tiếp cận văn hóa vượt ra ngoài phạm vi địa lý.

Triển khai đồng bộ các giải pháp du lịch thông minh như vé điện tử, hệ thống thuyết minh tự động đa ngôn ngữ và ứng dụng hỗ trợ tham quan, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tính tiện lợi cho du khách và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác.

*d) Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với tăng trưởng xanh*

Khai thác hiệu quả kinh tế đêm thông qua việc tổ chức các chương trình biểu diễn thực cảnh quy mô lớn tôn vinh văn hóa các dân tộc, kết hợp với các hoạt động chợ phiên, ẩm thực và không gian trải nghiệm ban đêm. Đây là giải pháp quan trọng để kéo dài thời gian lưu trú, gia tăng mức chi tiêu của du khách và nâng cao sức hấp dẫn của Làng trong hệ thống sản phẩm du lịch của Thủ đô.

Xây dựng Làng trở thành mô hình mẫu về tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực du lịch văn hóa. Chú trọng bảo vệ cảnh quan sinh thái, hệ thống cây xanh và mặt nước khu vực Đồng Mô; áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường trong xây dựng và vận hành; khuyến khích các mô hình du lịch không rác thải nhựa và tiêu dùng bền vững.

*e) Tăng cường chức năng giáo dục và kết nối cộng đồng trong nước và quốc tế*

Phát triển Làng trở thành trung tâm giáo dục trải nghiệm và học tập ngoại khóa quy mô quốc gia cho học sinh, sinh viên về lịch sử, văn hóa, truyền thống các dân tộc và tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc. Các chương trình giáo dục cần được thiết kế bài bản, gắn với chương trình học và phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Định vị Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam là điểm đến văn hóa tiêu biểu của Hà Nội và cả nước đối với các đoàn ngoại giao, tổ chức quốc tế và du khách nước ngoài. Qua đó góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người

Việt Nam đa dạng, thống nhất trong đa dạng, nâng cao sức mạnh mềm quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

### ***2.11. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa***

Thực hiện chuyển đổi căn bản tư duy từ số hóa để lưu trữ sang số hóa để khai thác, sử dụng và phát triển kinh tế số. Xác định dữ liệu văn hóa là một loại tài nguyên mới, có giá trị chiến lược trong phát triển công nghiệp nội dung số, du lịch thông minh và giáo dục. Xây dựng hạ tầng số đồng bộ, liên thông trên phạm vi toàn quốc nhằm khắc phục các điểm nghẽn về không gian địa lý, quản trị và tổ chức bộ máy sau sáp nhập hành chính, bảo đảm quản lý tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

#### ***a) Xây dựng hạ tầng số quốc gia và trung tâm dữ liệu tập trung***

Khẩn trương nghiên cứu và thành lập Trung tâm dữ liệu quốc gia về văn hóa, bao gồm dữ liệu về tác phẩm văn hóa, nghệ thuật và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam. Trung tâm dữ liệu quốc gia đóng vai trò điều phối, tích hợp và chuẩn hóa dữ liệu từ trung ương đến địa phương, khắc phục tình trạng phân tán, cát cứ thông tin và thiếu liên thông giữa các hệ thống dữ liệu hiện nay, tạo nền tảng thống nhất cho quản lý và khai thác.

Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm kết nối dữ liệu thông suốt, trực tiếp từ Trung tâm dữ liệu quốc gia và cấp tỉnh đến các thiết chế văn hóa cấp xã theo mô hình chính quyền hai cấp tỉnh và xã. Việc kết nối trực tiếp này góp phần giảm bớt các tầng nấc trung gian, tinh gọn bộ máy quản lý hành chính, đồng thời cho phép cán bộ văn hóa cấp xã và người dân tiếp cận kho dữ liệu văn hóa quốc gia một cách thuận lợi, không phụ thuộc vào cấp huyện.

#### ***b) Thực hiện số hóa toàn diện và chuẩn hóa dữ liệu văn hóa***

Tập trung nguồn lực để hoàn thành mục tiêu đến năm 2026 số hóa toàn bộ các di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt, các bảo vật quốc gia và di sản tư liệu có giá trị tiêu biểu. Ưu tiên ứng dụng công nghệ số hóa ba chiều và bốn chiều với độ phân giải cao đối với các di sản có tiềm năng khai thác du lịch và các di sản có nguy cơ xuống cấp, mai một, nhằm phục vụ công tác bảo tồn, trùng tu và phát triển các sản phẩm trải nghiệm số.

Ban hành và áp dụng thống nhất bộ tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về số hóa và quản trị dữ liệu văn hóa trên phạm vi toàn quốc. Việc chuẩn hóa này đặc biệt quan trọng đối với các địa phương mới thực hiện sáp nhập hành chính, góp phần

giải quyết tình trạng không tương thích giữa các hệ thống phần mềm quản lý cũ, bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ và liên thông dữ liệu giữa các vùng, miền.

*c) Phát triển các thiết chế số và dịch vụ công nghiệp văn hóa*

Đẩy mạnh phát triển các mô hình thiết chế văn hóa số như bảo tàng số, thư viện số và nhà hát trực tuyến vận hành trên nền tảng điện toán đám mây. Các thiết chế này cho phép cung cấp dịch vụ văn hóa vượt qua giới hạn không gian, phục vụ hiệu quả người dân ở vùng sâu, vùng xa và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời giảm nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất vật lý quy mô lớn, phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh và tiết kiệm ngân sách nhà nước.

Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân khai thác nguồn dữ liệu văn hóa mở để sáng tạo và phát triển các sản phẩm nội dung số, trò chơi điện tử, phim ảnh, ứng dụng du lịch thông minh và các dịch vụ văn hóa số có giá trị gia tăng cao. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ chuỗi khối trong xác thực bản quyền số và hình thành thị trường giao dịch tài sản số đối với các tác phẩm nghệ thuật, qua đó đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

*d) Ứng dụng công nghệ trong quản trị và giám sát văn hóa*

Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý và bản đồ số trong quản lý, quy hoạch và bảo vệ di sản văn hóa. Việc áp dụng công nghệ này cho phép các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh địa bàn quản lý mở rộng sau sáp nhập, giám sát biến động và nguy cơ xâm hại di tích từ xa, giảm nhu cầu thanh tra, kiểm tra trực tiếp và tiết kiệm nguồn nhân lực.

Xây dựng không gian dữ liệu cộng đồng, tạo điều kiện để người dân, nghệ nhân và du khách tham gia cung cấp, chia sẻ dữ liệu, hình ảnh và câu chuyện về văn hóa địa phương. Đây là giải pháp xã hội hóa công tác lưu trữ và bảo tồn, phát huy vai trò của cộng đồng như một chủ thể cùng tham gia quản lý, làm giàu và lan tỏa giá trị của kho tàng văn hóa quốc gia.

*e) Thúc đẩy hợp tác công tư và phát triển nguồn nhân lực số*

Đẩy mạnh hợp tác công tư với các tập đoàn và doanh nghiệp công nghệ trong xây dựng hạ tầng, nền tảng số và triển khai các dự án số hóa dữ liệu văn hóa. Nhà nước tập trung vào vai trò kiến tạo thể chế, hoàn thiện hành lang pháp lý và cung cấp dữ liệu nền tảng; doanh nghiệp đầu tư công nghệ, phát triển sản phẩm và khai thác thương mại các dịch vụ giá trị gia tăng.

Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa, đặc biệt là cán bộ cấp xã sau sáp nhập hành chính, theo hướng đa nhiệm và có năng lực số toàn diện. Đội ngũ này vừa thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về văn hóa, vừa trực tiếp vận hành các hệ thống số hóa, đồng thời hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực văn hóa.

### **3. Nhóm giải pháp cụ thể phát triển mạng lưới cơ sở thể thao**

#### ***3.1. Trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao***

Thực hiện chuyển đổi mô hình đầu tư trong lĩnh vực đào tạo, huấn luyện thể thao từ dàn trải sang tập trung, trọng tâm, trọng điểm và chuyên biệt hóa theo từng nhóm môn thể thao. Tập trung nguồn lực quốc gia để hiện đại hóa các trung tâm huấn luyện thể thao đỉnh cao nhằm tạo bước đột phá về thành tích tại các đấu trường ASIAD và Olympic, đồng thời phát triển mạng lưới cơ sở vệ tinh tại địa phương và trong lực lượng Công an, Quân đội để tạo nguồn vận động viên kế cận chất lượng cao, phù hợp với mô hình quản trị thể thao hiện đại.

*a) Hiện đại hóa và chuyên biệt hóa hệ thống trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia*

Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn để cải tạo, mở rộng và hiện đại hóa toàn diện bốn trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cần Thơ, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và hệ thống phục hồi chức năng đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu huấn luyện các đội tuyển quốc gia và đội tuyển trẻ trọng điểm.

Tiếp tục tập trung đầu tư cải tạo và nâng cấp theo kế hoạch. Song song với đó, đầu tư xây dựng các trung tâm huấn luyện chuyên biệt tại các vùng có điều kiện khí hậu và địa hình đặc thù nhằm phục vụ huấn luyện thể lực chuyên sâu và nâng cao kỹ chiến thuật. Trọng tâm là xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Sa Pa tại tỉnh Lào Cai với quy mô khoảng mười lăm héc ta, đồng thời nghiên cứu đầu tư cơ sở trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Phú Thọ, tạo nền tảng cho các chương trình tập huấn độ cao và huấn luyện chuyên sâu dài hạn.

*b) Phát triển mạng lưới cơ sở vệ tinh tại địa phương và trong các ngành*

Khuyến khích các địa phương trọng điểm, đặc biệt là các đô thị lớn, chuyển đổi mô hình các trường năng khiếu thể thao sang mô hình trung tâm đào tạo vận

động viên chuyên sâu theo hướng tập trung đồng bộ hoạt động tập luyện, sinh hoạt và học tập. Mô hình này nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo toàn diện, nâng cao thể lực, trình độ chuyên môn và văn hóa cho vận động viên trẻ, tiêu biểu là định hướng nâng cấp Trung tâm thể dục thể thao tại Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm đào tạo vận động viên năng khiếu thể thao của thành phố.

Phát huy vai trò và lợi thế về kỹ thuật, tổ chức và cơ sở vật chất của lực lượng vũ trang trong đào tạo vận động viên thành tích cao cho quốc gia. Đối với Bộ Công an, tập trung hoàn thiện hệ thống trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân tại Long Thành, tỉnh Đồng Nai với quy mô ba mươi một héc ta, phân đấu hoàn thành giai đoạn một vào năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu, đồng thời phát triển trung tâm tại miền Trung đặt tại thành phố Huế và nâng cấp trung tâm tại miền Bắc hướng tới mục tiêu đào tạo vận động viên tham dự Olympic. Đối với Bộ Quốc phòng, tiếp tục củng cố hệ thống bốn trung tâm thể dục thể thao quốc phòng và các khu huấn luyện chuyên sâu, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng và phát triển thể thao thành tích cao.

Tại các địa phương thực hiện sáp nhập hành chính, tiến hành rà soát, tích hợp và sử dụng hiệu quả mạng lưới cơ sở vật chất thể thao hiện có của các tỉnh trước sáp nhập. Trên cơ sở đó, lựa chọn và nâng cấp các sân vận động, nhà thi đấu đủ điều kiện để hình thành các trung tâm huấn luyện vệ tinh cấp vùng, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí và phát huy tối đa nguồn lực hiện hữu.

### *c) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và y học thể thao*

Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu thí nghiệm thể dục, thể thao trực thuộc Viện Khoa học thể dục thể thao, đồng thời nâng cấp Trung tâm doping và y học thể thao nhằm từng bước đưa khoa học công nghệ trở thành nền tảng của công tác tuyển chọn, đào tạo và huấn luyện vận động viên. Thông qua việc ứng dụng các thành tựu khoa học về sinh trắc học, dinh dưỡng, tâm lý và phục hồi chức năng, từng bước thay thế phương pháp huấn luyện dựa chủ yếu vào kinh nghiệm truyền thống.

Triển khai chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực thể thao thành tích cao thông qua việc xây dựng và vận hành Trung tâm cơ sở dữ liệu thể dục, thể thao quốc gia. Thực hiện số hóa đầy đủ hồ sơ, thành tích thi đấu và các chỉ số sinh học của vận động viên từ tuyển năng khiếu đến đội tuyển quốc gia, phục vụ công tác

theo dõi, phân tích, đánh giá và hoạch định chiến lược đào tạo dài hạn trên cơ sở dữ liệu lớn.

*d) Thúc đẩy xã hội hóa và phát triển kinh tế thể thao trong đào tạo*

Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai, thuế và tiếp cận nguồn lực để khuyến khích doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế và các câu lạc bộ chuyên nghiệp đầu tư xây dựng các học viện và trung tâm đào tạo thể thao như bóng đá, quần vợt, golf theo mô hình doanh nghiệp, từng bước hình thành thị trường đào tạo thể thao chuyên nghiệp gắn với kinh tế thể thao.

Cho phép các trung tâm huấn luyện thể thao công lập khai thác hợp lý cơ sở vật chất hiện có để cung cấp dịch vụ huấn luyện cho xã hội, tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn và cho thuê sân bãi tập luyện. Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ được sử dụng để tăng mức độ tự chủ tài chính, tái đầu tư cho công tác đào tạo vận động viên đỉnh cao và nâng cao chất lượng huấn luyện.

*e) Kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực*

Đổi mới căn bản chương trình đào tạo vận động viên theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo chuyên môn thể thao với giáo dục văn hóa, kỹ năng nghề nghiệp và định hướng việc làm sau khi giải nghệ, bảo đảm phát triển bền vững nguồn nhân lực thể thao.

Tập trung đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên, bác sĩ thể thao, chuyên gia dinh dưỡng và chuyên gia khoa học thể thao có trình độ chuyên môn cao, từng bước tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo với các quốc gia có nền thể thao phát triển nhằm tiếp cận các phương pháp quản lý, huấn luyện và tổ chức đào tạo tiên tiến, phục vụ mục tiêu nâng cao thành tích thể thao quốc gia trong giai đoạn mới.

***3.2. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục thể thao***

Thực hiện chuyển đổi mô hình phát triển trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo thể dục thể thao từ đào tạo diện rộng sang đào tạo tinh hoa gắn với ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại. Tập trung hiện đại hóa các cơ sở đào tạo đầu ngành nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao bao gồm huấn luyện viên, chuyên gia khoa học thể thao, bác sĩ thể thao và đội ngũ quản lý đạt chuẩn quốc tế, đồng

thời xây dựng hạ tầng số và nền tảng khoa học thể thao làm động lực then chốt để nâng cao thành tích tại các đấu trường lớn như ASIAD và Olympic.

*a) Hiện đại hóa toàn diện hệ thống các trường đại học thể dục thể thao*

Tập trung nguồn vốn ngân sách Trung ương để đầu tư trọng điểm, nâng cấp đồng bộ cơ sở vật chất, giảng đường, nhà tập luyện và trang thiết bị khoa học cho ba cơ sở đào tạo đại học thể dục thể thao trọng điểm quốc gia, hình thành trụ cột đào tạo nguồn nhân lực thể thao trình độ cao.

Đối với Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, tập trung nâng cấp toàn diện nhằm giữ vững vai trò đầu tàu đào tạo khu vực phía Bắc, đồng thời tăng cường gắn kết chặt chẽ với Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia tại Hà Nội trong đào tạo và thực hành chuyên môn. Đối với Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, ưu tiên mở rộng quy mô và hiện đại hóa cơ sở đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực thể thao cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Đối với Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, tập trung cải tạo và nâng cấp để trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học thể thao hàng đầu khu vực phía Nam, phục vụ trực tiếp cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Song song với đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện chuyển đổi mô hình đào tạo từ trọng tâm kỹ thuật thi đấu đơn thuần sang đào tạo tổng hợp về quản trị thể thao, kinh tế thể thao, y học thể thao và tổ chức sự kiện thể thao, đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường công nghiệp thể thao hiện đại.

*b) Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ thể thao*

Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu thí nghiệm thể dục thể thao tại các cơ sở nghiên cứu khoa học về thể thao với trang thiết bị hiện đại, từng bước chuyển đổi phương thức huấn luyện từ dựa trên kinh nghiệm sang huấn luyện dựa trên các thông số khoa học về sinh trắc học, cơ học vận động và sinh lý thể thao.

Đồng thời, nâng cấp Trung tâm phòng chống Doping quốc gia với hệ thống thiết bị kiểm tra doping tiên tiến và các phương tiện phục hồi chức năng hiện đại, bảo đảm năng lực kiểm soát doping độc lập, đáp ứng yêu cầu của các giải đấu quốc tế và bảo vệ sức khỏe lâu dài cho vận động viên.

Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong lĩnh vực thể thao, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, vào công tác

tuyển chọn tài năng từ lứa tuổi nhỏ, phân tích kỹ thuật, theo dõi tải lượng vận động và tối ưu hóa quá trình huấn luyện vận động viên đỉnh cao.

*c) Chuyển đổi số và xây dựng kho dữ liệu thể thao quốc gia*

Khẩn trương xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm cơ sở dữ liệu thể dục thể thao quốc gia, thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ vận động viên, huấn luyện viên, thành tích thi đấu và các chỉ số y sinh học từ cấp cơ sở đến đội tuyển quốc gia. Hệ thống dữ liệu tập trung này nhằm khắc phục tình trạng quản lý thủ công, thiếu liên thông giữa các địa phương và cơ quan quản lý trung ương, đồng thời tạo nền tảng cho việc hoạch định chiến lược đào tạo dựa trên dữ liệu.

Ứng dụng các phần mềm quản trị thông minh trong điều hành giải đấu, quản lý cơ sở vật chất thể thao và đánh giá hiệu quả đầu tư công, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và tính khoa học trong quản lý nhà nước về thể dục thể thao.

*d) Phát triển hệ thống đào tạo vệ tinh và đào tạo đặc thù*

Tại các địa phương trọng điểm, khuyến khích nâng cấp các trường năng khiếu thể thao hoặc trung tâm huấn luyện hiện có thành các cơ sở đào tạo chuyên sâu theo mô hình học văn hóa, tập luyện và sinh hoạt tập trung, bảo đảm điều kiện phát triển toàn diện cho vận động viên trẻ.

Phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong đào tạo tài năng thể thao thành tích cao. Đối với ngành Công an, tập trung xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân tại ba miền Bắc, Trung và Nam nhằm đào tạo vận động viên đủ năng lực tham gia các đấu trường Olympic. Đối với Quân đội, tiếp tục củng cố hệ thống bốn trung tâm thể dục thể thao quốc phòng và các khu huấn luyện chuyên sâu, bảo đảm sự thống nhất, hiệu quả và gắn kết giữa nhiệm vụ quốc phòng với phát triển thể thao thành tích cao.

Đối với các địa phương thực hiện sáp nhập hành chính, tiến hành rà soát và quy hoạch lại mạng lưới trường lớp năng khiếu thể thao, tránh trùng lặp và dàn trải, tập trung nguồn lực đầu tư cho các cơ sở có điều kiện hạ tầng, đội ngũ và khả năng phát triển tốt nhất.

*e) Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế trong đào tạo*

Mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo thể dục thể thao thông qua việc liên kết với các quốc gia có nền thể thao phát triển nhằm tổ chức các chương trình tập

huấn dài hạn cho vận động viên, huấn luyện viên và cán bộ quản lý, đồng thời tiếp nhận chuyển giao công nghệ huấn luyện, khoa học thể thao và mô hình quản trị tiên tiến.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp và các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp tham gia đầu tư, thành lập các học viện đào tạo trẻ trong các môn thể thao thế mạnh, từng bước giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước và hình thành hệ sinh thái đào tạo thể thao xã hội hóa, bền vững.

### ***3.3. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên***

#### ***a) Hình thành mạng lưới y học thể thao quốc gia theo hướng cân bằng vùng miền***

Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp toàn diện Bệnh viện Thể thao Việt Nam tại Hà Nội, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực chuyên môn đạt trình độ khu vực và quốc tế, đủ khả năng đảm nhiệm vai trò trung tâm đầu ngành về khám, chữa trị chấn thương và phục hồi chức năng vận động viên. Bệnh viện Thể thao Việt Nam được xác định là hạt nhân chuyển giao công nghệ, đào tạo chuyên môn và chỉ đạo tuyên cho toàn bộ hệ thống y học thể thao trên phạm vi cả nước.

Song song với đó, khẩn trương nghiên cứu và đầu tư xây dựng Bệnh viện Thể thao khu vực phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm khắc phục tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng các cơ sở y tế thể thao chuyên sâu tại khu vực có phong trào thể thao phát triển mạnh và số lượng vận động viên lớn. Việc hình thành bệnh viện này góp phần bảo đảm cân bằng vùng miền, giảm quá tải cho các bệnh viện đa khoa và nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe vận động viên.

Đồng thời, đầu tư chiều sâu cho Trung tâm Doping và Y học thể thao với hệ thống trang thiết bị kiểm tra, giám định hiện đại, bảo đảm năng lực kiểm soát doping độc lập, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của các giải đấu quốc tế lớn như ASIAD và Olympic.

#### ***b) Tích hợp và phát triển mạng lưới vệ tinh y học thể thao tại địa phương***

Tại các địa phương trọng điểm và các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia, thực hiện định hướng không đầu tư dàn trải các bệnh viện thể thao độc lập mà ưu tiên tích hợp các khoa hoặc trung tâm y học thể thao và phục hồi chức năng trực tiếp trong các trung tâm huấn luyện và khu liên hợp thể thao. Mô hình tích

hợp huấn luyện và trị liệu khép kín giúp rút ngắn thời gian điều trị, nâng cao hiệu quả phục hồi và hạn chế gián đoạn quá trình tập luyện của vận động viên.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, định hướng tích hợp khu chức năng chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng vận động viên trong dự án Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao Thành phố tại khu vực trường đua Phú Thọ nhằm hình thành quy trình huấn luyện, thi đấu và phục hồi đồng bộ. Tại Hải Phòng, từng bước nghiên cứu phát triển Trung tâm Y học thể thao trong giai đoạn 2031 đến 2045 để hoàn thiện hệ thống thiết chế thể thao của thành phố.

Ưu tiên bố trí ngân sách để trang bị các thiết bị phục hồi chức năng chuyên sâu như thủy trị liệu, trị liệu lạnh, buồng oxy cao áp cho các trung tâm huấn luyện vùng, khắc phục tình trạng thiếu trang thiết bị khiến vận động viên phải di chuyển xa để điều trị và phục hồi như thực tế tại một số địa phương hiện nay.

*c) Chuyển đổi số và phát triển y tế thể thao thông minh, từ xa*

Xây dựng và vận hành hệ thống hồ sơ sức khỏe số cho toàn bộ vận động viên thành tích cao, tích hợp dữ liệu y sinh học, chấn thương, quá trình điều trị và phục hồi. Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để phân tích các chỉ số sinh học, dự báo nguy cơ chấn thương và xây dựng phác đồ dinh dưỡng, tập luyện, phục hồi cá nhân hóa cho từng vận động viên.

Thiết lập hệ thống khám chữa bệnh từ xa, kết nối trực tuyến giữa Bệnh viện Thể thao Việt Nam với các trung tâm huấn luyện địa phương và các đội tuyển quốc gia đang tập huấn ở nước ngoài nhằm phục vụ hội chẩn chuyên môn, hỗ trợ xử lý kịp thời các trường hợp chấn thương phức tạp, nâng cao hiệu quả chăm sóc y tế trong mọi điều kiện.

*d) Đẩy mạnh xã hội hóa và phát triển kinh tế y học thể thao*

Thực hiện chuyển đổi cơ chế hoạt động của các cơ sở y học thể thao công lập theo hướng mở rộng đối tượng phục vụ. Ngoài nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe vận động viên thành tích cao, các cơ sở này được phép cung cấp dịch vụ khám, chữa trị chấn thương, vật lý trị liệu và tư vấn dinh dưỡng cho người dân và người tham gia thể thao phong trào, qua đó tạo nguồn thu hợp pháp để tăng cường tự chủ tài chính và tái đầu tư cho hệ thống.

Ban hành chính sách ưu đãi phù hợp để khuyến khích doanh nghiệp và các tập đoàn y tế tư nhân đầu tư vào lĩnh vực y học thể thao, thành lập các phòng

khám chuyên khoa và trung tâm phục hồi chức năng chất lượng cao. Việc thu hút khu vực tư nhân tham gia sẽ góp phần hình thành thị trường dịch vụ y học thể thao, đa dạng hóa nguồn cung và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe vận động viên.

*e) Phát triển nguồn nhân lực y học thể thao chuyên biệt*

Tập trung đào tạo và thu hút đội ngũ bác sĩ thể thao, kỹ thuật viên vật lý trị liệu, chuyên gia tâm lý thể thao và chuyên gia dinh dưỡng thể thao có trình độ chuyên môn cao. Đây là những lĩnh vực còn thiếu hụt nghiêm trọng, cần được ưu tiên phát triển trong hệ thống các trường đại học thể dục thể thao và cơ sở đào tạo y khoa nhằm bảo đảm nguồn nhân lực bền vững cho hệ sinh thái y học thể thao quốc gia.

## KẾT LUẬN

Việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 là yêu cầu khách quan, tất yếu trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những thay đổi sâu sắc về thể chế, tổ chức bộ máy, không gian hành chính và mô hình tăng trưởng. Đây không chỉ là sự cập nhật mang tính kỹ thuật đối với một quy hoạch ngành, mà là một bước điều chỉnh chiến lược nhằm bảo đảm sự tương thích giữa hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao với mô hình quản trị quốc gia hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời phát huy vai trò của văn hóa và thể thao như những động lực nội sinh quan trọng cho phát triển bền vững và tăng trưởng cao.

Trước hết, việc điều chỉnh Quy hoạch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thể chế hóa kịp thời các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về tái cơ cấu bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Những thay đổi căn bản về sắp xếp đơn vị hành chính, giảm cấp trung gian, mở rộng không gian quản lý và phục vụ đã làm thay đổi điều kiện hình thành, vận hành và phát triển của mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao. Nếu không được điều chỉnh phù hợp, quy hoạch sẽ khó bảo đảm tính khả thi, hiệu quả đầu tư và hiệu lực quản lý. Do đó, việc điều chỉnh quy hoạch chính là công cụ quan trọng để chuyển hóa các chủ trương cải cách tổ chức bộ máy thành những định hướng không gian, mô hình thiết chế và cơ chế vận hành cụ thể, khả thi trong thực tiễn.

Thứ hai, điều chỉnh Quy hoạch góp phần khắc phục những hạn chế đã bộc lộ trong quá trình triển khai quy hoạch giai đoạn đầu, đặc biệt là tình trạng phân bố thiết chế dàn trải theo đơn vị hành chính cũ; chồng chéo chức năng giữa các cấp; quy mô đầu tư nhỏ lẻ, manh mún; hiệu quả khai thác, sử dụng đất đai và cơ sở vật chất chưa cao; mức độ gắn kết giữa phát triển văn hóa, thể thao với phát triển kinh tế – xã hội còn hạn chế. Thông qua việc rà soát, tái cấu trúc mạng lưới theo không gian hành chính và không gian phát triển mới, quy hoạch điều chỉnh hướng tới hình thành hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao tinh gọn, tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và giá trị sử dụng lâu dài.

Thứ ba, điều chỉnh Quy hoạch có ý nghĩa chiến lược trong việc nâng cao vai trò của văn hóa và thể thao trong mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững của đất nước. Trong bối cảnh Chính phủ đặt ra yêu cầu phấn đấu tăng trưởng kinh tế ở mức cao, tiến tới tăng trưởng hai con số trong các giai đoạn tiếp theo, văn hóa

và thể thao không chỉ là lĩnh vực phúc lợi xã hội mà còn là khu vực có tiềm năng đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng thông qua các ngành công nghiệp văn hóa, du lịch văn hóa – thể thao, dịch vụ sáng tạo và kinh tế trải nghiệm. Việc điều chỉnh Quy hoạch theo hướng tích hợp đa chức năng, gắn kết với quy hoạch đô thị, trung tâm kinh tế, trung tâm dịch vụ và các hành lang phát triển sẽ tạo điều kiện để các thiết chế văn hóa – thể thao trở thành không gian phát triển kinh tế mới, góp phần mở rộng động lực tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thứ tư, việc điều chỉnh Quy hoạch khẳng định vai trò trung tâm của con người trong chiến lược phát triển, bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng của người dân đối với các dịch vụ văn hóa và thể thao trong không gian hành chính mới. Khi quy mô đơn vị hành chính được mở rộng, yêu cầu đặt ra không chỉ là duy trì số lượng thiết chế, mà là tổ chức lại mạng lưới theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, đa dạng hóa loại hình hoạt động, đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, rèn luyện thể chất và phát triển toàn diện của nhân dân. Đây chính là nền tảng quan trọng để xây dựng xã hội phát triển hài hòa, bền vững, có sức đề kháng văn hóa mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Về mục tiêu tổng quát, việc điều chỉnh Quy hoạch hướng tới xây dựng mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao quốc gia đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, có khả năng thích ứng linh hoạt với những biến động về kinh tế, xã hội và công nghệ trong dài hạn. Quy hoạch điều chỉnh không chạy theo việc mở rộng số lượng cơ sở, mà tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị sử dụng của từng thiết chế; bảo đảm sự liên thông giữa các cấp, các vùng và các loại hình hoạt động văn hóa – thể thao.

Các mục tiêu cụ thể của điều chỉnh Quy hoạch được xác định rõ ràng và nhất quán, bao gồm: (i) tái cấu trúc không gian phân bố các thiết chế văn hóa và thể thao phù hợp với địa giới hành chính mới và định hướng phát triển vùng; (ii) nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành thông qua phân cấp, phân quyền rõ ràng, gắn với tăng cường năng lực và trách nhiệm của chính quyền địa phương; (iii) thúc đẩy đổi mới mô hình quản lý, tăng cường tự chủ, xã hội hóa và huy động nguồn lực ngoài ngân sách; (iv) gắn phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa – thể thao với các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phát triển du lịch, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đời sống tinh thần của nhân dân.

Có thể khẳng định rằng, việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 không chỉ mang ý nghĩa trước mắt trong việc bảo đảm tính đồng bộ, khả thi của quy hoạch, mà còn có ý nghĩa lâu dài trong việc định hình không gian phát triển văn hóa – thể thao của quốc gia trong kỷ nguyên mới. Đây là bước đi cần thiết để bảo đảm rằng hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, nguồn lực quan trọng cho phát triển con người và động lực bền vững cho tăng trưởng kinh tế – xã hội.

Trên cơ sở đó, việc tổ chức triển khai Quy hoạch điều chỉnh đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của các bộ, ngành, địa phương; sự phối hợp chặt chẽ giữa quản lý nhà nước và thị trường; giữa đầu tư công và xã hội hóa; giữa bảo tồn giá trị truyền thống và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Chỉ khi đó, Quy hoạch điều chỉnh mới thực sự phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững và thịnh vượng đến năm 2045.

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

STT	Dự án ưu tiên đầu tư	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn	Chủ trì
		2026 - 2030	2031 - 2045		
A	MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VĂN HÓA				
<b>I</b>	<b>Cơ sở bảo tàng</b>				
1	Nâng cấp, cải tạo các bảo tàng: Bảo tàng lịch sử quốc gia, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng mới: Bảo tàng Đảng Cộng sản Việt Nam; Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam; Bảo tàng Thiên nhiên khu vực phía Nam ; Bảo tàng “Ký ức chiến tranh và khát vọng hòa bình”	x		Ngân sách NN	Các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quảng Trị
3	Xây dựng mới, nâng cấp các bảo tàng chuyên ngành: Bảo tàng Tiền Việt Nam, Bảo tàng Kiến trúc Việt Nam, Bảo tàng Giáo dục Việt Nam, Bảo tàng Nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Báo chí Việt Nam, Bảo tàng Văn học Việt Nam, Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam, Bảo tàng Công nhân và Công đoàn Việt Nam, Bảo tàng Bưu điện Việt Nam, Bảo tàng Địa chất Việt Nam, Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam, Bảo tàng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,	x	x	Ngân sách NN	- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam
4	Đầu tư nâng cấp các bảo tàng lực lượng vũ trang; xây dựng mới Bảo tàng Chiến dịch Hồ Chí Minh	x		Ngân sách NN	Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan
5	Nâng cấp Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng, Bảo tàng Hải Dương học, Bảo tàng Địa chất Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Chứng tích chiến	x		Ngân sách NN	Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan

	tranh, Bảo tàng Hồ Chí Minh (chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh), Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam.				
6	Đầu tư xây dựng các bảo tàng địa phương: Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn, Bảo tàng tỉnh Sơn La, Bảo tàng tỉnh Lai Châu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa, Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh, Bảo tàng Lịch sử thành phố Huế, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Bảo tàng Trường Sa, Bảo tàng Yersin, Bảo tàng tổng hợp tỉnh Khánh Hòa, Bảo tàng thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai, Bảo tàng tỉnh Tây Ninh, Bảo tàng Văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long thành phố Cần Thơ, Bảo tàng tỉnh Cà Mau, Bảo tàng tỉnh Quảng Ngãi, Trung tâm Di sản địa chất – văn hóa vùng miền núi phía Bắc tỉnh Tuyên Quang; Bảo tàng Yên Tử, Bảo tàng Than...	x	x	Ngân sách NN	Các tỉnh: Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, thành phố Huế, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Tây Ninh, Cà Mau, Cần Thơ, Tuyên Quang, Quảng Ninh
7	Dự án ứng dụng công nghệ số trong hệ thống bảo tàng	x		Ngân sách NN, xã hội hóa	- Các bộ, ngành liên quan. - Các địa phương.
<b>II</b>	<b>Cơ sở thư viện</b>				
1	Đầu tư nâng cấp, cải tạo Thư viện Quốc gia Việt Nam theo hướng hiện đại; xây dựng Trung tâm bảo quản dữ liệu số quốc gia đối với Thư viện Quốc gia Việt Nam	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Trung tâm lưu trữ quốc gia tại thành phố Huế	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Đầu tư xây dựng thư viện số, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu thư viện Việt Nam, tài nguyên thông tin mở; liên thông thư viện trong nước và nước ngoài	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Đầu tư xây dựng, nâng cấp thư viện chuyên ngành	x	x	Ngân sách NN	Các bộ, ngành liên quan
5	Xây dựng mới, nâng cấp thư viện công cộng cấp tỉnh tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đóng vai trò động lực vùng (không bao gồm các thư viện sáp	x		Ngân sách NN	Các địa phương: Hà Nội, Hải Phòng, Điện Biên, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Nghệ An, Huế, Đà Nẵng,

	nhập với cơ sở bảo tàng được xây mới trong thời kỳ quy hoạch)				Khánh Hòa, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ
<b>III</b>	<b>Cơ sở điện ảnh</b>				
1	Xây dựng trường quay quốc gia tâm cỡ khu vực, thế giới tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh	x		Ngân sách NN, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Trung tâm chiếu phim quốc gia hiện đại tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Huế (cơ sở 2)	x		Ngân sách NN, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Nâng cấp Trung tâm điện ảnh Văn hoá, Thể thao và Du lịch Việt Nam trở thành đơn vị có khả năng cung cấp các hoạt động dịch vụ kỹ thuật điện ảnh cao cấp	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>IV</b>	<b>Cơ sở nghệ thuật biểu diễn</b>				
1	Đầu tư xây dựng Nhà hát Opera đáp ứng tổ chức sự kiện nghệ thuật quốc gia và quốc tế	x		Ngân sách NN, xã hội hoá	Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội
2	Xây mới cơ sở biểu diễn cho các đơn vị nghệ thuật Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Quốc gia Việt Nam; Nhà hát Sân khấu truyền thống Quốc gia Việt Nam	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Xây dựng mới Nhà hát Quân đội	x		Ngân sách NN	Bộ Quốc phòng
4	Xây dựng mới nhà hát, trung tâm biểu diễn nghệ thuật tại các địa phương đóng vai trò trung tâm vùng đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện nghệ thuật quốc gia và quốc tế	x	x	Ngân sách NN, xã hội hoá	Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Cần Thơ, Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Tuyên Quang, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Cần Thơ, Quảng Ninh
<b>V</b>	<b>Cơ sở triển lãm văn hóa, nghệ thuật</b>				
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ triển lãm nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, địa phương	x		Ngân sách NN	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các bộ, ngành liên quan. - Các địa phương.
2	Xây dựng Trung tâm triển lãm quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh	x		Ngân sách NN, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

3	Xây dựng Trung tâm Triển lãm văn hóa, nghệ thuật quốc gia tại Huế	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Xây dựng Trung tâm Triển lãm Văn hóa, Nghệ thuật Việt Nam tại Hà Nội.	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Xây dựng trung tâm, nhà triển lãm cấp tỉnh đóng vai trò là cửa ngõ giao lưu văn hóa và thúc đẩy liên kết vùng	x		Ngân sách, xã hội hoá	Kiên Giang, Điện Biên, Lào Cai, Tây Ninh, Đồng Nai, Quảng Ninh...
<b>VI</b>	<b>Cơ sở Trung tâm văn hóa trong nước và ở nước ngoài</b>				
1	Xây dựng các Trung tâm Văn hoá; Trung tâm Văn hoá- Nghệ thuật; Trung tâm Văn hoá- Điện ảnh; Trung tâm Văn hoá- Triển lãm tại các tỉnh đóng vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng, là cửa ngõ giao lưu văn hóa và thúc đẩy liên kết vùng	x	x	Ngân sách NN, xã hội hoá	Điện Biên, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Đồng Nai, Tây Ninh, Quảng Ninh
2	Nâng cấp, nâng cao năng lực vận hành các Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Lào và Pháp	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Xây dựng mới các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài	x	x	Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>VII</b>	<b>Cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật</b>				
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, nâng cao chất lượng cơ sở nghiên cứu, đào tạo quốc gia theo chuẩn quốc tế	x		Ngân sách NN, xã hội hoá	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các bộ, ngành khác có liên quan.
2	Xây dựng các cơ sở đào tạo quốc gia thành những không gian thực hành văn hoá nghệ thuật (tích hợp khu trưng bày triển lãm, rạp chiếu phim, nhà hát, phòng hoà nhạc, phòng thu âm, không gian thiết kế, khu kỹ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn hậu kỳ chuyên nghiệp)	x	x	Ngân sách NN, xã hội hoá	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>VIII</b>	<b>Cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa</b>				
1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ phục vụ chuyển đổi số mạng lưới cơ sở văn hoá quốc gia	x	x	Ngân sách NN, xã hội hoá	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt				
-	Quy hoạch, đầu tư triển khai các dự án bảo quản, tu bổ, tôn tạo, hỗ trợ chống xuống cấp các di sản	x	x	Ngân sách	Các địa phương

	được UNESCO ghi danh, các di tích quốc gia đặc biệt			NN, xã hội hóa	
-	Nghiên cứu, triển khai các giải pháp về ứng dụng công nghệ số trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể	x		Ngân sách NN, xã hội hóa	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các địa phương.
-	Hỗ trợ sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm, các bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học	x		Ngân sách NN, xã hội hóa	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các địa phương.
-	Dự án số hóa hệ thống dữ liệu về tác phẩm văn hóa, di sản văn hóa phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá văn hoá	x		Ngân sách NN, xã hội hóa	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các địa phương.
3	Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam				
-	Chuyển đổi số nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, tạo môi trường giáo dục cho thế hệ trẻ và phát triển du lịch tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Đầu tư xây dựng các hạng mục, công trình, phân khu chức năng theo quy hoạch được phê duyệt	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
B	<b>MẠNG LƯỚI CƠ SỞ THỂ THAO</b>				
I	<b>Cơ sở Trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao</b>				
1	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Sa Pa (Lào Cai)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Đà Lạt (Lâm Đồng)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia III tại huyện Tam Đảo (Phú Thọ)	x		Ngân sách NN	Bộ Quốc phòng
4	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện vận động viên trẻ quốc gia (tại Đà Nẵng)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia (cơ sở Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	Nâng cấp, cải tạo Trường bắn thuộc Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao quốc gia (tại Hà Nội)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

7	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao quốc gia (tại Tam Đảo)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Cải tạo, nâng cấp khu A Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
9	Xây dựng Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia (cơ sở tại Mũi Né, tỉnh Lâm Đồng)	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10	Xây dựng Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân (tại Long Thành, Đồng Nai)	x		Ngân sách	Bộ Công an
14	Xây dựng Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân tại miền Trung (thành phố Huế)	x		Ngân sách	Bộ Công an
11	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện thể dục, thể thao Công an nhân dân tại miền Bắc (Hà Nội)	x		Ngân sách	Bộ Công an
12	Xây dựng mới, nâng cấp các Trung tâm Thể dục Thể thao thuộc Bộ Quốc phòng quản lý	x		Ngân sách	Bộ Quốc phòng
13	Xây dựng Trung tâm huấn luyện quốc gia trọng điểm thuộc Khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình		x	Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
14	Xây dựng mới các Trung tâm huấn luyện thể thao tại các tỉnh, thành phố đóng vai trò động lực phát triển thể thao vùng	x		Ngân sách, xã hội hóa	Điện Biên, Tuyên Quang, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Đồng Nai, Vĩnh Long, Quảng Ninh..
<b>II</b>	<b>Cơ sở Trung tâm hoạt động thể thao</b>				
1	Xây dựng Khu liên hợp thể thao quốc gia Rạch Chiếc (thành phố Hồ Chí Minh)	x		Ngân sách NN, Xã hội hoá	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Khu liên hợp Thể thao quốc gia Hoà Xuân (Đà Nẵng)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Xây dựng tổ hợp thể thao phía Nam Hà Nội (khu thể thao Olympic, có sân vận động Trông đồng sức chứa 135.000 chỗ ngồi)	x		Ngân sách NN, xã hội hoá	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Xây dựng sân vận động PVF có sức chứa 60.000 chỗ ngồi	x		Ngân sách NN, xã hội hoá	Bộ Công an

5	Nâng cấp cơ sở vật chất và xây dựng một số công trình thể thao tại Khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình (theo quy hoạch được phê duyệt)			Ngân sách NN	
6	Xây dựng các khu liên hợp thể thao hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn tổ chức giải đấu quốc tế trong khu vực và châu lục, tại các địa phương đóng vai trò là vệ tinh kết nối tổ chức các đại hội thể thao lớn, tạo sự lan tỏa và thúc đẩy phong trào thể dục thể thao liên vùng (có các công trình sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi hoặc khu thi đấu dưới nước...)	x		Ngân sách, xã hội hoá	Hung Yên, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Huế, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Vĩnh Long, Điện Biên, Lạng Sơn, Quảng Ninh
7	Xây dựng, nâng cấp công trình thể dục thể thao (sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi...) của các cơ sở giáo dục- đào tạo	x			Bộ Giáo dục- Đào tạo
<b>III</b>	<b>Cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao</b>				
1	Đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu y sinh học thể thao công nghệ cao thuộc Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam	x		Ngân sách NN, xã hội hoá	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu thể dục, thể thao quốc gia	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>IV</b>	<b>Cơ sở dịch vụ thể thao và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên</b>				
1	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Thể thao Việt Nam (tại Hà Nội)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Bệnh viện thể thao khu vực phía Nam (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Đầu tư nâng cấp Trung tâm phòng chống Doping Việt Nam	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Đầu tư nâng cấp Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao quốc gia	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Đầu tư nâng cấp Trung tâm huấn luyện vận động viên trẻ quốc gia	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

<b>V</b>	<b>Trụ sở cơ quan văn hoá, thể dục thể thao</b>				
1	Xây dựng, nâng cấp trụ sở các cơ quan văn hoá, thể thao của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng trung tâm điều hành của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của Cục Thể dục thể thao	x		Ngân sách NN	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất của các đơn vị sự nghiệp, Ủy ban Olympic và các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia tại khu vực Khu Liên hợp thể thao quốc gia	x		Xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

\* **Ghi chú:** Vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ.

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Dự án ưu tiên đầu tư	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn	Chủ trì
		2021 - 2030	2031 - 2045		
<b>A</b>	<b>MẠNG LƯỚI CƠ SỞ VĂN HÓA</b>				
<b>I</b>	<b>Về bảo tàng</b>				

1	Nâng cấp, cải tạo các bảo tàng: Bảo tàng lịch sử quốc gia, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng mới các bảo tàng chuyên ngành: Bảo tàng Giáo dục Việt Nam, Bảo tàng Kiến trúc Việt Nam, Bảo tàng Nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long, Bảo tàng Tiền Việt Nam	x	x	Ngân sách	- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3	Đầu tư nâng cấp các bảo tàng chuyên ngành; xây dựng mới Bảo tàng Chiến dịch Hồ Chí Minh	x		Ngân sách	Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan
4	Đầu tư xây dựng Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế tại Thừa Thiên Huế	x		Ngân sách	Tỉnh Thừa Thiên Huế
5	Dự án ứng dụng công nghệ số trong hệ thống bảo tàng	x		Ngân sách, xã hội hóa	- Các bộ, ngành liên quan. - Các địa phương.
<b>II</b>	<b>Về thư viện</b>				
1	Đầu tư nâng cấp, cải tạo Thư viện Quốc gia Việt Nam theo hướng hiện đại; xây dựng Trung tâm bảo quản dữ liệu số quốc gia đối với Thư viện Quốc gia Việt Nam	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Trung tâm lưu trữ quốc gia tại thành phố Huế	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Đầu tư xây dựng thư viện số, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu thư viện Việt Nam, tài nguyên thông tin mở; liên thông thư viện trong nước và nước ngoài	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Đầu tư một số thư viện chuyên ngành thực sự trở thành thư viện có vai trò quan trọng được Nhà nước ưu tiên đầu tư với trò là thư viện đầu ngành thuộc các lĩnh vực: Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; khoa học xã hội và nhân văn; quân sự; nông, lâm nghiệp và thủy, hải sản; y học và luật	x		Ngân sách	Các bộ, ngành liên quan
5	Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đối với một số thư viện công cộng cấp tỉnh tại	x		Ngân sách	Các địa phương: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh

	các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đóng vai trò là trung tâm của vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Thái Nguyên, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Đắk Lắk				Minh, Cần Thơ, Thái Nguyên, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Đắk Lắk
6	Dự án xây dựng Thư viện Hoàng cung Huế tại Thừa Thiên Huế; Thư viện Khoa học tổng hợp tại Đà Nẵng trở thành thư viện tiêu biểu vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ	x		Ngân sách	Các địa phương: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng
<b>III</b>	<b>Về điện ảnh</b>				
1	Mở rộng, nâng cấp Trường quay Cổ Loa thành trường quay quốc gia tâm cỡ khu vực, thế giới	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Trung tâm chiếu phim quốc gia hiện đại tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng; Trung tâm chiếu phim Quốc gia cơ sở 2 tại thành phố Huế (Thừa Thiên Huế)	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Nâng cấp Trung tâm kỹ thuật điện ảnh trở thành trung tâm hàng đầu cung cấp các hoạt động dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất phim theo công nghệ hiện đại	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Nâng cấp Trung tâm Điện ảnh Thể thao và Du lịch Việt Nam về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phục vụ trong sản xuất phim theo công nghệ hiện đại	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Xây dựng Trường quay tại Thành phố Hồ Chí Minh và trường quay tại thành phố Đà Nẵng	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	Nâng cấp, mở rộng quy mô Trung tâm chiếu phim quốc gia tại Hà Nội và Rạp chiếu phim điện ảnh Quân đội nhân dân	x		Ngân sách, xã hội hóa	Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quốc phòng
<b>IV</b>	<b>Về nghệ thuật biểu diễn</b>				
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm Nghệ thuật Biểu diễn Quốc gia tại Hà Nội và Đà Nẵng	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

2	Xây mới cơ sở biểu diễn cho các đơn vị nghệ thuật: Nhà hát Kịch Việt Nam; Nhà hát Cải lương Việt Nam; Nhà hát Nhạc, Vũ kịch Việt Nam; Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Xây dựng mới nhà hát, trung tâm biểu diễn nghệ thuật tại các địa phương đóng vai trò trung tâm vùng như Lào Cai, Hà Nội, Thừa Thiên Huế (Trung tâm tổ chức biểu diễn nghệ thuật ngoài trời tại Huế, Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế), Thành phố Hồ Chí Minh..., đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện nghệ thuật quốc gia và quốc tế	x	x	Ngân sách	Các địa phương có liên quan
<b>V</b>	<b>Về triển lãm văn hóa, nghệ thuật</b>				
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ triển lãm nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, địa phương	x		Ngân sách	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các bộ, ngành liên quan. - Các địa phương.
2	Hoàn thiện Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia tại Đông Anh, Hà Nội	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Xây dựng Nhà triển lãm quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Xây dựng Trung tâm Triển lãm văn hóa, nghệ thuật quốc gia tại Huế	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>VI</b>	<b>Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài</b>				
1	Nâng cấp, nâng cao năng lực vận hành các Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Lào và Pháp	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài	x	x	Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>VII</b>	<b>Cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật</b>				
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế cho hệ thống các trường văn hóa, nghệ thuật	x		Ngân sách, xã hội hóa	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các bộ, ngành khác có liên quan.

2	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ của một số viện nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật theo mô hình tiên tiến của thế giới để thực hiện nhiệm vụ tư vấn chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành văn hóa	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>VIII</b>	<b>Cơ sở số hóa dữ liệu văn hóa</b>				
1	Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ trong lĩnh vực văn hóa đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong hoạt động văn hóa	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>IX</b>	<b>Di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt</b>				
1	Quy hoạch, đầu tư triển khai các dự án bảo quản, tu bổ, tôn tạo, hỗ trợ chống xuống cấp các di sản được UNESCO ghi danh, các di tích quốc gia đặc biệt	x	x	Ngân sách, xã hội hóa	Các địa phương
2	Nghiên cứu, triển khai các giải pháp về ứng dụng công nghệ số trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể	x		Ngân sách, xã hội hóa	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các địa phương.
3	Hỗ trợ sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm, các bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học	x		Ngân sách, xã hội hóa	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các địa phương.
4	Dự án số hóa hệ thống dữ liệu về văn hóa, di sản văn hóa trên nền tảng công nghệ số, phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá di sản, tích hợp vào các hệ thống thông tin theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử	x		Ngân sách, xã hội hóa	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các địa phương.
<b>X</b>	<b>Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam</b>				
1	Chuyển đổi số nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, tạo môi trường giáo dục cho thế hệ trẻ và phát triển du lịch tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Đầu tư hạ tầng cảnh quan Khu các làng dân tộc	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

3	Đầu tư Khu nghỉ lễ thờ tổ	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Đầu tư Trung tâm điều hành, quản lý văn phòng	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Đầu tư Khu các làng dân tộc IV	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	Đầu tư Khu đầu làng	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Đầu tư Khu lâm viên	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Đầu tư Khu Di sản văn hóa thế giới	x		Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
9	Đầu tư 04 khu chức năng: Khu trung tâm văn hóa và khu vui chơi giải trí; Khu Công viên bên thuyền; Khu cây xanh mặt nước hồ Đồng Mô; Khu Dịch vụ du lịch tổng hợp	x		Xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>XI</b>	<b>Trụ sở cơ quan văn hóa</b>				
1	Nâng cấp, xây dựng trụ sở các cơ quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng trung tâm điều hành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>B</b>	<b>MẠNG LƯỚI CƠ SỞ THỂ THAO</b>				
<b>I</b>	<b>Trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao</b>				
1	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Sa Pa (Lào Cai)	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Đà Lạt (Lâm Đồng)	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia III tại huyện Tam Đảo (Vĩnh Phúc)	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Xây dựng, nâng cấp các cơ sở Trung tâm huấn luyện thể thao quốc phòng	x		Ngân sách	Bộ Quốc phòng
5	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Đà Nẵng	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

6	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Cần Thơ	x		Ngân sách,	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Xây dựng Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia tại thành phố Cần Thơ (khu 4,3 ha) giai đoạn 2	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Nâng cấp, cải tạo Trường bắn thuộc Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
9	Cải tạo, nâng cấp Khu C Tam Đảo, Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Hà Nội	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10	Cải tạo, nâng cấp khu A Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
12	Xây dựng Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Mũi Né, tỉnh Bình Thuận (giai đoạn 2)	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13	Xây dựng Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân (cơ sở 2 tại Long Thành, Đồng Nai)	x		Ngân sách	Bộ Công an
14	Xây dựng Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân tại miền Trung	x		Ngân sách	Bộ Công an
15	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện thể dục, thể thao Công an nhân dân tại miền Bắc (Nguyễn Xiển, Hà Nội)	x		Ngân sách	Bộ Công an
16	Xây dựng, nâng cấp các Trung tâm Thể dục Thể thao Quốc phòng	x		Ngân sách	Bộ Quốc phòng
17	Xây dựng, nâng cấp các Trung tâm Huấn luyện thể thao Quân đội	x		Ngân sách	Bộ Quốc phòng
18	Xây dựng, nâng cấp các Trung tâm Huấn luyện, thi đấu Hội thao quân sự quốc tế (Army Games)	x		Ngân sách	Bộ Quốc phòng
19	Xây dựng Trung tâm huấn luyện quốc gia trọng điểm thuộc Khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình		x	Ngân sách, xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>II</b>	<b>Trung tâm hoạt động thể thao</b>				

1	Xây dựng Khu liên hợp thể thao quốc gia Rạch Chiếc tại thành phố Thủ Đức	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng Khu liên hợp Thể thao quốc gia Hòa Xuân (Đà Nẵng)	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Nâng cấp cơ sở vật chất và xây dựng một số công trình thể thao tại Khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình (theo quy hoạch được phê duyệt)				
3.1	Chống lún sụt khán đài C, D sân vận động trung tâm Khu Liên hợp thể thao quốc gia	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.2	Nâng cấp, sửa chữa, thay thế cơ sở vật chất, thiết bị và các hạng mục công trình tại sân vận động - Khu Liên hợp thể thao quốc gia	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.3	Nâng cấp, sửa chữa, thay thế cơ sở vật chất, thiết bị và các hạng mục công trình tại Cung thể thao dưới nước - Khu Liên hợp thể thao quốc gia	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.4	Nhà thi đấu đa năng Khu Liên hợp thể thao quốc gia	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Đầu tư Khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình đạt tầm cỡ châu Á, đáp ứng yêu cầu tổ chức Đại hội thể thao châu Á		x	Ngân sách xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Nâng cấp sân vận động Tự Do tại tỉnh Thừa Thiên Huế đáp ứng yêu cầu tập luyện, tổ chức thi đấu trong nước và quốc tế		x	Ngân sách	Tỉnh Thừa Thiên Huế
<b>III</b>	<b>Cơ sở nghiên cứu, đào tạo thể dục, thể thao</b>				
1	Trung tâm nghiên cứu thí nghiệm Thể dục, thể thao thuộc Viện Khoa học Thể dục thể thao	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu thể dục, thể thao quốc gia	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

<b>IV</b>	<b>Cơ sở dịch vụ thể thao và chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng vận động viên</b>				
1	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Thể thao Việt Nam	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Đầu tư nâng cấp Trung tâm Doping và Y học thể thao và Viện Khoa học Thể dục thể thao	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>V</b>	<b>Trụ sở cơ quan về thể dục thể thao</b>				
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của Cục Thể dục thể thao tại 36 Trần Phú - Hà Nội	x		Ngân sách	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất của các đơn vị sự nghiệp, Ủy ban Olympic và các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia tại khu vực Khu Liên hợp thể thao quốc gia	x		Xã hội hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

*\* Ghi chú: Vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ.*